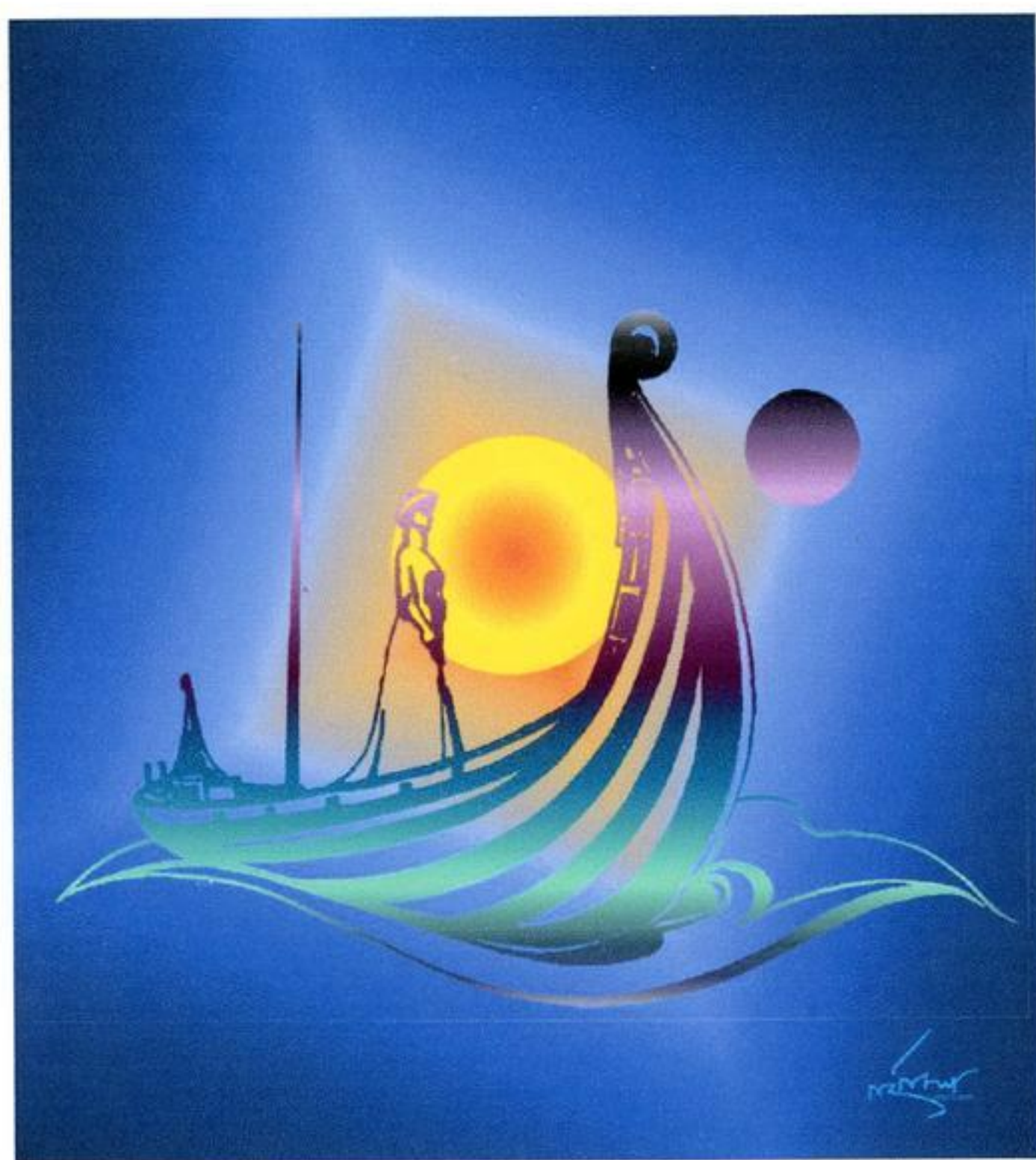


Viết & Đọc



Tuyển Tập 2002

Viết & Đọc
Tuyển Tập 2002



<http://home.world-online.no/~vietdoc>

thực hiện & trình bày
tuyển tập 2002
Đặng Bản

thực hiện trang nhà
Đinh Ngọc Căn, Nguyễn
Ngọc Thuận, Dương Kim,
Thanh Hiệp, Phạm Gia Lộc,
Đặng Bản, Mai Thảo

góp bài
Tâm Thanh, Hoài Mỹ, Nguyễn
Văn Thực, Dương Kiên, Đặng
Trình, Khánh Hà, Cung Vĩnh
Viễn, Cổ Ngư, Nguyễn Văn Thà,
Nguyễn Hữu Nhật, Nguyễn Thị
Vinh, Phạm Đông Ngạc, D.
Nguyễn, Dương Kim, Đoàn Mai
Tâm, Tiểu Đề, Nguyễn, Trần
Thụy Minh, Mạch Nha, Nguyễn
Ngọc Thuận, Nguyễn Oslo,

trình bày trang nhà
Dương Kim

bìa: Viking
Họa Sĩ Nguyễn Hữu Nhật

liên lạc
vietdoc@world-online.no

hoặc
Đinh Ngọc Căn
Utholtn 46E
1053 Oslo, Norway

Tuyển Tập Viết & Đọc không
phải là tiếng nói của đoàn thể
hay bất kỳ tổ chức nào. Mọi chi
phí ấn loát do sự đóng góp của
các thân hữu và bạn đọc.

mục lục

Lá Thư Na-uy	Nguyễn Oslo	1
Cái Đập của Cánh Bướm và Cơn Bão	Tâm Thanh	8
Vui Buồn Mong Manh	Khánh Hà	10
Ách Nước	Đặng Trình	10
Đôi Dòng về Trịnh Công Sơn	Cổ Ngư	11
Mơ Hồ Tiếng Gió	Khánh Hà	16
Thập Giá	Hoài Mỹ	17
Như Ngọn Lửa Cháy	Nguyễn Ngọc Thuận	25
Một Bông Hồng	Dương Kim	26
Tết Ấy	Mạch Nha	31
Oán Ca	Phạm Đông Ngạc	34
Hương Xưa	Tâm Thanh	36
Hè ở Gran Canaria Nhớ	Đặng Trình	40
Con Sáo của Thành Cối	Đoàn Mai Tâm	41
Lưu Lạc	Cung Vĩnh Viễn	44
Mạng Nhện	Nguyễn Văn Thà	45
Vẫn Còn Mùa Xuân	Cổ Ngư	51
Túm Tím	Nguyễn	54
Sợi Tơ Nhện	Nguyễn văn Thực	56
Những Đoạn Đường Đời	Nguyễn Ngọc Thuận	58
Đàn Bướm Trắng	Dương Kiên	59
Lục Bát Cho Đời	Nguyễn Hữu Nhật	
	Nguyễn Thị Vinh	67
Fryktens Språk	D. Nguyễn	68
Cuồng	Tiểu Đề	70
Hà Nội Trong Tôi	Nhạc Trần Thụy Minh	71

Lá thư Na-uy

Nguyễn Oslo



Bạn ta ơi,

Tết lại về rồi đấy! Ở đây chỉ có những giải nắng vàng hiếm hoi là có mang chút gì hơi hướm của mùa xuân. Cảnh vật còn lại chung quanh vẫn còn bao trùm bởi một màu trắng của tuyết. Những bông hoa tuyết muôn hình vạn trạng chấm phá thành một bức tranh thiên nhiên kỳ ảo, mang đến cho ta một cảm giác yên bình thanh tĩnh - một sự đối nghịch vô cùng với những sự kiện đau buồn xảy ra cho thế giới trong năm qua.

Khỏi cần nói, bạn cũng đã biết biến cố 11 tháng 9 ở Hoa-kỳ đã làm kinh hoàng cả thế giới ra sao! Hòa bình cho nhân loại càng xa tầm tay với. Thế chiến thứ Ba tưởng như có thể bùng nổ bất cứ lúc nào. Xung đột bất hòa giữa người Do thái và Palestina ngày càng trở nên trầm trọng. Chiến tranh giữa hai láng giềng nghèo mạt Ấn Độ và Pakistan lại nhen nhúm bộc phát...

Riêng tại Na-uy, theo như tờ New York Times mới đây: *cái chết của Benjamin, một thiếu niên da màu ở Oslo, đã lấy đi sự trinh trắng của đất nước này, đánh dấu một khúc quanh mới cho vùng đất thiên đường*. Đây là án mạng gây ra do sự kỳ thị chủng tộc xảy ra lần đầu tiên ở Na-uy. Còn chuyện gì khác đáng ghi nhận trên *thiên đường vừa đánh mất* này trong năm qua?

Nàng Lọ Lem thời đại?

Khi tóm lược lại những sự kiện quan trọng đã xảy ra tại xứ tuyết năm qua, trước hết ta phải nhắc đến hôn lễ trong hoàng gia Na-uy. Cậu thái tử Na-uy đã tìm được cho mình người bạn đời mà khi hỏi *tại sao* thì chàng cũng không biết *vì sao tôi yêu nàng*. Nàng đây là cô Mette-Marit Tjessem Høiby - cô sẽ dẫn theo một đứa con bốn tuổi vào cung hưởng lạc. Đứa con trai trai này là

kết quả của một mối tình ngắn ngủi giữa cô và một người đàn ông có tiền án ma-túy mà cũng là người bạn của người đàn ông (cũng có tiền án ma-túy) cô đang sống chung lúc đó (rắc rối nhỉ). Người hoàng hậu Na-uy tương lai đã tự thú rằng nàng đã sống một đời sống thác loạn, bất chấp những giá trị đạo đức thông thường trong xã hội.

Sự chọn lựa người phối ngẫu của thái tử đã đưa đến không ít sự tranh cãi về số phận của chính thể quân chủ tại đất nước này. Những người thờ vua kính chúa lại chính là những kẻ cảm thấy bề bàng nhất. Nghĩ tới sau này khi đối mặt công nương, mình sẽ phải cúi đầu sụp người xuống... muôn tâu công nương thì đủ thấy tức anh ách rồi. Thử hỏi một người với một quá khứ nhùng nhằng như thế có đáng cho ta tôn thờ sùng kính không? Đó là suy luận của lớp người nhìn vào gia đình nhà vua như những đứa con Trời, được phái xuống đây để cai dân trị nước.

Nhưng lớp người trẻ lại phóng khoáng và rộng rãi trong lối suy nghĩ của họ hơn. Họ cho rằng tất cả mọi người đều ít nhất đã một lần lầm lỗi trong đời, thôi thì chín bỏ làm mười, và họ sẵn sàng chấp nhận người hoàng hậu tương lai. Có lẽ họ còn cảm thấy thích và hãnh diện nữa là đằng khác vì ông hoàng của họ can đảm dám uống thuốc liều làm một chuyện đầy tính cách mạng, đi kết hôn với một người đàn bà đã nặng gánh dĩ vãng. Có kẻ lại vỗ tay hoan hô ca ngợi tình yêu: thế mới đúng là tình yêu thực sự, không giai cấp, không so đo, không tính toán, chỉ có nàng và chàng và... đứa con bốn tuổi của nàng.

Nói gì thì nói, đây là một chuyện được báo chí năm châu xếp vào mục *chuyện lạ bốn phương*. Sự này không thể xảy ra ở bất kỳ vương quốc nào khác. Bởi thế, hôn lễ của thái tử Haakon đã gây nhiều sự chú ý (hay tò mò thì đúng hơn) từ khắp nơi trên thế giới. Khi bàn về hôn lễ này, người ta gọi cô Mette Marit là một *Lọ Lem thời đại*. Nhưng so sánh như vậy e không ổn. Về nhan sắc, Lọ Lem là một cô gái khả ái; về tính tình Lọ Lem là một cô gái đoan trang và hiền thực; với quá khứ Lọ Lem hoàn toàn trong sạch, trái tim chưa từng vướng bận. Tất cả những thứ này đều không tìm thấy ở cô Mette Marit. Cái *tội* duy nhất của Lọ Lem là sự

bất hạnh vì phải mồ côi mẹ sớm và chịu đựng người mẹ ghẻ độc ác tham lam. Nhưng hoàn cảnh của cô Mette Marit là do cô chủ động đi tìm những thú đau thương và cảm giác mạnh trong đời. Bởi vậy, so sánh Mette Marit với nàng Lọ Lem đều được mọi người thương cảm thì quả có bất công và tội nghiệp cho nàng Lọ Lem thứ thiệt quá!

Năm Ngọ nói chuyện heo

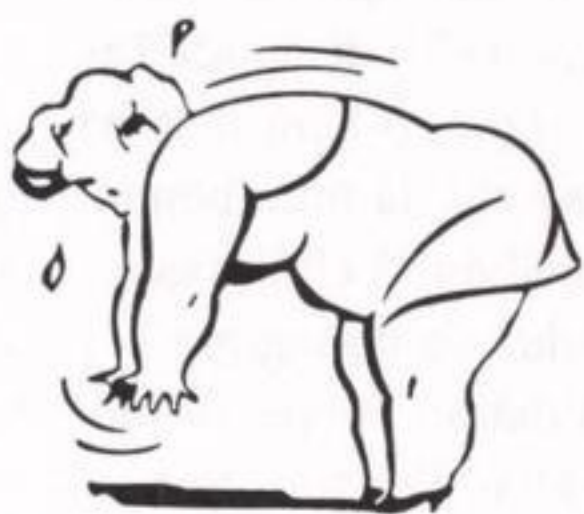


Hãng thịt lớn của Na-uy, Gilde, đã tính sai lượng thịt heo cung cấp cho thị trường. Do thế, các quầy thịt trong các siêu thị được vét sạch trong những ngày cận Giáng sinh. Đón Chúa giáng trần mà nhiều người đã buồn vì không được thưởng thức món sườn nướng dòn da.

Trong mấy món ăn được gọi là thuần túy Na-uy nhân dịp lễ Giáng Sinh như cá ngậm sút (lutefisk), "mắm" Na-uy (rakfisk), trầu ướp muối phơi khô đem hấp que (pinnekjøtt) hay đầu trầu già ướp muối và hầm (smalahoved) thì món sườn nướng có lẽ vẫn là món ngon miệng và dễ nuốt nhất nên được nhiều người chiều chuộng, đặt biệt là đối với những công dân Na-uy...mới như bạn và tôi. Không biết đã có bao nhiêu người trong chúng ta đã làm quen và thích thú khi thưởng thức cái mùi nồng nặc từ món "mắm" Na-uy, hay háo hức chờ đợi đến Giáng sinh để được ăn món đầu trầu già hầm cho đã thèm ?

Bạn đừng nghi oan cho công ty Gilde bị bẽ kế hoạch sản xuất vì họ lo ngại lượng thịt tràn ngập từ các siêu thị ngày càng nhộn nhịp ở bên kia biên giới tại Thụy-điển. Theo như Gilde, dù người Na-uy vượt biên giới mua thịt rẻ từ các siêu thị Thụy-điển, nhưng họ vẫn tăng lượng thịt heo cung cấp cho thị trường Na-uy đến 20% năm vừa qua. Nếu tính luôn con số Hồi dân không ăn thịt heo ngày càng đông ở Na-uy thì quả dân Na-uy bây giờ ăn thịt heo nhiều hơn so với trước. Việc thay đổi cách ăn uống hàng ngày mấy năm gần đây có lẽ là một trong những nguyên nhân đưa đến tình trạng béo phì đáng lo ngại tại Na-uy chẳng? Từ béo phì mới dẫn đến những căn bệnh khác nguy hiểm cho sức khỏe như tiểu đường hay suy nhược tim mạch v.v..

Phương pháp làm ốm hiệu quả



Cứ sau mỗi mùa nghỉ Giáng sinh dài, khi mà thần khẩu đã được thỏa mãn với những thức ăn ngon đặc biệt, lúc đó ta bắt đầu quan tâm đến sức khỏe, tìm cách tống khứ mỡ của nợ dư thừa nặng chịch. Và sức khỏe đột nhiên lại càng quan trọng hơn khi mùa bikini gần kề. Các bà các cô thì rất thù ghét bắp đùi... cổ thụ mất thẩm mỹ của mình trong khi các ông thì cái sợ bụng bia của mình làm giảm đi phần nào thú tẩm biển mùa hè. Thế là kỹ nghệ giữ eo lại có dịp hốt bạc. Kỹ nghệ giữ eo bao gồm sản xuất thuốc, dụng cụ và dịch vụ làm giảm cân lên đến bạc tỷ chứ không phải chuyện đùa.

Những thuốc trị căn bệnh béo phì trước đây vẫn dựa trên nguyên tắc dùng thuốc tác động vào não bộ ra lệnh "đừng thèm ăn" và người dùng thuốc không bị cám dỗ bởi thức ăn ngon hoặc cảm thấy đói hay ngon miệng khi dùng bữa nữa. Gần đây, hãng bào chế thuốc Roche của Thụy Sĩ đưa vào thị trường một dược phẩm có tên Xenical với nguyên tắc làm giảm cân hoàn toàn mới lạ. Thuốc này tấn công trực tiếp vào *kẻ thù mỡ*, giúp ngăn chặn sự tiêu hóa của chúng ở ruột. Nghĩa là phần lớn các chất mỡ mẹ mỡ con sẽ tìm đường đi thẳng ra ngoài cơ thể sau khi được ăn vào dạ dày. Dĩ nhiên, những loại thuốc giảm béo nói trên thường gây ra những phản ứng phụ, chỉ có những người béo hết phương cứu trị thì mới được bác sĩ cho toa mua thuốc này.

Ở Na-uy, một quốc gia mà kỹ nghệ ngành Dược truyền thống gần như chỉ còn ở tình trạng ngoi ngóp, nhưng lại mọc lên nhiều công ty lớn nhỏ như Nutripharma, Natural... tiên phong đi tìm một dược chất hay thức ăn có chất bồi dưỡng cần thiết giúp giảm cân. Công ty Natural thì mạnh với sản phẩm Tonalin có chứa chất CLA (Conjugated Linoleic Acid), một loại mỡ thiên nhiên có khả năng cân bằng lượng cơ và mỡ tạng, giúp mỡ thặng dư biến thành cơ thịt (nghe phát ham). Riêng hãng Nutripharma, năm rồi tung Nutrilett vào thị trường Hoa-kỳ, dụ mấy bà và mấy ông Mỹ uống vào để có thể nhịn ăn theo đuổi một khóa làm ốm mà cơ thể vẫn không bị mất sức.

Uống thuốc hay dùng thực phẩm có tác dụng cần thiết (functional food) chỉ là một trong hàng trăm cách để làm bớt mập. Kỹ nghệ làm ốm rất nhiều sáng kiến để tìm cách vét bạc của những kẻ cả tin muốn xuống cân bằng đường tắt. Có loại trà được quảng cáo với hiệu năng làm tan mỡ bụng (sao dễ dàng quá!). Châm cứu và chạy điện...cũng làm ta nhẹ ký. Không tin bạn

hỏi mấy ngài bác sĩ châm cứu thì biết. Ngoài ra, những năm gần đây các câu lạc bộ, trung tâm thể thao mọc lên nhan nhản. Ở đó có nhân viên tận tình chỉ dẫn bạn tập ít mà lại có kết quả nhiều. Thêm nữa, vô số dụng cụ thể thao và phi thể thao khác được quảng cáo bày bán khắp nơi, (ngay cả phòng khách nhà bạn qua TV-shop) giúp bạn đạt đến mục đích tối hậu. Nhiều dụng cụ tân tiến đến nỗi bạn chỉ cần đeo vào người, ở những nơi mỡ màng nhất và chỉ việc nhấn nút là máy sẽ tập giùm bạn và bạn không cần phải nhếch một ngón tay (như là truyện thần thoại vậy).

Tuy nhiên, còn một cách giữ eo rất đơn giản và hữu hiệu mà chúng ta ai cũng biết nhưng cố tình quên đi là tránh bớt những thức ăn chứa nhiều chất mỡ và đường, đừng để cái miệng làm hại cái thân sau này và để ý chú tâm vận động thường xuyên như đi dạo bộ, đạp xe mỗi ngày, nói cách khác là phải bắt cơ thể làm việc xài bớt những năng lượng vừa mới nhận vào.... Nói cho cùng thì sống trên đời cái ăn là một trong những cái sướng hiếm hoi, không được ăn ngon hay ăn mà phải cật lực vận động đến thế thôi thì thà chết sướng hơn.

Buồn thấy mẹ...

Cuốn sách được nhắc nhở nhiều đến năm qua tại Na-uy có tựa đề *Buồn thấy mẹ* (Tristere enn faen), là tác phẩm đầu tay của Ari Behn. Cuốn sách mỏng dính, chẳng có một nét nào đặc sắc, thế nhưng lại bán chạy như tôm tươi. Đó chẳng qua là vì anh chàng playboy Ari Behn này có quan hệ tình cảm với công chúa Na-uy.

Mới đây hai người vừa làm lễ đính hôn. Anh chàng Ari Behn con nhà lính nhưng ăn xài kiểu cách trưởng giả như nhà quan này hết sợ bị thất nghiệp và đói rách. Cũng

giống như công nương Mette-Marit, Ari Behn mãi đùa giỡn trong môi trường ma-túy nên chẳng có thời giờ lấy cho mình một bằng cấp hay tìm một nghề nghiệp nào coi cho được để có thể tự nuôi thân. Nhưng đó là chuyện dĩ vãng. Từ đây về sau bất cứ chuyện gì phò mã Ari nhúng tay vào đều được thiên hạ để ý đến. Cứ mỗi một ngày qua đi thì giá thị trường của phò mã Ari thêm tăng. Người ta dự trù rằng sẽ có khối hãng truyền hình, tạp chí quốc tế mời phò mã cộng tác hay phỏng vấn với giá huê hồng ít nhất là bạc triệu. *Ô kìa đời bỗng dưng vui*, đâu còn buồn... thấy mẹ nữa.

Cái áo dạ tiệc của Eva Sannum

Trước ngày hôn lễ hoàng gia Na-uy cả tuần, báo chí Tây-ban-nha đã gửi một phái đoàn cộng sự viên hùng hậu đến Oslo. Chẳng phải họ bận tâm lắm đến hôn lễ của thái tử Na-uy. Đối với người Tây-ban-nha, Haakon có chọn Lọ Lem thật hay Lọ Lem giả hiệu cũng chỉ là tin... bên lề. Họ quan tâm đến ngày hôn lễ chẳng qua vì hôm đó có sự tham dự của hoàng gia Tây-ban-nha, trong đó có thái tử Felipe và một nhân vật quan trọng khác là người tình của thái tử: cô người mẫu Na-uy Eva Sannum. Họ sẽ bám đuôi theo sát cô người mẫu Eva Sannum để tường trình những biến chuyển giật gân trong cuộc tình giữa cô và thái tử của họ. Có tin đồn rằng hoàng gia Tây-ban-nha sẽ tuyên bố ngày đính hôn của đôi trai tài gái sắc vào một ngày thật gần. Kết quả một vài cuộc thăm dò dư luận sơ khởi vô cùng thuận lợi cho đôi tình nhân: nàng được lòng đại đa số dân chúng xứ mộ đạo này và họ cho rằng nàng rất xứng đáng trở thành một thành viên mới trong hoàng gia Tây-ban-nha.

Nhưng đừng một cái, hoàng gia đột ngột tuyên bố hai người sẽ chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, chỉ xem nhau như bạn. Người

ta khảo nhau rằng cái áo tiết kiệm vải của cô nàng người mẫu Eva Sannum là lý do đưa đến sự đổ vỡ. Ai đời đi dự đám cưới trong hoàng gia ở giáo đường mà cô lại chọn mặc chiếc áo không tay thiếu vải và cổ áo lại bị người thợ may lỗ tay khoét quá sâu nên không che giấu được gì nhiều. Thiệt tình thì đáng vốc người mẫu của cô Sannum chỉ càng tuyệt vời hơn trong chiếc áo dạ tiệc màu xanh tím hôm đó. Có bạn ít hơn thế nữa thì cô cũng vẫn đẹp và đáng yêu như thường, che làm gì cho phí của Giời. Nhưng cái đầm này có vẻ táo bạo và thách thức quá không hợp với nghi lễ hoàng gia trang trọng hôm đó và lại càng không tương xứng với địa vị tương lai của cô. Dù gì thì cô cũng sẽ trở thành hoàng hậu của mấy chục triệu người Tây-ban-nha. Cô không ngờ rằng cái áo đầm này đã trở thành đề tài tranh luận sôi nổi ở Tây-ban-nha sau lễ cưới và đã làm rớt đi cái vương miện hoàng hậu chưa đội của cô. Chuyện này thực hư ra sao, chắc ta phải chờ đọc hồi ký của cô sau này mới rõ.

Sân khấu cuộc đời



Ông Carl I. Hagen là một chính trị gia đa tài. Cuộc đời của ông đã trải qua biết bao nhiêu sóng gió thăng trầm trên chính trường suốt mấy chục năm dài đeo đuổi chủ nghĩa cơ hội. Trước ngày bầu cử Quốc hội khoảng đúng một năm, đảng Cấp Tiến mà ông làm... chủ đã trở thành một đảng lớn nhất nhì tại Na-uy. Con đường đi đến tuyệt đỉnh danh vọng mở ra thênh thang. Ước mơ của ông là ông sẽ dọn dẹp sạch sẽ trong nội bộ, loại bớt những thành phần bất hảo cực đoan bất đồng chính kiến với ông; từ đó là ông mới có cơ hội được triệu vào

văn phòng Chính Phủ mời giữ một ghế bộ trưởng nào đó. Làm thủ tướng thì thiệt tình ông không dám nghĩ đến, ông chỉ khiêm tốn hy vọng đến chiếc ghế ở bộ Ngoại Giao để ông có dịp ngao du sơn thủy. Được như vậy thì ông hài lòng biết mấy, ông sẽ chấm hết cuộc đời chính trị của mình trong vinh quang.

Nhưng ở đời *muôn sự tại thiên*. Mọi việc đã không xảy ra theo ý muốn của ông. Sự xáo trộn trong nội bộ đã đưa đến cảnh huynh đệ tương tàn. Những diễn biến trong nội bộ đảng Cấp Tiến trước và sau ngày tranh cử tựa như một tuồng kịch xà-phòng được chiếu mỗi ngày trên truyền hình. Tuồng kịch có nhiều chi tiết éo le gây cuốn hút hấp dẫn người xem theo dõi tập tiếp. Nó có đầy đủ tất cả những yếu tố để trở thành một tuồng kịch dài: tranh giành quyền lực, phản bội, trả thù, tình cảm ướm át trên giường, ngoại tình, hiếp dâm, nước mắt cá sấu, tha thứ, kiện cáo nhau ra tòa... y hệt như tuồng Hotel Cesar đang được trình chiếu mỗi ngày vậy. Sau màn máu đổ thịt rơi, kẻ mất người còn, đảng của ông đã tuột dốc khá mạnh và giấc mơ vào văn phòng Chính Phủ của Carl I. Hagen cũng tan thành mây khói.

Đường vào văn phòng Chính phủ vẫn còn xa diệu vợi nhưng ông đã có vẻ mệt mỏi hết còn nhiệt huyết như xưa. Không hiểu ông còn đủ kiên nhẫn đeo thêm bốn năm nữa sau khi hết nhiệm kỳ dân biểu lần này. Dù sao chính trường Na-uy không có ông thì cũng buồn, còn ai diễn kịch để ta xem quảng cáo xà-phòng chứ!

11 tháng 9

Lợi dụng lúc người hùng Superman đã bán thân bất toại sau khi bị té ngựa và Rambo bỏ chiến trường về hưu vì tuổi già, quân khủng bố Hồi giáo cực đoan đã giáng cho

người Mỹ một đòn chí tử. Ba chiếc máy bay như ba quả bom sống đã đâm thủng vào trung tâm thương mại quốc tế ở New York và bộ Quốc Phòng của Mỹ ở lầu Năm Góc tại Washington. Một an ủi nhỏ tí ti là nhà Trắng đã thoát khỏi trận khủng bố này. Hoa-kỳ chưa từng bao giờ lâm vào một tình trạng khủng hoảng như vậy. Từ lâu người Mỹ sống trong một xã hội tiêu thụ nặng về vật chất, vẫn tin rằng chiến tranh trên đất Mỹ là chuyện hoàn toàn giả tưởng, chỉ thấy trong mấy phim giàu tưởng tượng của Hollywood mà thôi. Thế mà Hoa kỳ lại rơi vào tình trạng báo động và các sinh hoạt trên không cũng như ở dưới đất hoàn toàn tê liệt suốt cả tuần lễ sau ngày bị tấn công. Tệ hơn nữa là người Mỹ phải sống trong sự bất an, luôn luôn lo âu phập phồng, không biết khi nào thì một chiếc máy bay nữa lại bị rớt hoặc một nạn nhân khủng bố mới bởi chất độc hay vi trùng sẽ nhập viện.

Vấn đề nan giải là Hoa-kỳ phải đối đầu với một kẻ thù vô hình. Họ không biết phải đem bom đi dội ở đâu, đem súng đi bắn vào ai cho đã nư và để trả đũa quân khủng bố hèn hạ. Nhưng cuối cùng rồi họ cũng nhận diện được kẻ thù. Nếu là thời điểm của 50 chục năm trước, người Mỹ sẽ lấy vài chục trái bom nguyên tử đem rải hết nước A-phú-hãn từ Nam chí Bắc, từ Tây sang Đông, nướng hết cái xứ sở khó thương, dám chứa chấp quân khủng bố như họ đã làm ở Nagasaki và Kagoshima sau khi bị Nhật tấn công vào hạm đội ở cảng Tân Sa Châu năm nào. Ngặt một nỗi, thời đại bây giờ không cho phép họ sử dụng đến loại vũ khí này. Không những thế, họ còn cần tới sự hậu thuẫn từ nhiều quốc gia trên thế giới mới có thể đi đến những biện pháp trừng phạt quân sự cụ thể.

Dĩ nhiên là một thành viên của khối phòng thủ Bắc Đại Tây Dương (NATO), chính phủ Na-uy hoàn toàn ủng hộ Hoa-Kỳ trong

cuộc chiến chống khủng bố quốc tế. Tuy nhiên, ông Ngoại Trưởng Jagland phát biểu thế nào không biết đến nỗi dư luận Mỹ nghi ngờ thiện chí của Na-uy khiến tòa đại Na-uy phải làm công việc... chữa lửa bên Washington. Cùng lúc người Mỹ đem bom sang dội ở A-phú-hãn, báo chí Na-uy bận rộn đi tìm câu trả lời cho câu hỏi được đặt ra: Na-uy có đang ở trong tình trạng chiến tranh? Chính phủ Na-uy, từ thủ tướng đến những chính gia có máu mặt đã tránh né trả lời câu hỏi này? Phải chăng họ sợ bị liên lụy vì lo ngại rằng câu trả lời có thể là một lời tuyên chiến gián tiếp với quân khủng bố? Hoặc Na-uy sẽ mất đi vị thế trung lập mà họ đã đổ khá nhiều tiền của ra để mua chút hào quang bằng cách đứng ra làm môi giới cho các cuộc hòa đàm hòa bình. Giá chính phủ Na-uy mạnh dạn hơn khi lên tiếng hiệp lực với Hoa-kỳ (như người Anh đã làm) thì hay biết mấy mặc dù sự ủng hộ từ phía Na-uy hoàn toàn chỉ có tính cách hậu thuẫn trên phương diện luân lý mà thôi.

Người Mỹ chắc chắn sẽ thắng trận này. A-phú-hãn sẽ thành bình địa dưới thảm bom B52. Trùm khủng bố bin Laden và tùy tùng của hắn ta sẽ bị giết hoặc bị bắt và xử phạt theo pháp luật tòa án. Nhưng liệu bao lâu nữa thì một bin Laden mới sẽ được sinh ra đời và màn máu đổ lại tiếp diễn trong vòng lẩn quẩn như đã và đang xảy ra ở Trung Đông suốt nửa thế kỷ qua. Phải chăng đi đôi với việc lùng bắt và trừng trị tội phạm khủng bố, Hoa-kỳ nên duyệt xét lại chính sách đối ngoại của họ ở Trung Đông.

Nghèo

Nghèo không phải chỉ là đề tài muôn thuở trong các bản nhạc sến (còn được gọi một cách văn vẻ là nhạc tình cảm phổ thông) trong băng nhạc hình Paris by Night, mà

còn là đề tài tranh luận nóng bỏng ở Na-uy trong suốt năm vừa qua.

Mụ X rướm rướm nước mắt than trong một buổi tranh luận trực tiếp trên ti-vi rằng mụ không đi làm đã lâu, sống bằng trợ cấp bệnh tật dài hạn nên không đủ tiền để làm một chuyến du lịch nước ngoài như những người hàng xóm khác. Thật là tủi thân cho số nghèo.

Bà Y, một thân chủ trung thành của văn phòng xã hội, đã khóc tím tím vì bà phải dọn đến một căn phòng nằm ở lầu ba trong một chung cư cùng công xã mà văn phòng xã hội vừa mới tìm cho gia đình bà. Bà buồn vì phải vất vả với đôi chân khắp khiêng leo thang cấp mỗi ngày cũng có, nhưng bà lo lắng nhất là số phận của mấy con ngựa, chó, mèo và các súc vật khác của bà đang nuôi trong nhà. (Không hiểu với trợ cấp xã hội bà đào đâu ra tiền để nuôi thú tiêu khiển).

Trong một phim tài liệu về Nghèo chiếu trên TV2, cô Z ghen ngào kể rằng với đứa con mang bệnh Down còn nhỏ, cô vất vả lắm mới có thể sống còn. Làm việc bán thời gian nhưng lương và tiền trợ cấp gom lại không đủ sở hụi sinh hoạt cho hai mẹ con (nhưng cô không cho biết bao nhiêu). Gần đến cuối tháng thì túi đã nhẵn tiền, con cô không có bữa ăn trưa mang theo đến trường (dù chỉ là hai lát bánh mì đen trét bơ?), hai mẹ con bụng rỗng phải dẫn nhau đi thăm hàng xóm để hy vọng được mời bữa ăn. Có khi cô còn phải bươi thùng

rác tìm giày dép cho con bé mang vào mùa lạnh và phải đi xin thức ăn, vật dụng gia đình và quần áo từ các hội từ thiện. Nhưng cô tuyệt nhiên không bận mĩ về kiểu tóc bện quăn kiểu afro của cô là tự thất ở nhà hay do thợ làm ở tiệm, hoặc đã động đến cái vô tuyến 32 inches mặt phẳng, màn ảnh rộng đời mới nằm hiên ngang giữa phòng khách nhà cô là của cô mua hay là đồ lượm.

Tháng trước, tôi mới nhận thư của một người bạn từ Việt nam kể về hoàn cảnh thương tâm của người hàng xóm: Người anh tốt nghiệp đại học có việc làm, phụ giúp tiền từ gia đình dưới quê gửi lên để nuôi hai em theo học đại học. Nhưng với vật giá ở Sài gòn bây giờ, mấy anh em chỉ đủ tiền mướn một góc phòng trong một căn gác ọp ẹp tồi tàn và nhiều lúc mấy anh em không có gì trong bụng, nhịn đói đi học hoài hoài...

Thế mới biết cái nghèo ở đây nó khác với cái nghèo bên Việt Nam ta ra sao bạn nhỉ!

Lời chúc đầu xuân năm nay tôi dành cho mấy anh em người bạn kể trên và hàng triệu người Việt đói khổ khác ở quê nhà, mong sao cho họ được cái *nghèo* như mụ X, bà Y hay cô Z bên này để cuộc sống họ bớt phần cơ cực và cho kiếp người được giống kiếp người.

Nguyễn Oslo

Cảm Tạ

Viết & Đọc chân thành cảm tạ sự ủng hộ tinh thần cũng như đóng góp vật chất của tất cả các thân hữu, tác giả và bạn đọc xa gần.

Ủng hộ tuyển Tập 2001: Tôn Thất Thu kr 2000, Ngô Thanh Tâm kr 200, Nguyễn Văn Thục kr 200, Vũ Văn Phán kr 200, Lâm Bá Thắng kr 100, Nguyễn Tiến Thành kr 100, Nguyễn Thanh Hiếu kr 100.



Cái đập cánh của con bướm và cơn bão

Tản mạn về 100 năm Giải Nobel hòa bình

Tâm Thanh



Oslo mừng kỷ niệm 100 năm Giải Nobel Hòa bình trong một ngày nắng lụa vàng giữa mùa đông. Mùa đông phương bắc, được vài giải nắng như thế một ngày là quý lắm.

Hầu hết những vị thắng giải các năm trước mà còn sống, đều trở lại, trong số đó những người được dân thủ đô Na-uy ưa chuộng nhất có đức Dalai Lama và đức giám mục Desmond Tutu. Trong số những người vắng mặt, có ba ông đặc biệt vì cùng lãnh giải chung nhưng chưa làm xong lời cam kết: ông Rabin bị ám sát một năm sau khi trúng giải, ông Arafat và ông Peres đang ngồi canh lò thuốc súng tại quê nhà. Trong số những quan khách được chú ý nhất có Meryl Streep và Sir Paul McCartney.

Người dân của một nước trên nửa thế kỷ không nghe bom đạn và quen nét gọi thủ tướng, bộ trưởng của mình “Ê! Khỏe không?” lần đầu tiên phải đứng xa xa nơi hành lễ, và nhìn những người ‘bạn dân’ hừng hừng súng máy để... bảo vệ hòa bình, thì lấy làm chướng mắt. Máy bay cũng không được bay qua thủ đô. Nhưng khi ký ức còn nóng bỏng hình ảnh của World Trade Center và Ngũ Giác đài, họ biết phải như thế và chấp nhận như thế.

Giải Nobel hòa bình của đầu thiên niên kỷ thứ ba, và thứ 100 từ ngày thành lập giải, về tay Tổ chức Liên hiệp quốc và Tổng thư ký Kofi Annan. Trong bài diễn văn, mà sau lễ,

Meryl Streep khen là “Tuyệt vời”, ông Annan nói:

“Các nhà khoa học cho biết rằng thế giới thiên nhiên nhỏ bé và tương thuộc nhau đến nỗi một con bướm đập cánh trong rừng già Amazon có thể gây nên cơn bão tàn bạo ở một nơi khác trên trái đất. Nguyên lý đó được gọi là ‘Tác dụng bướm bướm’. Ngày nay, chúng ta ý thức, có lẽ hơn bao giờ, rằng thế giới sinh hoạt của loài người cũng có ‘Tác dụng bướm bướm’ - cả mặt tốt lẫn mặt xấu” (Scientists tell us that the world of nature is so small and interdependent that a butterfly flapping its wings in the Amazon rainforest can generate a violent storm on the other side of the earth. This principle is known as the ‘Butterfly Effect’. Today, we realize, perhaps more than ever, that the world of human activity also has its own ‘Butterfly Effect’ - for better or for worse.)

Tôi thấy trong nụ cười cố hữu của Đức Dalai Lama, lúc này có cái vẻ đặc biệt hài lòng, bởi vì ngài vừa nghe một câu nói chứa đầy triết lý nhà Phật - *duyên nghiệp* và *cộng nghiệp*. Tôi cũng thấy cái mũi chữ V của đức tổng giám mục Desmond Tutu mấp máy, bởi vì tư tưởng về ‘tác dụng cánh bướm’ có nhiều tương đồng với giáo lý ‘*hiệp thông*’ của Kitô giáo. Tôi rất tin nguyên lý ‘giao gió gặt bão’, nhưng ít khi tôi ngờ rằng chỉ cần một cái đập cánh của con bướm trong tâm tôi có thể gây

nên cơn bão nghiệp chương (hay theo Kitô giáo, tội phúc) ở một nơi xa xôi khác trên mặt đất. Mỗi tư tưởng, ngôn từ và hành vi của tôi, một khi buông ra, là chúng bắt đầu lao vào vũ trụ trong vòng cộng hưởng trùng trùng điệp điệp. Biết đâu chính tôi, trong một cái đập cánh nào đó đã góp phần vào việc phá hủy Nhà Thương mại Thế giới, giết hại sáu bảy ngàn người? Biết đâu vì tôi bỏ sót một việc chính đáng, mà những em bé tại Bắc Hàn bị chết đói? Biết đâu chính tôi, trong một ý tưởng bất chính nào đó đã tiếp tay với quân Taliban phá hủy các tượng Phật quý giá ở Bamiyan, A-phú-hãn?

Bước khỏi bình diện siêu hình, xuống bình diện tâm lý, *'tác dụng bướm bướm'* vẫn không sai suyền. Một lời nói không trung thực, vô trách nhiệm, có thể làm thiệt mạng một sinh linh, và từ đó khởi đầu một cuộc oan oan tương báo vô tận. Cái tâm chật hẹp của tôi và khẩu nghiệp của bao nhiêu người đang *'đập cánh bướm'*, thổi lửa vào một thế giới tràn ngập nghi kỵ, gieo rắc mãi lên cái tai họa lớn nhất ngày nay - lòng cuồng tín tôn giáo.

Tôi thật không thể ngờ được hành vi của mình làm cho *một người* có ảnh hưởng tới toàn thể *nhân loại*, hiểu như một chúng sinh có cùng định mệnh. Khi đưa tay tát tai một em bé, tôi không ngờ có thể là ta vừa đánh thức một nhà độc tài khát máu. Khi đưa tay cho nó vịn, tôi không ngờ ta có thể vừa vực dậy một nhà nhân bản lớn.

Hòa bình cũng phải xây dựng bằng việc gieo nhân tốt. Tự thân ông Alfred Nobel là một trường hợp điển hình của *'tác dụng bướm bướm'* cả về phương diện tích cực lẫn tiêu cực. Nhà bác học người Thụy Điển này tự cho là mình trót gieo một hạt xấu - thuốc nổ, không gì cứu vãn được, trừ gieo lại một hạt giống tốt - di chúc hòa bình. Theo di chúc, các công trình khoa học và nhân văn gây hòa bình và phúc lợi cho nhân loại sẽ được tưởng thưởng. Đặc biệt, A. Nobel muốn giao trách nhiệm cho nước láng giềng Na-uy trong việc chọn người và phát giải Hòa bình, một cử chỉ gián tiếp hàn gắn vết thương của thời kỳ Na-uy bị cưỡng bách nằm trong liên bang do Thụy-điển đứng đầu. Hằng năm Hàn lâm viện hoàng gia

Thụy-điển phụ trách tuyển chọn các giải Vật lý, Hóa học, Y học, Văn chương và Kinh tế (mới từ 1968). Giải Hòa bình được tiến hành do Ủy ban Nobel, gồm năm thành viên do Quốc hội Na-uy bổ nhiệm. Giải Hòa bình lần đầu tiên trao cho ông Henry Dunant, sáng lập viên tổ chức Hồng Thập Tự, tới nay đúng 100 năm. Đã có nhiều dị nghị về một số nhân vật được tuyển chọn, nhưng ai cũng phải công nhận đây là một giải cao quý nhất thế giới, tuy đôi khi nó trở thành một cưỡng bách tinh thần, cam kết cho việc sẽ làm hơn là một tưởng thưởng cho thành quả đã làm.

Lần này, giải thưởng được trao cho tổ chức Liên hiệp quốc, tổ chức lớn nhất, tượng trưng nhất cho sự hợp quần của thế giới. Nhưng vẫn có sự chống đối. Tôi mơ có ngày Ủy ban Nobel trao giải cho *'Toàn thể nhân loại'* trong đó không ai chống đối và mọi người đều cảm thấy mình xứng đáng, vì mỗi người đã đập cánh gọi hòa bình.

Con én không làm nên mùa xuân. Nhưng khi nào có đôi ba cánh én xuất hiện là ta biết mùa xuân đã tới.

Hai tuần lễ sau *'Ngày Nobel'* sẽ là ngày đông chí, phần lớn miền cực bắc địa cầu nơi tôi đang tạm cư chìm hoàn toàn trong đêm tối. Nhưng cũng là thời điểm mặt trời xoay lại, sáng dần. Người dân thượng du Finnmark, một tỉnh cực bắc của Na-uy, hai tháng nữa sẽ kéo nhau ra nghênh đón tia sáng đầu tiên của mặt trời.

Tâm Thanh - Oslo, mùa đông 2001



Ach nước

Nước xuống Tân châu,
Nước vào Hồng ngự.
Nước Biển Hồ ào ạt đổ về đây
Sông Tiền, sông Hậu chảy cuộn cuộn,
Chín con rồng không tháo kịp nước sông.

Triều lên, triều lên...
Giữa khuya tiếng kêu la ơi ới.
Nước ngập nhà,
Nước tràn lan châu thổ.
Nước cuốn phăng sản nghiệp,
Nước vùi chôn gia tài.

Tai ương đồn dập
Lũ lụt miền Trung mới dứt,
Miền Nam tiếp nối thiên tai.
Nghịch quả gì đây?
Trời trừng trị lũ bất nhân,
Sao bỏ xuống đầu dân vô tội?

Xóm trên có đứa con bị nạn,
Xác trôi phăng tìm khắp đó đây.
Nhà bên kia, ông cha tạ thế,
Liệm vô hòm gác cháng ba cây.

Hết gạo lấy gì ăn?
Bé gái bơi xuống hái bông điên điển
Hái suốt ngày đổi được lít gạo chắt?
Anh trai lớn lặn sâu, mót từng bông lúa,
Mẹ hong khô, ngồi giả từng lon.

Chị em bơi xuống kiếm cái ăn,
Đang giữa đồng, trời nổi cơn dông
Xuồng chìm mấy chị em mất xác,
Xóm giềng thương xót cũng bằng không!

Rắn, chuột tụ trên cây lách nạn
Thôi thì đành câu "vật dưỡng nhơn"
Ta chia nhà người ra chợ bán,
Ta người đồng cảnh khổ, ai hơn?

Trong thành sáng choang nhà hào phú,
Tiệc rượu tiếng cười đùa vang vang.
Gái đẹp, rượu nồng, món đặc sản,
Các quan vui hưởng cảnh bình an.

Đời thường kiếm cái ăn chẳng dễ,
Cũng kiếp người, sao kiếp làm than?
Ach nước... từng ngày, đau khổ tận...
Nạn dân bao thuở, nhục nhằn mang.

Đặng Trình



vui buồn mong manh

Sáng nào cũng sáng đợi chờ
Em từ mộng tưởng đúng giờ hiện ra
Lòng anh hồi hộp, thiết tha
Em mặc áo đỏ hay là áo xanh
Vái trời em chịu lòng anh
Mặc cho anh chiếc áo xanh biển trời
Mộng to, mộng nhỏ một đời
Chỉ trong khoảnh khắc, em ơi, em là
Thế giới thì rộng bao la
Niềm vui cũng giống, của ta, của người
Vút lên cao với nụ cười
Tụt xuống, xuống mãi là thời tan tành
Nasdaq số phận mỏng manh
Nay trời mai sứt cũng đành vạ lây
Cám ơn em nếu có ngày
Sớm chiều em vẫn mặc hoài áo xanh

Khánh Hà

Đôi dòng về Trịnh Công Sơn

1939-2001



Autograph
Paris Juin 1989

Trịnh Công Sơn



démarche.

Cổ Ngự

Cho đến nay, trước sau có ba nhạc sĩ Việt Nam tự nhận mình là người hát rong: Phạm Duy, Trịnh Công Sơn và Trần Tiến. Phạm Duy rong ruổi trên con đường cái quan, suốt từ Bắc vào Nam, rồi ra ngoài đất nước, đi khắp vòng thế giới để cuối cùng, trở về điểm mốc ban đầu: quê nhà. Trần Tiến muốn nói lên sự thật về một đất nước thừa nghèo đói nhưng cũng không thiếu điều nhớ nhặng trên những nơi ông đi qua. Còn Trịnh Công Sơn, người nhạc sĩ của hơn năm trăm ca khúc, đã cùng âm nhạc của mình lang thang mãi *giữa* những lần ranh của nắng-mưa, yêu-ghét, cảm thông-chối bỏ, sống-chết, đi-về, nhớ-quên, buồn-vui, chiến tranh-hòa bình, hận thù-ăn năn...

Năm 1991, trong lời bạt của tập bài hát *Em còn nhớ hay em đã quên* nhạc sĩ Văn Cao viết: "Tôi gọi Trịnh Công Sơn là người ca thơ (chantre) bởi ở Sơn, nhạc và thơ quện vào nhau đến độ khó phân định cái nào chính, cái nào là phụ. Và bởi Sơn đã hát về quê hương đất nước bằng cả tấm lòng của một đứa con biết vui tận cùng những niềm vui và đau tận cùng những nỗi đau của Tổ quốc mẹ hiền... Cái quện rũ của nhạc

Trịnh Công Sơn là ở chỗ không định tạo ra một trường phái nào, một triết học nào, mà vẫn thấm vào lòng người như suối tưới. Với những lời, ý đẹp và độc đáo đến bất ngờ hôn phối cùng một kết cấu đặc biệt như một hình thức của dân ca hầu như không thay đổi, Trịnh Công Sơn đã chinh phục hàng triệu con tim, không chỉ ở trong nước, mà cả ở bên ngoài biên giới nữa". Như vậy, nhạc sĩ Văn Cao, cũng như nhạc sĩ Phạm Duy trong tập *Hồi ký* của mình, đã nhắc về Trịnh Công Sơn với những lời lẽ đơn sơ nhưng trân trọng. Rất nhiều người khác trong giới văn nghệ sĩ đã đồng ý gọi Trịnh Công Sơn là nhạc sĩ của Tình Yêu - Quê Hương - Thân Phận. Thật vậy, trong sự nghiệp sáng tác của ông, bên cạnh những tình khúc lãng mạn, những ca khúc phản chiến, kêu gọi xây dựng đất nước trong hòa bình, còn có những bài hát, như những dấu chấm hỏi và dấu chấm than về thân phận con người.

Tình khúc của Trịnh Công Sơn, với những cái tựa rất ấn tượng và siêu thực như *Nắng thủy tinh*, *Rồi như đá ngậy ngô*, *Biển nhớ*, *Hạ trắng*, *Lời buồn thánh*, *Hoa vàng mấy*

độ... một lần được nghe, sẽ ở lại mãi trong lòng người thưởng thức. Ca khúc về thân phận của ông, đôi bài rất gần với thánh ca, đạo ca, thiền ca, dân ca, được không ít người suy gẫm: *Lời mẹ ru, Ở trọ, Xin mặt trời ngủ yên, Tự tình khúc, Gần như niềm tuyệt vọng, Một cô đi về, Biết đâu nguồn cội, Bay đi thăm lạng...* Chỉ có những ca khúc phản đối chiến tranh, kêu gọi hòa bình của ông thời 1968-1973 và một số bài hát viết sau năm 1975 là tạo nhiều vấn đề, biến ông thành người hát rong giữa những lần ranh của định kiến ý thức hệ. Trong thời gian sáng tác các ca khúc của hai tập *Ca khúc da vàng* và *Kinh Việt Nam*, Trịnh Công Sơn đã phát biểu: "Tôi phản đối chiến tranh, dù đó là chiến tranh chính nghĩa hay phi nghĩa". Hình ảnh và tiếng nói của ông xuất hiện khắp mọi nơi trên thế giới, nhưng đồng thời, trong nước, một số ca khúc của ông bị cấm phổ biến. Chính quyền miền Bắc, với khẩu hiệu *Chống Mỹ cứu nước, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước*, ra lệnh bỏ tù những ai dám nghe và hát nhạc Trịnh Công Sơn vì không ít những cán bộ, bộ đội đã vì thế mà bỏ ngũ, quay lưng quay súng trong các chiến dịch *chiêu hồi*. Chính quyền miền Nam, dưới chiêu bài *Bảo vệ Tổ quốc, chống sự xâm lăng của cộng sản phương bắc*, cấm hàng loạt ca khúc của Trịnh Công Sơn vì cho rằng những bài hát này làm băng hoại tinh thần chiến đấu của quân dân miền Nam, khiến binh lính đào ngũ, người dân biểu tình, bãi thị, bãi khóa... Thế nhưng, ngay giữa Hà Nội, chính nhạc sĩ Văn Cao đã được nghe những người thanh niên trẻ say mê hát nhạc phản chiến đến đứt cả dây đàn guitar. Tại Sài Gòn và các thành thị phía nam, bên cạnh những bài hát day dứt, nói lên nỗi thống khổ, tủi nhục, mất mát trong chiến tranh như *Đi tìm quê hương, Em đi trong chiều, Giọt nước mắt cho quê hương, Gia tài của mẹ*, những bài hát hùng hực khí thế tuổi trẻ đã được sinh viên, học sinh và hướng đạo sinh say mê vỗ tay mà hát. Họ mong muốn những

gì? *Được Nối vòng tay lớn, Dựng lại người dựng lại nhà* và *Chờ nhìn quê hương sáng chói*. Cũng cùng một ý hướng như các nhạc sĩ Phạm Duy và Phạm Đình Chương khi sáng tác hai trường ca *Con đường cái quan* và *Hội Trùng Dương*, nhạc sĩ Trịnh Công Sơn mong muốn được nhìn thấy một đất nước Việt Nam thống nhất trong hòa bình và giàu mạnh khi ông viết các ca khúc rất lạc quan: *Huế-Sài Gòn-Hà Nội quê hương ta, Tôi sẽ đi thăm, Đồng dao hòa bình*, những ca khúc được viết khi ông vừa hát vừa bị rượt đuổi và đang sống lê la trốn lính với các bạn bè giang hồ.

Sinh ở Đắc Lắc, nổi tiếng ở Sài Gòn, nhưng trong hai thời điểm đau thương của miền Nam, 1968 và 1975, Trịnh Công Sơn lại có mặt ở Huế. Những hình ảnh hải hùng của Tết Mậu Thân đã để lại nhiều dấu vết trong một số ca khúc của ông. Địa danh Bãi Dâu, hình ảnh người mẹ hóa điên khi nhìn ra thi thể con mình trong hầm chôn tập thể, thay vì gào khóc lại vỗ tay reo mừng, hay câu hát *Xác nào là em tôi giữa hố hầm này?*, như những đoạn phim thời sự, vạch trần tội ác chiến tranh và sự tàn bạo của những người chung một nòi giống. Sau năm 1975, theo tin đưa của báo Le Monde và Libération (Pháp), Trịnh Công Sơn bị giữ lại Huế và cứ một năm vài tháng, lại bị đưa đi trồng khoai sắn trên những cánh đồng còn gài đầy mìn tại Cồn Thiệu, gần vĩ tuyến 17. Mãi đến năm 1979, ông mới được phép vào sống cùng gia đình tại Sài Gòn, lúc này đã mang tên thành phố Hồ Chí Minh. Ca khúc đầu tiên sau biến động 30.04.1975 được ông vừa đàn vừa tự trình bày trên truyền hình mang tựa đề *Mỗi ngày tôi chọn một niềm vui*. Bài hát lập tức bị đá kích ở trong cũng như ngoài nước. Báo chí trong nước lên án bài hát đậm đặc tính chất tiểu tư sản, những hình ảnh *Tôi nhật gió trời, mời em giữ lấy, để mắt em cười tựa lá bay... Tôi đợi em về, bàn chân quen quá, thăm lá me vàng lại bước qua...* không thể nào chấp

nhận được trong khi cả nước sôi sục khí thế lao động và chiến đấu chống Khơ-me đỏ và *bành trướng* Bắc Kinh. Báo chí của người Việt hải ngoại đặt câu hỏi: niềm vui ở đâu ra lắm thế trong khi quê hương lâm than, nhiều triệu người ly tán, bị tù đầy trong các trại cải tạo hoặc vượt mọi hiểm nguy tìm đường vượt biển. Cũng thế, bài hát *Em còn nhớ hay em đã quên* ra đời sau đó cũng không thoát khỏi búa rìu dư luận. Trong khi chuyện vượt biên còn là điều cấm kỵ, những người bỏ nước ra đi cách này hay cách khác đều bị khép tội phản quốc, Trịnh Công Sơn viết: *Em ra đi, nơi này vẫn thế, vẫn có em trong tim của mẹ*. Sau khi được Khánh Ly trình bày trên đài VOA (Voice Of America) trong chương trình phát thanh về Việt Nam, bài hát liền lập tức bị cấm phổ biến tại quốc nội. Ở hải ngoại, bài hát bị lên án là ủy mị, làm mủi lòng người lưu vong, trong khi nhạc phẩm *Khi xa Sài Gòn* (phổ thơ Kim Tuấn) của Lê Uyên-Phương, khi ấy đã định cư tại Hoa Kỳ, lại không bị chỉ trích, dù nội dung và nhạc điệu buồn bã của hai ca khúc tương tự như nhau. Chỉ có người Sài Gòn vẫn tiếp tục lén lút phổ biến bài hát, bởi vì nó gợi lại một thời xưa cũ, bởi vì đó là bài hát đầu tiên ở trong nước, từ sau ngày 30.04.1975, nhắc đến cái tên Sài Gòn, cái tên mà chính quyền mới đã tìm đủ mọi cách để làm cho mọi người quên đi. Có lẽ, vào thời điểm đó, chính người Sài Gòn cũng cảm thấy mình đang sống lưu vong ngay giữa Sài Gòn!

Không chọn con đường quay lưng chống đối, nhạc sĩ Trịnh Công Sơn quyết định ở lại với đất nước, dù bạn bè và các em của ông lần lượt ra đi. Sau nhiều năm tháng lao động cải tạo trên những mảnh đất gài đầy mìn, ông viết: *Tôi chọn nơi này cùng nhau ca hát, để thấy tiếng cười rộn rã bay*. Nhưng như vậy, không có nghĩa là ông tự phản, ông chấp nhận sống chung để cùng thay đổi, đồng thời, vẫn đi được con đường riêng của mình. Nhìn lại những ca khúc của

Trịnh Công Sơn được phổ biến trong nước khoảng thập niên 80, người ta thấy, ngoài những ca khúc viết cho phim truyện và phim tài liệu: *Đời gọi em biết bao lần, Cánh chim cô đơn, Vẫn có em bên đời, Bốn mùa thay lá...*, ông còn một số bài hát viết về quê hương, về mẹ, về tuổi mới lớn và tuổi thơ như các bài *Huyền thoại Mẹ, Chiều trên quê hương tôi, Em đến từ nghìn xưa, Tuổi đời mênh mông, Em là hoa hồng nhỏ...* Vẳng bóng những tình ca, nhưng không hề có một lời xưng tụng chế độ, đảng cầm quyền cũng như những người lãnh đạo. Trong khi giới truyền thông trong nước kêu gào, thổi phồng tin một số nữ thanh niên xung phong bị hãm hiếp và giết hại dã man ở biên giới tây nam, Trịnh Công Sơn sáng tác một ca khúc vui tươi, với những lời lẽ nhẹ nhàng: *Lên nông trường, ra biên giới, có đôi khi đi không trở lại....* Viết cho thiếu nhi, khi ấy vẫn còn bị nhồi nhét lòng căm thù trong các bài học, ông có những câu rất đẹp: *Trang sách hồng nằm mơ màng ngủ, em gối đầu trên những vần thơ....* Và, rất lâu trước khi các ca khúc lãng mạn về Hà Nội của thập niên 90 ra đời, khi người ta còn bị bắt buộc phải nghĩ đến Hà Nội như nghĩ đến một *thành trì cách mạng*, với quảng trường Ba Đình và lăng Hồ chủ tịch, nhạc sĩ Trịnh Công Sơn mở đầu ca khúc *Nhớ mùa thu Hà Nội* bằng một hình ảnh tương tự như tranh Bùi Xuân Phái:

*Hà Nội mùa thu,
Cây cơm nguội vàng,
cây bàng lá đỏ
Nằm kề bên nhau,
Phố xưa, nhà cổ,
mái ngói thâm nâu...*

Hình như mọi người không ngạc nhiên khi biết, từ đầu năm 1975, Trịnh Công Sơn bắt đầu tìm đến với hội họa, và tranh của ông có một đường hướng riêng, một chỗ đứng riêng. Bởi vì, trong các ca khúc, ông đã vẽ rất nhiều bằng lời hát đầy chất thơ của mình. Những hình ảnh *ngàn cây thấp nển*

lên hai hàng, chiều tím loang vĩa hè, trời ươm nắng cho mây hồng, lòng ta trăm con hạc gầy vút bay, bàn im hơi bên ghế ngồi... kết hợp cùng âm thanh du dương, tạo nên nét độc đáo trong âm nhạc Trịnh Công Sơn. Người nữ, hao hao giống những *modele* của Đinh Cường, ẩn hiện trong hàng trăm ca khúc: *vai em gầy guộc nhỏ, dài tay em mấy thuở mắt xanh xao, đôi môi lửa cháy, mi cong cỏ mượt, da thơm quả ngọt, áo xưa lồng lộng...* Tình yêu, cũng vì thế, thường yếu mệnh trong các bài hát của Trịnh Công Sơn, tình vui rất hiếm, *Tình buồn, Tình xót xa vừa, Tình xa, Tình nhớ, Tình sầu*, nhiều hơn...

Một người nữ khác, người mẹ, cũng xuất hiện khá nhiều trong các nhạc phẩm của Trịnh Công Sơn. Từ hình ảnh thanh bình: *Lời mẹ ru đêm vắng, ngón tay hồng*, người mẹ đi qua chiến tranh, tủi phận trong *Ca dao Mẹ*, hoặc ghen ngào thốt lên: *Con ngủ tuổi hai mươi*. Có khi đó là bà mẹ quê, bơ vơ giữa đoàn người di tản, với gia tài chỉ vỏn vẹn có mỗi trái bí trên vai. Có khi đó là người mẹ gan dạ đứng dưới mưa để chờ *xoá sạch dấu con về*. Sau chiến tranh, tưởng đâu những người mẹ ấy sẽ yên tâm *lên núi tìm xương con mình*, hoặc *dâng miếng cau rồi dâng ngọn trầu*, nhưng cuộc "nội chiến" vẫn tiếp diễn dưới một hình thức khác, mẹ vẫn trần trổ giọt ngấn giọt dài, *mong lũ con cùng cha quên hận thù...* Hình ảnh mẹ, cuối cùng trở nên huyền ảo: *Sương mù, tóc mẹ trôi, Mẹ chìm dưới cơn mưa*, trước khi biến mất hoàn toàn trong tiếng kêu than thống thiết của đàn con: *Mẹ bỏ con đi, đường xa hoạn nạn...*

Hình ảnh người mẹ thường gắn liền với lời ru. Nhưng lời ru trong âm nhạc Trịnh Công Sơn đã chuyển sang thành tiếng những tình nhân thổn thức ru nhau, hoặc tự ru mình. Nếu tình khúc *Tôi ru em ngủ* bắt đầu với nhạc điệu êm ả và lời hát gợi cảnh yên bình: *Tôi ru em ngủ một sớm mùa đông, em*

ra ngoài ruộng đồng, hỏi thăm cảnh lúa mới..., trong những ca khúc khác, như *Ru em, Ru em từng ngón xuân nồng, Ru tình, Rơi lệ ru người, Ru đời đi nhé!, Ru đời đã mất, Ru ta ngậm ngùi...*, lời ru lắng đọng giữa băng khuâng, nhớ nhung, hoang mang, ưu phiền, ăn năn của tình yêu và sự khắc khoải của thân phận trước giấc ngủ sau cùng, cái chết: *Ta ru ta ngậm ngùi, xin ngủ dưới vòm cây*. Cái chết, một chủ đề ám ảnh thường trực hành trình âm nhạc của Trịnh Công Sơn. Trong chiến tranh, cái chết đến với mọi người, ở mọi nơi. Người con gái Việt Nam da vàng chết trong đêm lạc đạn. Đứa bé ra đồng chết vì mìn gài một buổi sáng mùa xuân. Người phi công gãy cánh. Đám tang đi qua trái mìn nổ chậm, người chết, chết hai lần. Những cụm từ *xác người, người yêu chết trận* xuất hiện đậm đặc trong các ca khúc *Bài ca dành cho những xác người, Hát trên những xác người, Tình ca người mất trí* như sự lặp đi lặp lại của những hồi kinh cầu hồn. Những người chết, người dân, người lính, của "phía bên này" hay "phía bên kia", đôi khi chết mà không hiểu vì sao mình phải chết. Với bản thân người nhạc sĩ, cái chết dường như ít khốc liệt hơn, hình như chỉ là *nằm chết như mơ*, hình như chỉ đơn giản *một hôm lên núi nằm xuống*, hay: *Thí dụ, bây giờ tôi phải đi, tay chia ly cùng đời sống này....* Trong các sáng tác có tính chất đạo ca của Trịnh Công Sơn, cái chết còn đến rất gần với thuyết luân hồi của nhà Phật:

*Không có đâu em này,
Không có cái chết đầu tiên,
Và có đâu bao giờ,
Đâu có cái chết sau cùng...*

Có thể nói không một cách không quá đáng rằng Trịnh Công Sơn là một nhà cách tân ngôn ngữ Việt Nam đương đại. Qua vô số hình ảnh tuyệt vời, ông đưa vào lời hát rất nhiều so sánh, hoán dụ, ẩn dụ đặc giá: *tóc trắng như vôi, chập chờn lau trắng trong tay, biển rộng hai vai, đá lặn vết lặn trầm,*

*tình treo trên chiếc đỉnh không, đôi môi rờ
dại, giọt máu cuồng điên, nắng khuya, mắt
đêm đèn vàng, tình yêu như trái phá - con
tim mù lòa, đời sao im vắng như đồng lúa
gặt xong, đôi khi thấy trên lá khô một dòng
suối, thuyền nào chở mất thuyền duyên?...
Ông sử dụng tài tình sự tương phản và đôi
khi dùng những vế câu thật đơn giản để đẩy
cao hơn điều muốn nói: người vinh quang
mơ ước địa đàng / người gian nan mơ ước
bình thường => làm sao đến gần hy vọng
cuộc vui chung?, hay:*

*Dù mùa xuân đã đến đây / Vẫn còn tiếng
khóc thầm,
Triệu nụ hoa đang thoát thai / Viên đạn vẫn
trên nòng...*

Tự học nhạc và bắt đầu sáng tác từ khi chưa đến hai mươi tuổi, âm nhạc của Trịnh Công Sơn đi thẳng từ trái tim người sáng tác đến trái tim người nghe, không bị lệ thuộc vào ảnh hưởng của âm nhạc kinh viện, âm nhạc thương mại hay âm nhạc trình diễn, do đó, chỉ nằm trong các thể điệu slow, slow-rock, blues, boston, valse hoặc surf, swing, soul chậm và hành khúc mà thôi. Ngoại trừ nhạc phẩm phổ thơ Trịnh Cung *Cuối cùng cho một tình yêu*, liên-tiểu-khúc *Đóa hoa vô thường* và một số ca khúc sáng tác chung với nhạc sĩ Phạm Trọng Cầu, các ca khúc khác của ông có giai điệu đơn giản, đôi khi đơn điệu, nhưng luôn thăng hoa theo lời hát. Đó chính là đặc điểm và cũng chính là giới hạn của âm nhạc Trịnh Công Sơn.

Khởi đầu bằng các ca khúc *Ướt mi*, *Thương một người* và kết thúc với *Sóng về đâu?*, *Đồng dao 2000*, suốt hơn bốn mươi năm qua, âm nhạc Trịnh Công Sơn đã đến với thính giả qua tiếng hát và cách trình bày của nhiều thế hệ ca sĩ. Từ Thái Thanh đến Ý Lan, Quỳnh Hương, Duy Quang, Thái Hiền, Thái Thảo, Thiên Phượng, Mai Linh. Từ Thanh Thúy, Giao Linh, Lệ Thu, Lê Uyên đến Thanh Lan, Nguyễn Chánh Tín, Carol

Kim, Thúy-Hà-Tú, Tuấn Ngọc, Đức Huy, Hòa Mi. Từ Vũ Khanh, Ngọc Lan, Kiều Nga, Hương Lan, Ái Vân, Như Mai, Don Hồ, Dalena đến Thanh Hà, Thùy Dương, Huy Tâm, Mỹ Huyền, Lâm Nhật Tiến, Hoàng Nam. Từ Duy Trác, Quỳnh Giao đến Nguyễn Thành Vân, Trần Thái Hòa. Từ Lê Dung, Cẩm Vân, Bảo Yến, Lan Ngọc, Thanh Hải đến Khắc Dũng, Thu Hà, Thanh Lam, Tam ca Áo trắng, Mỹ Linh, Bảo Phúc, Trần Thu Hà... Nhưng có lẽ chỉ có Khánh Ly và Hồng Nhung là hai tiếng hát đã để lại dấu ấn sâu đậm nhất trong lòng người nhạc sĩ cũng như người thưởng thức. Ca sĩ Khánh Ly nghĩ rằng bài hát *Yêu dấu tan theo* có lẽ được viết riêng cho cô. Bài hát có những câu: *Em theo đời cơn áo, Mai ra cùng phố xôn xao, bao nhiêu ngày yêu dấu tan theo....* Ngoài ra, trong một ca khúc viết lúc cuối đời, *Em đi bỏ mặc con đường*, hình như cũng thoáng đâu đó đôi lời trách cứ: *Bỏ xa xôi yêu và gần gũi, bỏ mặc tôi buồn giữa cuộc vui... Bỏ tôi hoang vu và nhỏ bé, bỏ mặc tôi ngồi giữa đời tôi...* Đối với cô bé Bống Hồng Nhung, nhạc sĩ Trịnh Công Sơn đã riêng tặng một tam khúc: *Bống bông ơi, Bống không là Bống và Thuở Bống là người*. Theo Trịnh Công Sơn, Khánh Ly là người hát hay nhất những sáng tác của ông, nhưng nếu Khánh Ly hát cho một thời vừa lãng mạn vừa đau thương trong chiến tranh đã qua, thì Hồng Nhung làm mới lại những ca khúc, với cách biểu hiện mới, phù hợp với tiết tấu của thời hiện đại. Ông cũng thường nhắc đến tên ca sĩ Trịnh Vĩnh Trinh, chính là em gái út của ông.

Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn, với đôi mắt kính gọng đôi môi, với cây đàn guitare và giọng hát khàn âm hưởng Huế, với cả những điều thuốc lá và những ly rượu mạnh, đã đi-quacuộc-đời và già từ chúng ta ở tuổi sáu mươi hai. Bị bệnh tiểu đường nặng, những ngày cuối cùng, ông phải di chuyển bằng xe lăn, đúng như câu hát đã viết trước đó hơn hai mươi lăm năm:

Mệt quá đôi chân này,
Tìm đến chiếc ghế nghỉ ngơi,
Mệt quá thân ta này,
Nằm xuống với đất muôn đời...

Xác thân ông đã nằm xuống với đất, về làm
cát bụi, nhưng thần trí ông, vừa già từ cõi
tạm, có lẽ đang bay lượn đâu đó giữa chốn
vô cùng, và tất cả, hình như, chỉ là một lời
chia tay mà thôi:

Những hẹn hò từ nay khép lại,
Thân nhẹ nhàng như mây...Đóa hoa vàng
mỏng manh cuối trời
Như một lời chia tay...

Cổ Ngự

Mệt quá đôi chân này
Tìm đến chiếc ghế nghỉ ngơi
Mệt quá thân ta này
Nằm xuống với đất muôn đời...
Xác thân ông đã nằm xuống với đất, về làm
cát bụi, nhưng thần trí ông, vừa già từ cõi
tạm, có lẽ đang bay lượn đâu đó giữa chốn
vô cùng, và tất cả, hình như, chỉ là một lời
chia tay mà thôi:
Những hẹn hò từ nay khép lại,
Thân nhẹ nhàng như mây...Đóa hoa vàng
mỏng manh cuối trời
Như một lời chia tay...

Khánh Hà
1993

mơ hồ tiếng gió



gió bắc thổi qua gian nhà xưa
gió rung mái lá, luồn song thưa
co ro áo cặp che trời lạnh
nhóm bếp lửa hơ, mặc gió lửa

gió bắc thổi qua khu vườn xưa
gió lất lay tàu chuối, tàu dừa
mai vàng từng cánh rung trong nắng
vạn thọ, cúc, hồng hương thoảng đưa

gió bắc nao nao một giòng sông
con đò lướt sóng giữa mênh mông
người đi chợ sớm ba ngày tết
một chút nôn nao đủ ấm lòng

gió bắc hát hiu những cánh đồng
lúa chín hôm nào mới gặt xong
tiếng chày giã gạo vang trong xóm
nồi cơm thơm trên bếp lửa hồng

bây giờ gió bắc xa biên biệt
xuân ở nơi đây tuyết trắng trời
đêm nghe gió rít ngoài thềm lạnh
mơ hồ tiếng gió tự xa xôi

Khánh Hà

thập giá



Hoài Mỹ

- Em gắng thu xếp về...kẻo muộn mất.
- ...Mẹ vẫn ở trong nhà thương à?
- Bác sĩ chê cả rồi. Họ cho đem mẹ về từ chiều hôm qua.
- Chị báo cho cái Thịnh chưa?
- Tính gọi cho em xong rồi điện cho nó sau. Giờ này chắc nó đang đi làm.
- Liệu vợ chồng nó về được không?
- Chị cũng không biết nữa. Nghe nói ở bên Mỹ xin nghỉ khó lắm. Với lại nó mới nhận công việc này.
- Trường hợp đặc biệt chắc sở thông cảm.
- Hy vọng vậy. Thế em về nhá. Nhà có mình em là trai. Mấy ngày trước còn tỉnh, mẹ cứ nhắc em hoài.
- Vâng,... Nhưng em cũng phải thu xếp một vài công việc... À, chị Trâm này...
- Gì, em?
- Mà thôi...Không sao.
- Nhớ cho cả con bé về đấy!
- Phải vậy chứ còn biết gửi ai.
- Tội nghiệp! Bà nội thì cũng chưa được thấy mặt cháu...

Ở đầu dây bên kia bỗng bật lên tiếng khóc. Tùng đặt nhẹ điện thoại xuống. Chính Tùng cũng phải dằn lại cơn dao động. Tùng biết nếu nói chuyện tiếp, chắc chắn Tùng sẽ lại phải nghe những tiếng nức nở của chị mình. Tùng rất sợ nước mắt.

Ly cà phê đậm giúp Tùng tỉnh táo hơn. Trên mặt đồng hồ hiện lên số 6. Vậy bên nhà đang giữa trưa. Tùng tính nhắm đồng thời

tưởng tượng những sinh hoạt sắp tới của gia đình. Thông báo hung tin. May áo tang. Mua quan tài. Trình cha làm lễ. Xin đất trong nghĩa địa. Bận tít tít. Chắc có đông người lui tới. Mẹ vốn được nhiều người dành cho thiện cảm. Hàng xóm. Họ hàng. Bạn hữu. Hẳn ai cũng muốn nhìn mặt kẻ hấp hối lần cuối. Từ biệt sinh ly. Không biết anh chị sẽ đặt giường mẹ ở đâu. Chắc phía bên trái bàn thờ, cạnh cửa sổ trông ra vườn. Tùng thờ dài. Hình ảnh của mẹ sinh động trong tâm trí Tùng. Từ thuở xa xưa. Thời mẹ Tùng đầu tắt mặt tối với gánh bún riêu hàng ngày ngoài chợ để nuôi đàn con năm đứa. Chồng chết sớm nhưng bà vẫn lo được cho các con ăn học. Vừa lớn lên, Tùng chưa kịp phụng dưỡng mẹ ngày nào thì đã phải chạy ra nước ngoài. Ít năm sau em út của Tùng theo chồng sang Mỹ. Vợ chồng chị Trâm dọn về ở chung với mẹ, phần để mẹ đỡ buồn, phần để phụ mẹ chăm sóc đứa em gái kế bị bệnh tâm thần. Tùng cũng đã về thăm gia đình một lần. Lâu lắm rồi. Chừng hơn bảy năm nay. Thời Tùng còn độc thân. Ngày đó Tùng đã thấy mẹ mình già đi nhiều. Tóc bạc trắng. Tròng mắt kéo màng. Lưng không còn thẳng. Tay chân run rẩy. Cuộc đời gánh gồng vất vả đã rút hết sinh lực của mẹ. Tùng muốn bảo lãnh mẹ sang Na Uy cho mẹ sung sướng phần nào nhưng mẹ bảo chỉ ao ước *khi ông bà gọi về, được nằm cạnh thầy chúng mày*. Và lại mẹ cũng không nỡ xa lìa đứa con bệnh hoạn. *Tao đi thì ai lo cho nó*. Trọn đời mẹ chỉ biết sống cho con, vì con. Thế rồi

Tùng cưới vợ. Có con. Tan vỡ. Những sóng gió cuộc đời khiến Tùng tối tăm mặt mũi. Tùng như đã quên hẳn những người ruột thịt ở quê nhà, chỉ sức nhớ khi chị Trâm gọi điện thoại sang hỏi thăm hoặc thông báo tin tức gia đình. Rồi Tùng lại quay cuồng trong nhịp sinh hoạt của xã hội. Nhất là hoàn cảnh của Tùng. Gà trống nuôi con. Đối tượng của cuộc sống hiện tại là con. Nhưng cả tuần rồi Tùng được chị cho biết những diễn biến bệnh tình của mẹ. Tùng xốn xang, tuy nhiên chỉ như những đợt sóng. Cho đến sáng sớm nay, sau lời gọi về của chị, Tùng tự cảm thấy phải quyết định. Bất cứ giá nào cũng phải nhìn thấy mẹ lần cuối.

Uống cạn phần cà phê đã nguội tanh còn lại trong ly, Tùng lật đật đứng dậy. Đã hơn bảy giờ. Tùng vào phòng đánh thức bé Phượng. Như mọi lần Tùng bật hết các ngọn đèn, kéo màn cửa sổ, đặt một đĩa nhạc thiếu nhi vào máy. Bé Phượng đang ngon giấc, bị lay dạy, cầu nhàu:

- Con muốn ngủ nữa!

Tùng ngồi xuống mép giường, lùa tay vào cạnh sườn con khiến nó la oai oái:

- Nhột! Nhột!

- Sáng rồi, dậy đi con.

- Chưa có sáng! Con còn buồn ngủ!

- Đó, tối qua bố đã bảo đi ngủ sớm, cứ đòi xem tivi mãi. Bây giờ nhụ nhứa.

Bé Phượng kéo chăn lên đắp lại, miệng phụng phịu:

- Tại phim hoạt họa Pokémon hay chứ bộ.

- Nếu vậy để bố điện thoại lên đài truyền hình yêu cầu họ bỏ phim hoạt họa đi để con được ngủ nhiều, chịu không nào?

- Con sẽ méc cô giáo!

- Thế thì bây giờ con phải dậy chứ. Nhanh lên con, sáng nay bố có nhiều việc phải làm lắm.

- Việc gì?

Tùng không trả lời, lấy dép xỏ vào chân con rồi dắt tay con vào phòng tắm:

- Con đánh răng, rửa mặt lệ tay rồi ra ăn sáng. Bố thấy trễ giờ rồi đó.

Bé Phượng đứng lên một chiếc ghế cho cao hơn bồn rửa, vắn nước nhưng lại đùa nghịch với bóng mình trong gương. Nó há lớn

miệng, le lưỡi. Hàm trên của nó đã mất hai cái răng cửa. Chân nó nhún nhảy, tay múa uốn éo theo tiếng hát của ban hợp ca nhi đồng. Con chim ban mai đã tỉnh táo.

Tùng nướng sẵn hai miếng bánh mì, quét mứt dâu, hâm nóng ly sữa pha với ca-cao. Ấy vậy Tùng vẫn phải dỗ ngon dỗ ngọt và hứa đủ thứ bé Phượng mới chịu ăn hết phân nửa. Rồi thay quần áo – vào mùa đông thì hết lớp áo trong, áo ngoài, mũ, khăn quàng cổ, sau đó thoa kem cho da mặt da tay khỏi khô. Sáng nào cũng phải mất ít nhất cả tiếng đồng hồ hai cha con mới ra xe. Điệp khúc cũ lại được bé Phượng cất lên:

- Cho con ngồi trước với bố đi!

Và lần nào cũng vẫn câu trả lời quen thuộc:

- Con còn nhỏ, chưa được phép, cảnh sát phạt bố.

- Thế sao bố vẫn bảo con lên bảy thì đã lớn rồi phải ngoan?

- Ờ...ờ...Trong nhà thì khác, đi xe thì con vẫn còn bé.

- Khi nào con được ngồi ghế trên với bố?

- 12 tuổi.

- Con sắp 12 chưa, bố? Đến tết phải không?Ừ...

Xe chạy được một đoạn đường, bé Phượng nói vọng lên:

- Bố nhớ gì không?

- Nhớ gì?

- Bố hứa chiều nay cho con đi ăn tiệm.

- Muốn McDonald's hay Pizza?

- Con ngán mấy thứ đó rồi. Ăn hoài à!

- Thế con thích gì? Bố cho con tha hồ chọn.

- Con cũng không biết nữa...Mà thôi đừng ăn tiệm nữa bố ạ....Hay là bố mua....mua....cá về chiên ăn với cơm ở nhà.

- Con hết thích đi tiệm rồi sao?

- Thích... nhưng con sợ nhỏ Tina biết lại chọc quê con.

- Chọc gì?

- Nó bảo chỉ những người không có mẹ mới phải đi ăn ở ngoài nhiều lần.

Ngực Tùng bỗng nhói đau. Chiếc xe chao đảo. Tùng bẻ quặt kịp tay lái, bằng không đã gây ra tai nạn cho dòng xe bên cạnh. Trong kính chiếu hậu Tùng thấy khuôn mặt bé Phượng vẫn bình thản. Ánh mắt nó hướng ra bên ngoài. Trời hôm nay âm u. Những ngọn

cây dọc bên xa lộ ngã nghiêng. Gió chắc mạnh lắm.

- Bố mở nhạc đi. Con muốn nghe Spice Girls. Tay Tùng làm theo ý muốn của bé Phượng nhưng câu nói vừa rồi của con vẫn quẩn động trong đầu óc Tùng. Mẹ nó bỏ đi như vậy mà đã hai năm rồi. Sự việc xảy ra với Tùng vẫn như trong chiêm bao. Bất ngờ. Dễ dàng đến không tưởng nổi. Đang làm trong sở thì Tùng nhận được vợ nhắn tin qua lời nhắc lại của bà thư ký văn phòng. *Chiều về anh ghé đón con ở vườn tre. Và một lá thư để lại trên bàn trong phòng khách. Vĩnh biệt. Xin anh tha lỗi cho em. Con hãy tha tội cho mẹ.* Từ đó biệt tăm. Có người đồn vợ Tùng theo một người Na Uy giàu sang. Kể khác quả quyết chính mắt nhìn thấy cô ấy ở bên Mỹ và nghe nói đã lập gia đình với anh chàng tình nhân cũ. Tùng không tìm hiểu. Với Tùng, một khi người đàn bà đã dứt tình mẫu tử thì chẳng còn sức mạnh nào có thể lưu giữ họ lại được nữa. Vợ Tùng đã tự quyết định một sự lựa chọn dứt khoát. Tùng bó tay. Chơi với những rồi Tùng cũng cố gắng hồi tỉnh. Tùng dành trọn tâm trí cho con. Tùng xin nghỉ làm một thời gian. Các công việc nhà hoàn toàn xa lạ đối với Tùng. Luống cuống. Vụng về. Tùng tập làm một người mẹ. Thật khó khăn. Tùng chịu đựng và nhẫn nại. Điều khiến Tùng khổ tâm quay quắt là những câu nói của con. *Mẹ đi đâu mà lâu quá vậy bố? Chừng nào thì mẹ về? Bố nấu món này đỡ ẹc, chẳng giống mẹ vẫn làm tí nào. Bố lấy lộn rồi, cái này là quần nhái mùa đông chứ đâu phải vợ dài. Mũ len màu đỏ của con đâu rồi, bố? Bố ơi, con nhức đầu, buồn ói...* Nước mắt Tùng ứa ra những lần giữa đêm con giật mình thức giấc ú ớ gọi mẹ. Tùng tưởng đã phải bỏ cuộc, buông xuôi nhưng các cơn lốc rồi cũng lắng yên. Bé Phượng quen dần cảnh ngộ. Nay Tùng đã dám ngẩng đầu, hướng mắt về tương lai.

- Bố chạy quá trường rồi!

Tùng giật mình. Thấy đường vắng, Tùng vội đạp thắng rồi cho xe chạy lùi trở lại, tìm chỗ đậu. Bé Phượng gặp bạn, ủa ngay vào đám đông. Tùng hỏi thăm cô Kari nhưng đồng nghiệp cho biết cô bị bệnh, không đến dạy. Lớp của bé Phượng có thầy giáo khác thay

thế. Tùng nói chuyện với hiệu trưởng, xin phép cho bé Phượng được nghỉ học hai tuần để về Việt Nam vì bà nội sắp sửa qua đời. Sau đó đến sở làm, Tùng cũng trình bày lý do như vậy và cũng được chấp thuận ngay.

Tùng không ngờ các công việc đều trôi chảy. Liên lạc với tòa đại sứ Việt Nam bên Thụy Điển để xin giấy phép tạm nhập cảnh bằng điện thư. Đặt vé máy bay, chuyển sớm nhất trong tuần. Đổi tiền. Đến văn phòng bác sĩ xin chỉ dẫn một số thuốc cần thiết. Mua vài bộ quần áo mỏng cho con, ít quà tượng trưng cho các cháu... Xong xuôi cũng vừa đến giờ Tùng lái xe đến trường đón con.

Bé Phượng lần đầu tiên được đi máy bay, gặp gì cũng hỏi. Tùng đã lo con sẽ chóng mệt vì cuộc hành trình lâu dài. Nhưng nó vẫn nói cười huyên thuyên. Các nữ tiếp viên hàng không cho bé Phượng đồ chơi, hình vẽ và những thứ nước ngọt nó đòi. Nó vui hơn cả những lần được dự sinh nhật của bạn bè cùng lớp. Tùng chỉ được ngồi yên khi bé Phượng đã ngủ say. Đầu óc Tùng thôi thả đôi chút để nghĩ đến mẹ. Những ray rứt đồng thời cũng ủa tới trong tim. *Mẹ ơi, chờ con về!* Hôm qua không thấy chị Trâm cho hay thêm tin gì nữa. Sáng nay Tùng và bé Phượng lại ra đi sớm. Hy vọng mọi sự còn kịp. Ngoài ra Tùng cũng không muốn gọi điện thoại báo tin ngày giờ mình về. Lúc này người nào cũng bận rộn, Tùng chẳng dám phiền ai đến đón mình ở phi trường. Tùng thầm cầu nếu mẹ có mệnh hệ gì, hãy đợi con và cháu về nghe lời trần trối. Thời gian trên máy bay, nhất là những giờ chờ đợi chuyển tiếp hành trình ở các phi trường Tùng có cảm tưởng dài vô tận.

Nhưng rồi Tùng và bé Phượng cũng đặt chân xuống phần đất quê hương. Tùng xúc động mặc dù trong thâm tâm đang ngổn ngang những lo âu. Tùng điều chỉnh đồng hồ đeo tay. 9 giờ 30. Bé Phượng luôn miệng kêu nóng:

- Bố ơi, mình về Na Uy đi bố!

- Con hồng thích ở đây, gì mà nóng như lửa!

- Con cởi trần được không hả bố?

Tùng lắc đầu, cười mỉm. Mặt mũi bé Phượng lấm tấm mồ hôi. Nó uể oải đi sau bố. Tùng theo các bảng chỉ dẫn để tới các địa điểm làm thủ tục nhập cảnh. Gần một tiếng đồng hồ sau Tùng và bé Phượng mới ra khỏi phi cảng. Người ta chen chúc chờ đón thân nhân từ ngoại quốc về. Vai Tùng đeo chiếc túi xách, một tay kéo va-li, tay kia nắm chặt tay con. Hai cha con Tùng phải vất vả lắm mới lách qua khỏi các đám đông. Lại phải không ngừng chống chọi với những cuộc giành giật của cả một đạo quân tài xế thuộc đủ loại xe. Tùng không lạ cảnh tượng này vì đã về đây một lần nhưng chưa thể quen nổi. Cuối cùng Tùng đành chịu thua một anh lái taxi. Tuy đã có máy tính tiền tự động trong xe nhưng anh ta vẫn xin thêm một khoản phụ trội. Bằng đô la. Phần mệt mỏi, phần lo con bị dãi nắng quá lâu, Tùng đồng ý. Chiếc xe liền lao mạnh đi, lách như con lươn trong dòng lưu thông đông nghẹt, thỉnh thoảng chiếm cả lề đường của bộ hành.

Gia đình Tùng cư ngụ ở vùng ngoại ô Gia Định. Nơi đây đã thay đổi bộ mặt. Những hàng dừa sai trái ngày nào nay đã nhường chỗ cho xa lộ. Nhiều cửa hàng thương mại xuất hiện. Đã mất đi quang cảnh hiền hòa của đồng nội. Tuy vậy chen lẫn giữa những ngôi nhà lầu vẫn còn nhiều mái tranh vách đất. Xe cộ thi nhau ngược xuôi, tung bụi và phun khói lên các quán cóc nằm rải rác dọc theo hai bên đường. Những người gồng gánh lặng lẽ nhanh chân dưới ánh nắng gay gắt.

Chiếc taxi quẹo vào một đường hẻm, Tùng nhận ra được ngay căn nhà mình. Bỗng như có một luồng điện chạy khắp cơ thể khi Tùng chợt thấy đông người đang đứng lơ lửng trước cổng nhà. Loáng thoáng có vài người mặc áo trắng hoặc chít khăn trắng. Một chiếc bạt nhà binh được giăng từ hiên nhà, che rợp đến nửa phần ngõ đi. Trống ngực Tùng đập mạnh, liên hồi. Tùng ra hiệu cho tài xế dừng xe. Bé Phượng nhồm hăn người lên, ngơ ngác:

- Tới nơi rồi hả bố?

Tùng gật đầu. Từ trong đám đông một người đàn bà lớn tuổi dăm dăm nhìn về phía taxi

và khi Tùng vừa bước ra khỏi xe thì một giọng nói khàn đục cũng đồng thời reo lên:

- Chúa ôi, ai như...thằng Tùng kia!

Bà đi vội tới. Tùng thốt lên:

- Dì Thảo!

Bé Phượng đứng lặng bên đông hành lý. Nó chẳng biết sự liên hệ thế nào giữa bố mình và người đàn bà lớn tuổi này. Nó càng ngạc nhiên hơn khi bà ôm lấy bố, gào khóc:

- Mẹ mày...*đi mất rồi!*...Ồi giờ cao đất thăm ời, sao chị không chờ con, chờ cháu về rồi hầy...*đi!* Chị nở lòng nào....

Nhiều người nữa cũng chạy lại. Ai cũng rưng rưng nước mắt. Bắt tay Tùng hoặc ôm Tùng nhưng dường như không người nào nói thành câu. Tùng cũng nghẹn lời. Bé Phượng vẫn không hiểu chuyện gì. Hôm qua bố chỉ nói cho nó về Việt Nam chơi, thăm bà nội. Được nghỉ học, đã thích quá chừng, lại còn đi du lịch, nó nhảy lên reo hò sung sướng. Bé Phượng chưa từng chứng kiến cảnh tượng nào như thế này. Rõ ràng không phải họ khóc vì mừng gặp lại nhau, bởi vắng hẵn những nụ cười thông thường kèm theo. Chỉ toàn nước mắt. Những bộ mặt méo mó đau khổ. Những âm giọng nghẹn lại trong cổ họng. Bé Phượng mất hết những hào hứng. Nó ngùi ngùi bước đi giữa đám người thân thuộc của bố nhưng vẫn hoàn toàn xa lạ với nó.

Vừa vào đến nhà, Tùng bật khóc lớn, gọi *Mẹ ơi! Mẹ ơi!...* Sao mẹ không chờ con về? Tùng lao người tới, ôm lấy chiếc quan tài đã được đặt ở giữa nhà, trước bàn thờ. Người ta nâng Tùng dậy, mặc cho Tùng áo xô và khăn tang. Đèn, hương nghi ngút. Hoa phúng diếu được đặt hết lớp trong tới lớp ngoài, ra tận ngưỡng cửa. Một người nào đó dắt tay bé Phượng lại gần Tùng sau khi đã quán trên đầu nó một vành khăn trắng. Bây giờ thì nó đã hiểu sự kiện. Thì ra bà nội chết và bố nó đang khóc thương. Tự nhiên nó cũng rướm rướm nước mắt. Lần đầu trong đời nó thấy bố khóc. Và nó tội nghiệp bố.

Chị em Tùng đứng tùm lại ở đầu quan tài. Chỉ thiếu người con gái thứ ba ở Hoa Kỳ không về được. Những tiếng sụt sùi cộng với giọng cầu kinh tiếp tục rân rân trong bầu khí

nóng nực, ngọt ngào. Giờ phút nghiêm trọng. Thân nhân muốn Tùng được nhìn mặt mẹ lần cuối. Ông trưởng họ thấp hương, khăn vái trước tấm ảnh của người quá cố. Rồi với dáng điệu hết sức thành khẩn, ông từ từ nâng nắp quan tài lên... Bé Phượng sợ quá, khóc thét, bám chặt lấy sau lưng bố mình. Bà Thảo đứng gần đó vội kéo bé Phượng ra ngoài. Bà vẫy một đứa cháu gái lại, nói nhỏ:

- Tí này, mày dẫn em sang nhà bà mà chơi nhá... Bà cho chị em ít đồng muốn mua gì thì mua.

Bé Phượng líu ríu đi theo đứa con gái tên Tí mà chiều cao chắc cũng chỉ nhỉnh hơn đỉnh đầu nó. Miệng nó vẫn mếu máo. Mặt tái nhợt. Sau lưng bé Phượng tiếng khóc nức nở từ trong vẫn nhà vọng ra, như muốn đuổi theo nó.

Nắp quan tài được đặt lại. Vĩnh viễn. Tùng đứng vái trả những khách đến phân ưu sau khi họ được tin con trai của người chết mới từ nước ngoài về. Gần tới chiều chị Trâm nói nhỏ với Tùng:

- Giờ này vẫn người, em vào nghỉ tí đi rồi dùng bữa. Đã có cái Tuyết với ông họ Thiện lo ngoài này... Tội nghiệp em, về chưa kịp thờ đã phải lăn xả vào việc. Chắc em đói bụng lắm rồi nhỉ?

Tùng cũng hạ giọng khi trả lời chị như sợ nói lớn sẽ phạm đến sự u buồn và trang nghiêm hiện hữu trong nhà:

- Không đói nhưng nóng kinh khủng. Em tắm cái đã.

Mâm cơm đã được dọn sẵn ở chái nhà. Thức ăn có cả thịt gà, heo và bia rượu. Anh Nguyễn, chồng chị Trâm bỏ những cục nước đá vào ly trong khi vợ múc thêm tô canh cua rau đay. Tùng ngồi vào bàn:

- Nhà bạn mà chị cũng bày vẽ thế này?

Chị Trâm chép miệng:

- Gì thì cũng phải ăn uống chứ. Với lại những thức này cũng có sẵn. Mấy đứa bên đi Thảo qua hộ một tay, thoáng cái là xong ấy mà... Mai mốt lo đám cho mẹ xong nhà mình cũng phải làm một bữa... đành hoàng để đãi đằng họ hàng. Dù sao em và cháu lâu lắm mới có dịp về.

Tùng như không chú tâm lắm đến câu nói của chị, đảo mắt nhìn quanh, thoáng cau mày:

- Thế chị Thanh đâu, chị? Từ lúc về mãi việc em không để ý.

Chị Trâm vẫn bận tay với mâm cơm, trả lời bình thản:

- Gửi bên bác Trọng rồi. Dở người như thế đâu dám để ở nhà. Với lại từ lúc mẹ mất nó cứ cào cào mặt mũi, xé cả quần áo.

Tùng nén tiếng thở dài, chuyển hướng câu chuyện:

- Anh chị gọi các cháu vào ăn một thể... cho vui.

Anh Nguyễn đỡ lời:

- Cậu khỏi lo, các cháu ăn bên bà Thảo. Từ ngày nhà có đám, các cháu qua nhờ bên đó cả. Cậu cầm đũa, kéo nguội.

Tùng mời anh chị rồi uống một hơi cạn ly bia:

- Chắc cháu Phượng cũng theo các anh chị?

Chị Trâm cười nhỏ; giọng thoáng chút tự mãn:

- Bám chị Tí lắm! Hai chị em có vẻ hợp nhau.

- Tí mấy tuổi rồi chị?

- Chín rồi đấy. Chỉ tội đẹt nhưng cũng khôn đáo để. Lần trước em về, nó đi chưa vững thế mà nay đầu đường xó chợ nào cũng biết.

Anh Nguyễn hạ tách rượu xuống, góp chuyện:

- Chắc con Tí lại dẫn em ra Trung Tâm chơi thôi.

Tùng thắc mắc:

- Chỗ nào vậy, anh? Nghe lạ quá.

- Bây giờ ở đây thay đổi nhiều rồi. Cậu nhớ quán bà Tư Xệ không? Chỗ đó cách nay hơn một năm có xí nghiệp nước ngoài về mở một khu vực buôn bán gọi là Trung Tâm. Hàng quán nhiều lắm, bán đủ thứ mặt hàng nội, nhập. Mà cũng khối trò chơi bòn tiền...con nít!

Tùng vừa và miếng cơm đầu tiên vào miệng, chưa kịp nuốt thì bỗng ngoài ngõ, trước cổng nhà xôn xao tiếng gọi, tiếng la. Khác thường. Nhiều người chạy tới, chạy lui. Nhón nhác. Anh chị Nguyễn và cả Tùng đều vội bỏ đũa bát, chạy ủa ra. Một giọng nói thất thanh từ phía xa:

- Con bé bị điện giật!

Chị Trâm túm lấy một thanh niên vừa chột đi tới:

- Ai bị...gì thế?

Cậu này ngơ ngác, ú ớ:

- Em...em... đâu có biết!

Vừa lúc đó đứa cháu lớn của dì Thảo hốt hơ hốt hải chạy từ đầu ngõ về. Đầm đĩa nước mắt. Nét kinh hoàng in rõ trên khuôn mặt tái nhợt của nó. Con bé gào lên:

- Cô ơi ...là cô ơi...em nó...chết rồi...cô ơi!...

Trâm nắm lấy hai vai nó, lắc mạnh;

- Em, em nào? Sao...chết? Kể cho tao nghe đầu đuôi ra sao!

Cặp mắt của con bé như đại di, giọng tức tưởi:

- Em...Phượng...Cái Tí...dẫn em...ra Trung Tâm...

Tùng thét lên *Trời ơi, con tôi!* – đồng thời lao mình chạy. Anh Nguyễn gọi với theo: *Trung Tâm phía này cơ mà!* – rồi vội giật chiếc xe gắn máy của một người hàng xóm đang dừng lại nghe chuyện. Anh Nguyễn vừa đẩy xe vừa đạp bốn năm lần động cơ mới nổ. Tùng nhẩy lên yên sau. Chiếc xe vọt đi, tung bụi mịt mù.

- Thế còn con Tí đâu? Mà y có đi chung với chúng nó không? Ai bảo chúng mày đem nhau ra chỗ ấy?

Chị Trâm tiếp tục nắm cánh tay con bé, hỏi dồn dập. Nó vẫn như kẻ mất hồn:

- Cái Tí về... sau cháu!... Cái Tí rủ cháu chứ... Cháu lạy cô!

Bà Thảo đứng gần đó, lời con bé về phía mình, hỏi nhẹ nhàng hơn dù giọng của bà cũng lật bạt:

- Tại sao em Phượng lại bị... điện giật?

- Dạ...Cái Tí có tiền mua vé... Nó bảo cân thi xem ai nặng... Em Phượng cưỡi dế...trèo lên trước... Chúng cháu đâu biết...cái cân bị... chạm điện...

Từ phía xa bóng cái Tí hiện ra. Xiêu vẹo. Tiếng khóc của nó vọng tới trước. Nức nở. Nhìn thấy con, chị Trâm đứng sững.

Những người đang cầu kinh cho kẻ quá cố cũng đã chạy cả ra ngoài ngõ, bàn tán. Chị em Trâm gần như lẫn lộn bên vệ đường, gào

khóc. Trong nhà chiếc quan tài nằm cô quạnh. Hai ngọn đèn đặt cạnh tấm di ảnh đã cháy hết nến, tắt ngúm từ bao giờ. Khuôn mặt người tử trần trong hình tối sầm lại.

Ba bốn người đàn ông ôm Tùng giữ lại, không cho Tùng chạy theo vào bên trong bệnh viện. Người ta sợ đứa bé ộc máu tươi nếu để thân nhân ruột thịt nhìn thấy mặt. Vô phương cứu chữa. Như trường hợp kẻ bị chết đuối. Tùng tiếp tục vùng vẫy, gào thét. Giọng đã khản. Mắt đã đỏ vì khóc mẹ, giờ như hai cục máu trên khuôn mặt tóp lại, hốc hác. Tùng biến đổi nhanh chóng. Trong khi đó anh Nguyễn đứng nói chuyện trong văn phòng. Một nữ y tá hỏi anh tên, tuổi, quốc tịch và địa chỉ của nạn nhân. Ngoài ra cô ta không cho anh biết thêm chi tiết gì khác nữa, bảo chờ bác sĩ. Anh Nguyễn chầu chực trước phòng cấp cứu hồi sinh. Toàn thân anh như bị lửa đốt. Anh hết đứng dựa vào tường lại ngồi xếp xuống sàn gạch. Cửa phòng vẫn đóng im ỉm.

Gần hai tiếng đồng hồ sau bác sĩ phụ trách bước ra hành lang bệnh viện. Anh Nguyễn đi bên cạnh. Tùng vội vàng chạy lên. Với cặp kính trắng xệ xuống sống mũi, khuôn mặt lộ vẻ mệt mỏi, bác sĩ bắt tay Tùng, nói ngay:

-Cháu bé bị điện giật khá mạnh. Chúng tôi đã cố gắng nhưng cháu vẫn trong tình trạng hôn mê, phải tiếp tục nằm trong phòng hồi sinh. Tôi chưa thể biết chắc sự gì có thể xảy ra. Ngày mai tôi sẽ cho chụp hình toàn bộ, xem có triệu chứng xuất huyết nội tạng hay không...

Tùng meo máo:

- Xin bác sĩ cứu con tôi... Hết bao nhiêu tiền tôi cũng sẵn sàng trả...

Vẫn với giọng trầm trầm, vị bác sĩ lớn tuổi này trấn an Tùng:

- Hy vọng chiều mai anh vào thăm cháu bé được. Bây giờ thì anh cứ về nghỉ ngơi. Trường hợp có chuyện gì...khẩn trương, chúng tôi sẽ liên hệ với gia đình. Bệnh viện đã có số điện thoại đây rồi.

Anh Nguyễn chào bác sĩ rồi cầm tay Tùng kéo xuống bậc thềm. Đi được vài bước bỗng

Tùng quay ngược lại, xụp xuống ôm lấy chân bác sĩ, khóc thảm thiết:

- Trăm lạy ông...ngàn lạy ông...xin cứu con tôi!... Tôi chỉ có mình nó!...

Những người đứng gần đấy trở mắt nhìn cảnh tượng. Vị bác sĩ phụ trách đỡ Tùng đứng dậy. Anh Nguyễn đưa tay ngang lưng Tùng, dịu đi. Tùng vẫn nấc lên từng hồi.

Sáng sớm hôm sau đám tang mẹ Tùng vẫn được tiến hành như đã định. Linh cửu được đưa đến nhà thờ trước khi ra nghĩa địa. Ngoài họ hàng con cháu, hàng xóm láng giềng đến dự lễ an táng chiếm gần hết ghế trong thánh đường. Số người đông bất ngờ có thể vì họ thấy ứng nghiệm điều mà xưa nay sách vở vẫn nói tới. *Họa vô đơn chí*. Và họ muốn chia sẻ niềm cảm thông với gia đình người quá vãng. Vị linh mục chủ tế trong bài giảng phân ưu với nhà hiếu nhắc lại cuộc bức tử của Chúa Giêsu trên thập giá. Đau đớn tận cùng. Nhục nhã tận cùng. Để hy vọng vĩnh cửu. Ông nói thuộc lòng và trơn tru.

Tùng theo sau quan tài. Những bước chân của Tùng chập choạng như đi trên vùng đất lồi lõm. Bên cạnh Tùng chị em Tùng khóc lóc, kể lể. Mắt Tùng ráo hoảnh dưới tấm khăn sô.

Đám tang chưa hoàn tất hẳn, Tùng đã vội vàng thuê xe chạy lên bệnh viện. Tùng quên mình vẫn còn đang mặc tang phục. Cô y tá dẫn Tùng vào gặp bác sĩ trực. Ông ta giảng giải gì đó nhưng Tùng chỉ nghe rõ được mỗi câu *cháu bé vẫn hôn mê*.

Bé Phượng đã được đưa ra nằm ở một phòng riêng, có máy điều hòa không khí. Vừa thấy con, Tùng nhào tới, nấc lên *Con ơi... Bố đây, con ơi!...* Tùng ôm con, gọi tên nó, hôn lên trán nó, xoa nắn bàn tay nó. Nước mắt Tùng rơi xuống mặt con. Bé Phượng như đang ngủ say. Giống công chúa ngủ trong rừng. Chỉ khác nơi đây không có tiếng chim hót, suối reo, không bầu trời, gió mát, không cây xanh, hoa muôn sắc. Trái lại, toàn màu trắng. Và tử khí.

Một ngày rồi hai, ba ngày qua đi, bé Phượng vẫn nằm bất động. Tùng không rời con giây phút nào. Khuôn mặt Tùng dums đó, quắt queo. Đôi mắt lạc thần. Miệng Tùng nhiều lúc lẩm bẩm một mình, khi lại nhếch cười vu vơ. Chị Trâm, em Tuyết, dì Thảo muốn thay Tùng coi cháu nhưng đều bị Tùng đuổi đi. Anh Nguyễn cũng chẳng nói được chuyện gì với Tùng. Công an địa phương điều tra nội vụ không trông cậy được sự cộng tác cần thiết nơi Tùng, đành chấp nhận anh Nguyễn làm đại diện. Hàng ngày anh Nguyễn vẫn lên nhà thương nhưng phần nhiều chỉ để trả bệnh phí và chạy đi mua những thứ thuốc mà bác sĩ ghi trong toa.

Đến ngày thứ tám bác sĩ điều trị gọi anh chị Nguyễn vào văn phòng. Ông khuyên nên đưa cháu bé về nhà. Dù gì, cháu ra đi cũng giữa những người thân thay vì lạnh lẽo trong bệnh viện. Ông đã bó tay. Chị Trâm òa khóc.

Trái với sự lo lắng của nhiều người, Tùng không phản ứng gì khi bác sĩ tháo máy trợ tim và các dây truyền dưỡng chất nơi bé Phượng. Chị Trâm đứng trong góc phòng, luôn tay chặm nước mắt. Tùng ngồi bất động trên chiếc ghế đẩu. Cô y tá quán bé Phượng trong một tấm vải hoa. Tùng bỗng đứng bật dậy, đành lấy con. Anh Nguyễn đã gọi được taxi. Tùng ôm con ra xe. Suốt dọc đường Tùng lẩm bẩm như đang nói chuyện với con. Bố đưa con về Na Uy nhá. Ở đây nóng quá, hả con?... Bố con mình về Na Uy, nghe con!

Bé Phượng cũng được đặt trên chiếc giường kê trước bàn thờ. Chỗ của bà nội tuần trước. Hai ngọn nến cháy sáng bên cây thập giá. Tùng vẫn không rời con. Khoảng 9 giờ 30 tối, bé Phượng bỗng rùng mình một cái. Rất nhẹ. Tùng há hốc miệng, ngã chúi xuống. Âm thanh không thoát khỏi lồng ngực.

Trái tim của những người trong gia đình Tùng vẫn rỉ máu từ hơn tuần lễ qua, giờ vỡ toang. Với Tùng.

*

Một người đàn ông Việt Nam tiều tụy kéo những bước chân nặng nề vào máy bay. Không hành lý. Trừ một chiếc bị đeo ở trước

ngực. Trong bị này có bình đựng tro hài cốt con gái của ông ta. Nếu nhìn kỹ, người ta thấy ông ta hẳn chưa lớn tuổi nhưng nhân dáng thì như đã già lắm. Tóc bạc gần hết đầu. Khuôn mặt xanh xao, bạc nhược. Đôi mắt thần thờ, lạc thần. Miệng ông ta không lúc nào ngừng lẩm bẩm điều gì đó. Nữ tiếp viên hàng không xem vé trên tay ông ta rồi hướng dẫn vào ghế ngồi. Ông ta không nhìn ai hay bất cứ thứ gì. Người ngồi bên cạnh nhắc ông ta cài thắt lưng an toàn nhưng dường như ông ta không nghe thấy âm thanh nào bên ngoài. Nữ tiếp viên định giúp ông ta để chiếc bị lên thùng chứa hành lý, tức thì ông ta găm giữ; ánh mắt trở nên dữ dội. Từ đó hai tay ông ta luôn luôn ôm ghì chiếc bị. Người ngồi bên cạnh đã điều đình với nữ tiếp viên xin đổi sang chỗ khác. Trong suốt cuộc hành trình người đàn ông Việt Nam này không nhận thức ăn, nước uống. Miệng ông ta thì thầm liên miên với chiếc bình đeo trên ngực. Cả khi mọi hành khách khác đã ngủ. Ngoài ra người đàn ông Việt Nam này không làm phiền ai, không gây trở ngại gì nên nhân viên phi hành cũng quen dần thái độ khác lạ của ông ta.

Sau hơn 19 giờ bay, phi cơ từ từ hạ cánh. Khuôn mặt người đàn ông Việt Nam vui lên rõ rệt. Như xảy ra một phép màu. Con ơi, mình về đến Na Uy rồi đấy! Ông ta xô đẩy những hành khách khác, chen ra trước. Đi như chạy. Con thấy không khí mát chưa con?... Bố con mình về nhà mình, nghe con! Ông ta linh động hẳn, biết gọi taxi và nói địa chỉ. Xe chạy ngang qua những con đường trùng điệp núi rừng. Bầu trời nhiều mây xám. Gió. Ông ta nhìn qua kính xe, cười một mình. Nụ cười hiền lành, pha nét ngây ngô. Vào tới thành phố, xe giảm tốc lực. Ông ta chỉ tay qua kính xe, lay lay chiếc bình trên ngực. Trường của con kia kìa!... Đấy, đấy Tina, Vivi, cả Diễm nữa đang vẫy con! Chúng nó mừng lắm khi biết con đã về. Cô Kari thì đương nhiên vui rồi. Mai con lại đi học nhé! Bố hứa sẽ cho con ngồi xe phía trước với bố, chịu chưa!... Sức mấy mà bố ngán cảnh sát!... Người tài xế nhún cặp lông mày đậm, liếc nhìn gã ngoại kiều Á châu kỳ lạ.

Tới nơi, người đàn ông Việt Nam lôi một nắm giấy bạc trong túi đưa cho tài xế. Cả đô la lẫn tiền Việt Nam, tiền Na Uy. Ông ta biến dạng thật nhanh vào trong chung cư. Người tài xế nhún vai, lắc đầu. Chiếc xe lại vụt đi.

Ông ta bước nhẹ chân vào phòng ngủ, ấn nút đèn bàn. Ánh sáng vàng nhạt tỏa lan. Ấm cúng. Ông ta đặt chiếc bình đựng tro hài cốt chứa con gái xuống cái gối có thêu hình con thỏ cầm củ cà-rốt. Ngủ đi, con gái rượu của bố!... Bây giờ con được an toàn rồi!... Ông ta xuống bếp, ngồi vào chỗ vẫn ngồi uống cà phê mỗi buổi sáng sớm, chờ đến giờ đánh thức con dậy đi học. Chẳng hiểu ông ta có nghĩ ngợi gì không mà bộ mặt thần thờ. Bên ngoài trời bắt đầu nhá nhem tối. Gió chuyển mình thổi mạnh hơn. Sắp mưa. Ít phút sau ông ta đứng dậy mở tủ thuốc. Hộp valium ngay tầm mắt. Thuốc này ông ta đã dùng một hai viên vào những ngày đầu vợ mới bỏ đi. Sau đó ông ta không cần nữa vì thấy phải tỉnh táo để lo cho con. Ông ta dần dần tập được giấc ngủ tự nhiên. Thế mà ông ta lại quên quẳng vào thùng rác. Như vẫn thường làm mỗi khi thấy thứ thuốc nào hết hạn. Hai năm rồi đấy. Ông ta cho một viên thuốc vào miệng, rót nước. Ức. Viên thứ hai, thứ ba... Ức. Cuối cùng như sốt ruột, ông ta dốc hết vào miệng những viên thuốc màu hồng còn lại trong ống nhựa. Uống cạn ly nước. Ức. Giống như hồi trẻ ông ta thường "dụng trận" với bạn bè. Trước khi ra khỏi bếp ông ta cũng nhớ tắt ngọn đèn treo thẳng xuống mặt chiếc bàn tròn, nơi cha con ông hàng ngày vẫn ngồi ăn cơm, cười đùa với nhau.

Ông ta trở lên phòng ngủ, đặt mình xuống giường. Bằng một cử chỉ hết sức âu yếm ông ta kéo chiếc bình đựng tro hài cốt sát vào người mình. Ủa, con còn thức hả? Ông ta lại lẩm bẩm nói chuyện. Con chưa buồn ngủ sao? Đi đường xa như thế mà không mệt à?... Thôi được, để bố kể chuyện cổ tích con nghe nhé... Ngày xưa ngày xưa, lâu lắm rồi, có một con heo con sống với bố nó ở trên một đỉnh đồi... Gì, con? À, cô giáo Kari kể có những ba con heo con hả?... Ừ thì ngày

xưa ngày xưa... Con không thích nghe chuyện nữa hả? Con thích bố hát?... Cũng được!... Bằng giờ năm xưa Phượng còn bé tí teo. Mà rày năm nay Phượng lớn như con mèo!... Hả? Con không chịu làm con mèo à? Thế con muốn làm con gì?... Con thỏ?... Ok... Bằng giờ năm xưa... Tiếng hát nhỏ dần... nhỏ dần...rồi tắt lịm.

Gần trưa mà trời cũng chỉ hửng sáng. Thời tiết đã vào giữa thu. Ngày kéo dài chừng năm sáu tiếng đồng hồ. Chóng tối. Người đi lại vắng vẻ. Cảnh vật tiêu điều. Bỗng chuông điện thoại của người đàn ông Việt Nam này reo vang. Tiếng re...eng... reng...

như gấm lên vì trong nhà hoàn toàn thỉnh lặng. Điện thoại reo lâu lắm. Người ở đầu dây bên kia vẫn kiên nhẫn chờ. Có thể đó là thân nhân của ông ta ở Việt Nam gọi sang để biết tin tức cha-con đã về tới Na Uy bằng an chưa...

Trên giường, người đàn ông Việt Nam nằm xõng xoài. Chiếc bình đựng tro hài cốt đưa con gái lăn sát vào cạnh sườn ông ta. Hai cánh tay ông ta giăng ngang. Hai chân chồng chéo lên nhau. Đầu ông ta ngoẹo sang phía bên trái. Mắt mở trừng trừng.

Hoài Mỹ

Thơ Nguyễn Ngọc Thuận

Như ngọn lửa cháy



Ta cứ ngỡ đời tàn theo mây khói
Đã nhiều năm không tiếng nói cho ta!
Chưa rõ đám mà người hờ khăn gói
Đau nỗi đau của một kiếp xa nhà.

Quay ngược lại thời gian đời hải ngoại
Đất với người gần bó một phương trời
Cũng có lúc chồn chân vì e ngại
Vác gà voi thiên hạ giọng chê cười.

Như xác ướp đem vải tang ta quấn
Chôn thật sâu quên hão hức đường trần
Đất trống lạnh ngầu đen như mực quấn
Vỡ toang từng dòng máu đen bầm.

Người đập nát bình rượu ta đang uống
Cắt đường đi, đào hố để chôn nhau
Như sợi chỉ treo hồn hoang trống mông
Ngựa ai thồ dậm ngái ngút đường sâu?

Như lửa cháy nuôi tim hồng khôn lớn
Anh hiên ngang vùng dậy trước diễn đàn
Làm sống lại vị nhân từng khuất bóng
Một rừng người tay vỗ đón chào anh.

Hãy thổi lại giọng kèn xưa im tiếng
Hội Diên Hồng rền vang vọng âm ba
Lập trường đó chớ bao giờ lay chuyển
Hồn lưu vong soi rõ dấu quê nhà.

Người tuổi trẻ đập bất đồng, dị biệt
Bằng buồng tim bằng thác lệ nồng nàn
Dân tộc Việt sẽ muôn đời bất diệt
Người xung phong, ta tâm phục vô vàn.

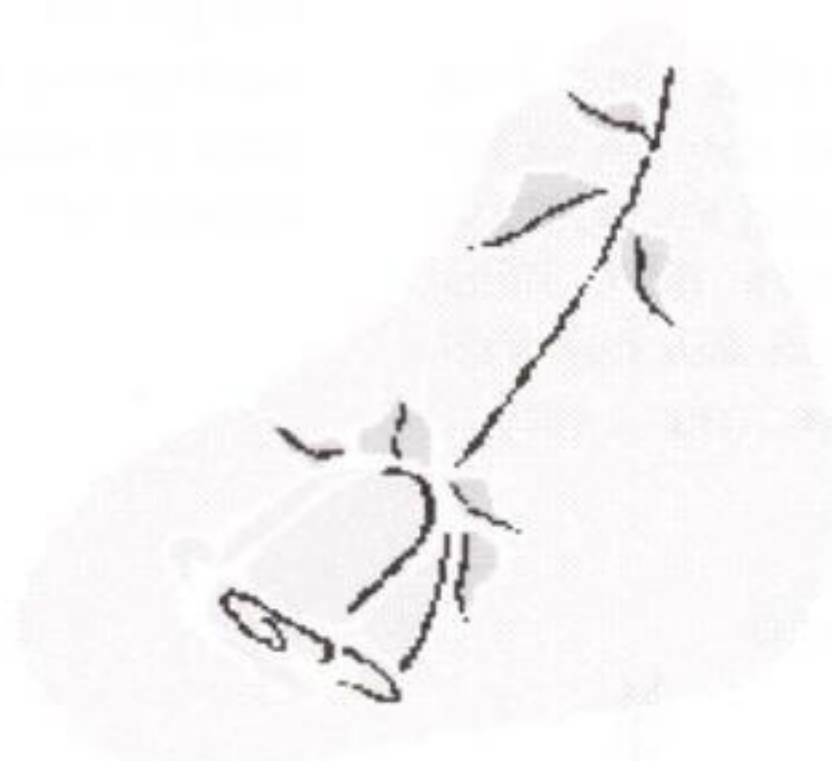


Một Bông Hồng

En Rose

Nguyên tác: Amalie Skram

Bản Việt ngữ: Dương Kim



Ồ, chuyện này đáng buồn thật, nói xong, ông trở mình khó nhọc trên giường, hướng về phía vợ ông, bà vừa mới bước vào phòng khách, đứng cách một quãng xa, dựa vào chiếc bàn giấy cũ. Da bà trắng, tóc vàng, bụng to, đôi mắt nhợt nhạt, sâu, tóc thưa, tóc trước trán được cuốn bằng thanh sắt hơi nóng dùng để uốn tóc. Áo đầm màu vàng nâu của bà, mặc vào buổi sáng có dây thắt lưng đã phai màu, sờn, thất lỏng lẻo quanh bà.

“Nhưng thật ra ông bị gì chứ?” bà hỏi bằng giọng nửa giễu cợt nửa trách móc.

Ông vuốt mấy ngón tay qua lớp tóc rậm đen, ngẩng khuôn mặt nhợt nhạt, râu đen bao quanh má, nhìn bà. Bà nhìn lại bằng ánh mắt sáng. Một ánh mắt, như đâm vào ông.

“Độc ác? Đôi mắt đó có độc ác không?” ông nghĩ thế, và cảm thấy đau đớn khi nhìn bà.

Sau một hồi tạm ngưng, bà nói vào khoảng không: “Ngày mai có phải là Chúa nhật không?”

“Tôi không biết,” ông đáp.

“Chắc gì ông đã để ý đến ngày tháng?”

Đầu ông nhức, tựa vào bàn tay phải và ông vẫn nhìn bà.

Người đàn bà, người mà ông đã yêu thương nhất trên đời này.

Bà đã đổi thế đứng, nhưng vẫn dựa vào chiếc bàn giấy cũ. Có tiếng kêu răng rắc phát ra từ chiếc bàn cũ ấy.

Rồi: “Còn 9 ngày nữa là sinh nhật ông. Mình sẽ ăn mừng như thế nào đây?”

“Ồ, tôi sẽ vào dưỡng đường mà.”

“Nhưng đến sinh nhật của ông, dĩ nhiên ông phải về nhà lại chứ,” bà mết mòi nói.

“Không, tôi không về đâu. Ồ, nghĩa là - nếu tôi chết, thì có lẽ xác tôi về đây.”

Bà hét lên vì mừng.

Ông nghĩ thế, và lưng ông lạnh lại. Trên thực tế bà chỉ phát ra một tiếng cười như tiếng nổ: “Ha, ha, ha! Ông chết! Rồi tôi sẽ làm gì với cái xác của ông?”

Ông vẫn nằm theo tư thế trước, đầu gác trên tay, nhìn bà.

Ý nghĩ đó, vào những ngày gần đây, thường phốt qua tâm ông, tuy nhiên ông chưa bao giờ để cho nó xâm chiếm lòng mình - ý nghĩ đó lại là đúng. Vì nếu ông chết, bà sẽ cảm thấy đó như niềm vui thoải mái.

- Đương nhiên rồi -

Mọi sự chấm dứt như thế đó.

Ông, người đã tự ràng buộc mình với bà trong niềm tin cậy hoan hỉ và lớn lao.

Chuyện thần thoại con người: Tuy hai mà là một!

Nhảm nhí và lếu láo!

Không. Một người là chủ, người kia là tớ. Hoặc là kẻ thù cũng nên.

Ôi, nếu như những huyền thoại không đầy rẫy trên trần gian!

*

Bà vẫn đứng dựa vào chiếc bàn giấy cũ, đưa mắt nhìn chung quanh khó chịu.

“Ừ, tôi mệt quá,” ông đột nhiên nói, đôi tay trắng, to ôm lấy đầu tóc thưa.

“Hắn ông ngạc nhiên là tôi chẳng buồn phiền gì về bệnh của ông. Nhưng tôi không thể không buồn được. Tôi đã cho ông hết tất cả những gì tôi có. Tôi không còn gì nữa.”

“Ừ,” ông trả lời thêm chút xiu nữa. “Tôi thấy chứ.”

Rồi ông thầm nghĩ: “Những gì bà ấy nói là đúng đấy. Bà đã vất vả làm cho cả hai đều tốt đẹp. Nhưng những món quà của bà, tuy rất tốt, nhưng không đủ đáp ứng. Hay có lẽ, bà chỉ cho đi những gì tôi không cần. Một điều chắc chắn: Không ai ở trên thế gian này tốt với tôi như bà, và cũng chẳng ai quá ác như bà.”

Tâm hồn bà hẹp hòi và khô khan lạ lùng. Quá tỉnh táo như luật pháp. Ôi, sao mà khác biệt quá!

Ông lại từ tốn đặt đầu xuống gối và nói: “Chúng ta đã vì nhau mà phá vỡ đời sống của nhau rồi.”

“Ồ.” Bà đã bắt đầu đi qua đi lại. “Thế đấy.”

Ông quay đầu nhìn theo bà. Bà vụng về và nặng nề như con gấu. Cái đầu nhỏ, vàng, mấy bàn tay thú trắng, và cái bụng to.

Trên gáy trắng của bà có một cọng tóc quăn, nhỏ, lay động theo từng bước chân bà đi. Mắt ông cứ dán vào cọng tóc đó. Bỗng nhiên trong giây phút ngán ngủ, ông nhìn bà như hồi bà yêu ông và lần ấy ông yêu bà. Ký ức sưởi ấm lòng ông.

Giờ ông nằm đây, qua đi và hết, ông sẽ vào đường đường.

Ông tự hỏi bà có muốn đi theo ông không? Không phải thế - ông muốn đến đây một mình. Nhưng ông yếu sức quá. Thật sự thì ông phải cần một người giúp đỡ.

Khoảng một hay hai tiếng nữa xe tới.

“Tôi sẽ giúp ông gì được?” bà đứng yên hỏi. Giọng bà the thé.

“Thôi cảm ơn. Tôi tự lo lấy được mà.”

Bà đi ra, rồi đóng cửa lại.

“Nếu giờ bà ta không có trong đời ông, không tồn tại,” ông thầm nghĩ, bắt giắc đôi tay ông đặt lên ngực, “thì anh sẽ mãn nguyện hơn không?”

“Ôi không.”

Rồi ông nghĩ đến đứa con gái đang lớn của mình, đương ngồi đọc bài trong phòng sau phòng ông. Ông muốn ra đi không một lời từ biệt nó. Trời đất ơi, sanh một đứa con ra đời đau đớn làm sao, khi người ta đã thật tình tin vào đời sống tồi tệ. Đôi khi ông còn phạt ý lạ lùng về cô con gái này. Nó giống má nó quá. Giọng nói và nét mặt của nó, chiếm một phần khó chịu trong ông. Gần như là thù vậy.

Rồi khi ông nhớ lại những ngày đã qua! Hồi mà nó còn nhỏ lắm - khi mà họ còn có niềm vui với nhau. Nhưng đã qua rồi. Chuyện ấy cũng đã qua rồi, như tất cả mọi việc khác đã qua đi.

Vợ ông, cái bà béo mập, tự tin này, người mà có thể nói chuyện, dạ dạ vâng vâng với bất kỳ ai, bà, ra vẻ có “giấu ngọc trong đá” và tâm hồn đầy mộ đạo - lúc nào bà cũng thành công.

Ôi, sao mà họ khác biệt nhau quá!

Ông đứng dậy ra khỏi giường, mặc áo. Đầu gối ông run. Trong lúc ông gói túi đồ, mồ hôi chảy từng giọt lớn trên mặt ông.

Chao ôi, ông tưởng thậm chí có một người vợ. Một người vợ, nếu trong tình yêu và nỗi thương xót, có thể ông tìm được sự yên tĩnh và thuốc chữa cho linh hồn cùng thể xác ông.

Vợ ông chẳng phải là vợ.

Giờ, khi ông vào đường đường, ông sẽ có một điều dưỡng viên.

Tạ ơn Chúa.

*

Rốt cuộc ông mặc áo và gói đồ xong, ông đi, chân lão đạo, vào phòng làm việc của mình.

Ông muốn viết một bức thư cho con gái mình. Một bức thư, con ông sẽ đọc khi nó trưởng thành. Phòng hờ nếu ông chết trong đường đường. Và ông biết ông sẽ chết mà.

Ông nghe một tiếng lạ từ phòng khách. Chuyện gì thế?

Ông lắng nghe, rồi chợt biết, đấy là vợ ông đang ngáy.

Ông ngồi xuống bên bàn viết, và viết như sau:

“Con còn nhớ, bé Karen, con còn nhớ chúng ta đã vui sướng biết bao nhiêu. Hồi ấy con là một đứa bé gái rất nhỏ, và bố là người bố già, vui vẻ, thương yêu của con? Con còn nhớ những

bài hát của bố hàng đêm, khi mẹ đi vắng, con nằm trên giường, bố lại muốn con ngủ. Bố hát cho con - khi chính bố lại không biết hát. Nhưng con lúc nào cũng đòi bố hát, vì con thấy bố hát hay.

Con sẽ được đọc bức thư này, sau khi bố mất. Con của bố đừng đau buồn nhé, con gái của bố ạ, chỉ cần con nhớ đến bố trong ký ức mà thôi. Trước hay sau thì cuối cùng sự chết cũng đến với mọi người. Con có nhớ khi bố gãi lưng con, con cười nói, bố thọc lét con.

Khi mặt trời lặn, mặt trăng lên, khi bố biết những vì sao nhấp nháy ở bên ngoài, khi gió thổi rì rào qua cây cối, ấy là lúc bố nghĩ đến con, Karen, bố nhìn thấy con như hồi con còn là đứa con gái nhỏ của bố.

Còn nhiều điều bố muốn viết cho bé Karen, con của bố. Nhưng bố bị ốm và mệt, sắp chết, bố không gắng sức nổi nữa.

Giã biệt con gái của bố. Bố của con yêu thương con, trong phút cuối cùng cũng còn nghĩ đến con. Hãy trở nên người ngay thẳng và đáng kính nghe con.”

Ông bỏ lá thư vào phong bì, viết tên Karen ở ngoài, giấu vào ngăn kéo bàn viết. Rồi ông lau mồ hôi trên mặt, ông đứng dậy, mở cửa, đi vào phòng khách.

Vợ ông ngồi dậy trên chiếc ghế dài mà bà vừa nằm đấy ngủ.

“Lại gì nữa đây?”

“Tôi đi đây.”

“Giờ - Ôi, cái đường đường tâm phào ấy. Việc ai nấy lo.”

“Nhưng bà phải biết tôi bị bệnh cỡ nào rồi chứ,” ông khấn khoản nói. “Đến độ tôi không ăn uống được gì cả.”

“Ôi, quả thật là ông ăn cũng đâu có ít,” bà đập vào một sợi tóc quăn trên chiếc gáy trắng của bà.

Những lời nói của bà tựa như một ngón đòn đau. Thật tình ông rất cần sự đối đãi tử tế, giờ ông lại xa căn nhà bé nhỏ của mình, ra đi để chết.

“Vâng, tôi phải đi thôi - taxi đang đợi ở dưới đó.”

Bà thay quần áo đi theo ông.

Sau đó xe họ đi khỏi.

Ông cảm thấy mình mệt như, quá tệ, ông ngồi trong xe, mà không thể giữ cho mình ngồi ngay thẳng được. Ông mơ muốn được tựa đầu nghỉ ngơi trên vai người đàn bà này cũng chỉ vì bà ta là một con người như ông. Nhưng bà cứ ngồi nói bằng cái giọng the thé - cái giọng này, có lần ông yêu nó - nói đủ thứ chuyện, chẳng đâu vào đâu. Ông dựa mình lại vào góc xe. Nước mắt âm thầm chảy ràn rụa trên má ông.

*

Cỗ xe ngừng lại bên cổng đường. Bà vùng ra khỏi xe, nhưng lại đứng bối rối, nói lảm bảm, vì cổng đường đã đóng rồi.

“Bà phải giục chuông chứ,” ông gắng sức nói. “Giê-Su-Ma, lạy Chúa tôi, rõ là đàn bà.”

Liên sau đó cổng mở, bà đi trước ông, bước lên những bậc thang, qua nhiều hành lang dài, vào căn phòng đã được dành cho ông. Một người y tá tóc sậm, vui vẻ và một gã trẻ măng, với áo khoác nhiều dây nhợ, dẫn đường.

“Ôi thôi, tạm biệt nhé,” bà nói nhanh rồi ôm hờ vai ông. Bà để mặt bà gần vào mặt ông, và đó, coi như là một nụ hôn, nhưng tưởng như là nước miếng lạnh phớt nhẹ trên môi ông.

*

Nhiều ngày và nhiều tuần trôi qua. Ông nằm trên giường, im lặng và mệt mỏi.

Vợ ông đến coi sóc ông. Bà đem thư từ và báo chí tới. Thịnh thoảng Karen cũng đi theo. Lúc

ấy ông khóc hoài. Ông lấy tay che mắt để đứa con đừng nhìn thấy.

“Thật ra ông bị gì vậy?” bà hỏi bác sĩ trưởng.

Bác sĩ trưởng nhún vai.

“Sau tai nạn xe vào mùa xuân, ông chẳng bao giờ được khỏe cả.”

“Nhưng như vậy thì đâu có sao?”

Lại một lần nữa bác sĩ trưởng nhún vai, lần này ông ta chẳng nói gì cả.

Bà đọc thấy trong mắt ông chẳng còn hy vọng gì và bà cảm thấy trút được gánh nặng trĩu.

*

Nơi ông nằm với những chăn mền màu trắng của đường đường, thật là im lặng. Đèn khí thấp trước đầu giường ông đã bị vụn tắt.

Ông không thể nào nghỉ yên được. Chốc chốc ông lại muốn cử động, nằm cho thoải mái lại. Nhưng ông không đủ sức.

Thỉnh thoảng có một giọt nước mắt chảy trên má ông. Ông rất muốn lau đi, nhưng không đủ sức nhấc tay lên.

Đời sống của ông trở nên buồn bã, trống rỗng và nghèo nàn làm sao. Ông, người đã ước mơ và hy vọng nhiều quá.

Nhưng ai mà chẳng ước mơ và hy vọng như thế.

Ông nghĩ đến bé Karen nhiều nhất. Nghĩ đến hồi nó mới bốn tuổi, mặc chiếc áo ngủ dài, đi vào phòng ông mỗi tối để chúc ngủ ngon. Nó không được hài lòng nếu ông chưa chúc lại đôi chân của nó.

“Đây là Inger và đây là Trine,” rồi nó đưa đôi chân trắng, mềm lên mặt ông, hết bàn chân này đến bàn chân kia.

Chúa ơi, ông tự hỏi nó sẽ ra sao trên cõi trần này? Ông không bao giờ biết được. Vì đêm nay ông sẽ chết.

Vâng, vâng. Ông quá mệt, rất mệt.

Nhưng chết như thế này - chết cô đơn. - Không một bàn tay nào nắm lấy để từ biệt.

Ông nhớ đến bố mẹ mình, đã mất rồi, những anh em thân yêu, cũng đã mất, và tức thì ông vui mừng bám chặt lấy ý nghĩ là giờ mình có thể gặp lại họ.

Những ý nghĩ ấy cứ chạy quay cuồng trong đầu ông. Ông nằm như một con thú ngủ giấc đông miên.

“Rồi Chúa yêu thương mọi loài. Ngài đã cho con một của mình”

Vâng, đó là một ý tưởng đáng mến. Một dụ ngôn cho những gì thuộc về tâm hồn bác ái được nghĩ ra trên mặt đất, để cứu giúp những người chết và những linh hồn tuyệt vọng. Không ai và chẳng ai sẽ phải bị lạc lõng cả.

Chính lúc mất đi là khi tìm thấy.

Vâng, giờ thì ông sẽ mất sự sống. Ông sẽ chết.

Nhưng tạo hóa có thể lãng phí như thế sao, cũng để cho linh hồn ông chết luôn sao?

Linh hồn ông. Linh hồn ông là gì? Một tiếng rên rỉ lớn thoát ra khỏi ông.

Y tá bước vào, định cho ông uống nước. Nhưng ông nằm bất động trên gối. Rồi cô y tá bỏ đi.

Hoa huệ trên cánh đồng, tất cả sự tuyệt vời của mặt đất thức dậy một lần nữa, rì rào chậm chậm qua ông. - Ô, ông mệt quá. Sự chết, sự chết ơi, tới đi! Tới ngay đi!

Bỗng nhiên ông giật mạnh, rùng mình. Ông mở vội đôi mắt mờ ảo của mình, nhìn chăm

chập, như ông ngó xa xôi vào khoảng không gian.

Ở phía trước, ông nhìn thấy một bông hồng rất lớn, một hành tinh bằng hoa hồng, hành tinh đó lớn hơn trái đất. Ánh nắng chói lọi ửng đỏ chiếu xuống hành tinh đó, mạ vàng hàng triệu chiếc lá mềm. Mùi thơm nồng nàn bay đến ông. Nhạc vang lên những âm thanh nhỏ huyền diệu. Giữa những thứ ấy, trong các cánh hồng sáng màu thắm đỏ, vàng, có hàng triệu linh hồn người, gần như vô hình trong tiếng chuông ngân.

Còn nơi mà có nhiều nhà cửa, xuyên thấu qua sự mất cảm giác của ông.

Ông muốn với tay tới hành tinh tuyệt vời, thơm mùi hoa hồng ấy, nhưng cánh tay ông nặng trĩu xuống, mấy ngón tay ông mò mẫm bắt lực vào chân mền.

Người ông giật mạnh từ đầu đến chân, bấp thịch co rút. Rồi ông chết.

Một nụ cười bình yên tô điểm khuôn mặt trắng, cứng đờ của ông.

Dương Kim



Tết ấy



Mạch Nha

Đầu tháng Chạp, mẹ Mít thấp thỏm nhìn lịch. Ngoại Mít ngồi nhai trầu trên tấm phản nút chếp miệng:

- Tết nhất tới nơi rồi. Sao chẳng thấy tấm hơi. Cô không viết thư hỏi thăm xem?

Mẹ Mít suýt vọt miệng:

- Có viết cũng không kịp nữa, nếu các em nó chưa gửi.

May kèm lại được, chị trấn an bà:

- Chắc nay mai thôi, sẽ nhận được giấy báo đăng Cô Giang, má à.

- Chỉ mong vậy. Để còn lo bán buôn, sắm sửa và... đi thăm anh ấy.

Mẹ Mít chớp mắt. Mắt kéo mây.

Bắt được bóng mây trong mắt con, ngoại Mít tính nói câu an ủi nhưng ngoài hàng ba có tiếng xô cửa, bà nhìn hóng ra.

Mít ủi chiếc xe đạp sườn ngang vô nhà.

Quăng con ngựa sắt đánh ầm vào vách tường, nó thở hồng hộc. Ngoại Mít nhả vệt miếng trầu nát vào ống nhổ, lớn tiếng:

- Con gái con lứa! Huỳnh hực như lính đánh thuê!

Mít giơ tay quệt đám tóc bết trên trán, nách áo loang vệt tròn, ướt mùi dậu thì. Đút cho mình miếng trầu mới, ngoại Mít tiếp:

- Có cửa không biết giữ, đến khi lết bộ mới tiếc.

- Cái chống què rồi ngoại à.

- Què thì đập cho gãy luôn à?

- Ngoại ơi, là ngoại ơi! Cái xe cùi này hành cháu khổ thấu trời xanh. Sên lỏng, xích

mòn, chống què, yên mục. Mới bị một trận mưa hôm qua, nó đã làm cháu cả ngày nay lại bị tui trong lớp ghẹo là nhà máy sản xuất amoniac...

Thong thả dựng lại cái xe cho con, mẹ Mít khẽ động viên:

- Rán hết năm nay đi. Mùa khai trường tới, mẹ sẽ liệu.

Mít nhìn mẹ nôn nóng:

- Có giấy báo lãnh quà đăng Cô Giang chưa mẹ? Đi xe sườn ngang mỗi háng quá!

Ngoại Mít cười phì, phun nước cốt trầu lún phún đỏ quanh tay áo:

- Cha mày! Ăn với nói!

Mít lắc tay mẹ:

- Giấy báo đến chưa mẹ?

Giấy báo thăm nuôi bố thì đến rồi.

- Không! Là con hỏi giấy báo lãnh quà kìa.

Ngoại át:

- Con nít con nôi, ăn xôi ỉa chảy! Hỏi lắm thế! Đi tắm giặt đi. Áo sống có bao nhiêu cái thâm kim hết bấy nhiêu.

Mít chù ụ:

- Cô Mè nói năm nay tiếp học trò từ chiều mồng một.

Ngoại chống tay:

- Cô giáo mày chướng! Mồng một Tết cha, mồng hai Tết chú, mồng ba Tết thầy. Làm gì mà phải giống lên nặng xì thế. Năm nào mẹ mày chẳng đi quà từ 27, 28.

Sợ ngoại nổi nóng sẽ xổ toẹt luôn vụ quà cáp cho cô giáo, Mít ba chân bốn cẳng vọt vô nhà tắm.

Mẹ Mít lại nhìn lên tờ lịch. Đầu tháng Chạp rồi...

20 Tết. Tờ giấy báo mà cả nhà Mít mong mỗi vẫn biệt tăm. Ngoại Mít nghi Tết nhất bưu điện bộn bề, làm lạc mất thư từ nên bảo mẹ Mít lên thẳng sở quản lý quà cáp từ nước ngoài gửi về ở đường Cô Giang hỏi thăm.

Khi đi mẹ Mít gọi xích lô, lúc về chỉ tà tà cước bộ. Mấy cô văn phòng chỗ Cô Giang cộc cằn quá, đã xoi hỏng bóng không, tốn cước xích lô lại còn bị một mẻ gắt rất mắm tôm.

23 Tết. Ngoại Mít bày đĩa kẹo đậu xanh ở nhà sên lấy lên bàn thờ, ngọt ngào cúng tiễn ông Táo về trời. Nhang tàn, bà nhón lấy một viên no tròn dúi vào tay Mít, còn thì gom cả vào cái túi ny lông lưng lưng cỡ một kí lô, bảo:

- Để cho bố mày.

Mít thả luôn viên kẹo vào túi :

- Cháu không lấy đâu.

Mẹ Mít ngồi xào mắm gần đấy vội vỗ về:

- Ăn đi. Mẹ còn thịt mỡ và mắm ruốt cho bố đây.

Mít lắc đầu, với lấy con dao bài và quả cau trong ô trầu.

Ngoại ái ngại:

- Ừ thì bỏ cau cho ngoại đi. Cẩn thận, dao mới mài đấy.

25 Tết. Mẹ Mít đi Suối Máu về. Xích lô xuyên hẻm, đậu tận nhà. Thấy con vác nguyên cái bao bố thắm nuôi xuống xe, ngoại Mít từ trong nhà chạy xổ ra la hoảng: Nó làm sao? Làm sao? Trời ơi trời, sáu tháng nay không có tin tức, tôi đã nghi rồi.

Mẹ Mít nhét vội tờ giấy bạc vào tay bác xích lô, quay vào nói nhỏ:

- Má, má. Đi vô nhà nói chuyện.

Một tay mẹ Mít lôi cái bao bố, tay kia vừa xốc cái túi đeo vai vừa kéo ngoại Mít vào bên trong.

Ngoại Mít bật khóc:

- Người ta giết chết nó rồi phải không?

Nhìn ngoại và mẹ cùng ngồi phịch xuống phản, rồi thì người khóc mỗi lúc một lớn, người tái mét run rẩy, Mít sợ hãi đứng chôn chân cứng ngắt nơi góc nhà, mắt lấm la lấm lét.

- Cứ thế mãi một lúc, khi tiếng khóc ngoại dịu bớt thì mẹ Mít hít một hơi dài, bảo con:

- Đi lấy cho ngoại ly nước.

Đang dần lắng cơn, ngoại Mít lại lồng lên:

Má không uống. Cô nói đi. Sự thể làm sao?

Mệt mỏi, mẹ Mít hơi gất:

- Má bình tĩnh đã. Có trẻ con ở đây, đừng làm cháu sợ.

Quay lại con, chị xua:

- Mít qua bên bác Nhã chơi đi.

27 Tết. Mẹ dắt Mít đi Tết cô Mè. Gói đồ thắm nuôi chồng, chị xả ra, chia năm xẻ bảy. Năm nay tưởng trơ khấc, rút cuộc cũng Tết cô giáo được túi kẹo đậu xanh và cân đường thẻ.

Cô Mè nhận quà, miệng hô cười nheo:

- Kẹo đâu thế chị?

- Cây nhà lá vườn cô ạ.

- Thế ạ... năm nay các em chị không gửi kẹo Tây về cho gia đình ăn Tết à?

...

Tối về, mẹ Mít nói với ngoại:

- May quá, cô giáo không hỏi han gì bố nó.

Ngoại hứ:

- Cô với chả thầy! Chỉ biết vùi quà.

Má! Để cho cháu nó kính thầy nó mới nên người.

Xỉa dùm thuốc làm vào khóe miệng, ngoại Mít hứ thêm một tiếng rõ to.

28 Tết. Bác Nhã nhà bên đem sang biếu ngoại chục bánh oản. Thấy nhà lạnh trớn, bác thắc mắc:

- Cụ chưa định gói bánh chưng à?

Ngoại rầu rĩ:

- Bố con Mít làm nạn rồi. Gói ghém gì nữa. Rồi ngoại kéo bác lên phản, mở ô trầu. Hai người tèm tèm, cuốn cuốn, thì thà thì thảo. Không bị xua đi chỗ khác, Mít quanh quẩn gần phản hóng chuyện.

Khi ô trầu đã đầy thì câu chuyện khá tỏ. Bác Nhã kiểu ngoại ra về. Vừa xỏ chân vào guốc, bác vừa chép miệng:

- Khổ thân. Thôi thì tới đâu tính tới đó, cụ ạ. Ra giêng ngày rộng tháng dài lại đi hỏi thăm xem thế nào.

Buổi trưa, bác Nhã lại qua. Nhét vào túi ngoại nắm giấy bạc, bác ái ngại:

- Dù sao cụ cũng rán gói vài cặp bánh cho cháu Mít nó vui.

Đêm giao thừa. Cận giờ cúng kiến, mẹ Mít lui hụi đẩy chậu mai to tướng, sai ngắt nụ từ hàng ba vào phòng khách. Ngoại gọi:

- Mít ơi, đẩy cái xe đạp vào bếp, lấy chỗ chưng mai.

Số Táo Quân trên ti-vi đang đoạn tức cười, Mít dạ ngoại dài ngoẵng nhưng không vội nhồm dậy. May ngoại đang sắp đặt bàn Thiên, không rầy la chi, chỉ ngắm mai đoan chắc :

- Nụ mở thế này, sáng mai tha hồ nở đẹp.

Mồng một Tết. Mít thức dậy đã thấy ngoại và mẹ lu bu quanh trang thờ. Bàn thờ thưa thớt bánh mứt hơn mọi năm nhưng màu xanh đỏ rực rỡ của lớp giấy bóng kiếng gói những chiếc bánh oản tròn tròn đủ làm vui mắt con trẻ. Đưa cho Mít ba cây nhang, ngoại dặn:

- Khấn Phật Thích Ca trước, rồi tới Quan Thế Âm Bồ Tát. Xin Phật độ cho thiên hạ rồi tới gia đình, rồi mới tới bản thân.

Mít dạ dạ, khếp nép đứng sau lưng ngoại. Ngoại khấn lâu thật lâu. Lâu nhất là phần xin cho gia đình. Trên dưới nội ngoại, con cháu, họ hàng xa gần, ai khổ ai nạn, ai thì ai cứ làm sao, ngoại liệt kê tên tuổi, địa chỉ, sự tích căn thận. Đến khi khấn xong, cắm nhang vào bát thì nhang cháy đã quá nửa

cây. Thấy tàn nhang cong vòng mà không rụng bụi, ngoại hớn hớ:

- Phật độ. Thế nào bố mày cũng tai qua nạn khỏi.

Ra Tết, qua rằm mẹ Mít xuôi ngược mãi, cuối cùng cũng được tin bố Mít. Mít hiểu lơ mơ qua câu chuyện trên phản giữa ngoại và bác Nhã:

Lão rằng vồ ấy bảo đã vào rọ còn cứng đầu. Tống về Khám Chí Hòa rồi. Về í mà hỏi.

- Chết! Về đấy thì xà lim mất thôi , cụ ơi.

- Mẹ con Mít đến đấy, họ lại bảo chuyển đi chỗ khác rồi.

- Đi đâu hở cụ?

- Tôi nghi ra Bắc. Thôi thì anh ấy chưa chết đã là phúc lớn.

Quay qua quay lại, Sài gòn vào mùa mưa, Mít vào mùa thi. Khi Mít đã lều lều bài vở, sẵn sàng lâm trận thì những giọt mưa đầu mùa cũng bắt đầu lộp bà lộp bộp rơi lên mấy chiếc lá mai mỏng manh. Và ở nhà nhận được thư bố. Gửi về từ Long Giao. Là một bài thơ.

Bài thơ dài nhiều khổ, mười mấy năm trôi qua, Mít chỉ còn nhớ được bốn câu. Mỗi lần lẩm nhẩm đọc lại, hình ảnh mẹ buổi chiều năm cũ lại hiện ra mồn một: nước mắt tròn như nước mưa. Từng hạt, từng hạt ... lăn mãi thành dòng, đổ dọc theo những đường gân nổi xanh hai bên má.

...

*Khẽ nói năm nay bố vắng nhà
Cây mai cửa bố vẫn đơm hoa
Hoa mai cánh kếp lung linh nở
Rồi rụng như từng giọt lệ sa (*)*

...

Mạch Nha

(*) Thơ Dương Cự.

Oán Ca



Thay Lời Bạt

Vụ án tru di tam tộc Nguyễn Trãi-Thị Lộ năm 1442 kể đã gần 550 năm, cùng âm mưu diệt hết tôn thất nhà Lý đầu đời Trần, hoặc đời Nguyễn sau này với cái án Cao Bá Quát...sử nước ta ghi nhận phớt qua. Sử cận đại cũng không hề đào sâu hoặc có giả thiết sôi nổi gì. Chắc ai cũng nhìn nhận rằng đó là những đám mây đen bên cạnh những trang sử sáng chói của dân tộc, nên đành im lặng chẳng ? Hoặc giả có người cho rằng khơi lại đồng tro tàn có ích gì, chỉ làm rầu rĩ bọn hậu sinh khéo du nước mắt, việc cấp bách trước mặt đây không lo, thì không gì đáng bàn đến nữa ?

Là kẻ sinh sau đẻ muộn, chúng tôi nghĩ mãi không ra cộng sản việt nam tìm đâu ra những phương thuốc, thủ đoạn thâm hiểm hơn cả Nga Tàu, quan thầy của họ ? Cuối cùng, theo ngu ý, chính quyền VN hiện nay đã và đang (vận dụng) tất cả những thủ đoạn...của tiền nhân, trộn chung mưu chước nhập cảng, tạo thành một chính thể phiên hà nhất trong sử Việt.

Trộm nghĩ đất nước nào cũng có những trang sử ưu, khuyết, chúng tôi mạo muội thất lễ với tiền nhân, cố dựng lại bối cảnh vụ án cũ, bằng mấy vần lục bát cóp nhặt bên trên, thế nào cũng không tránh khỏi xúc phạm.

Cúi mong được dung thứ.

Phạm Dong Ngac

Ôi Ưc Trai hỡi Ưc Trai
Thôi thôi em đã phụ ngài từ đây
kể từ chia biệt tới nay
Tiêu-Viên quạnh quẽ cả ngày lẫn đêm
sao trời soi bước chân em
khi mờ khi tỏ, ngọn đèn hắt hiu
cảnh gì mà cảnh buồn thiu
có hoa đứng lặng, rừng chiều không mây
cũng đành ngậm đắng nuốt cay
ngày ăn một bát cơm...chạy nhạt phèo
bỗng nghe vó ngựa eo xèo
bực mình quá thế đến điều vậy thôi

cùng con thị nữ ra coi
hoảng kinh hoàng thượng đang ngồi trên
yên !
người vác giáo, kẻ cầm khiên
thổ âm vùng Nghệ nghe phiên cả tai
lệnh bà ơi...có Ưc Trai,
ở nhà không để con...choai ghé chào
khoan khoan một tí xem nào
trang nghiêm ỷ-phục, vin rào trở ra
một mùi khó ngửi tạt qua
hôi người, hôi ngựa, hôi tà áo bay
mặt rồng như thể mặt...cây

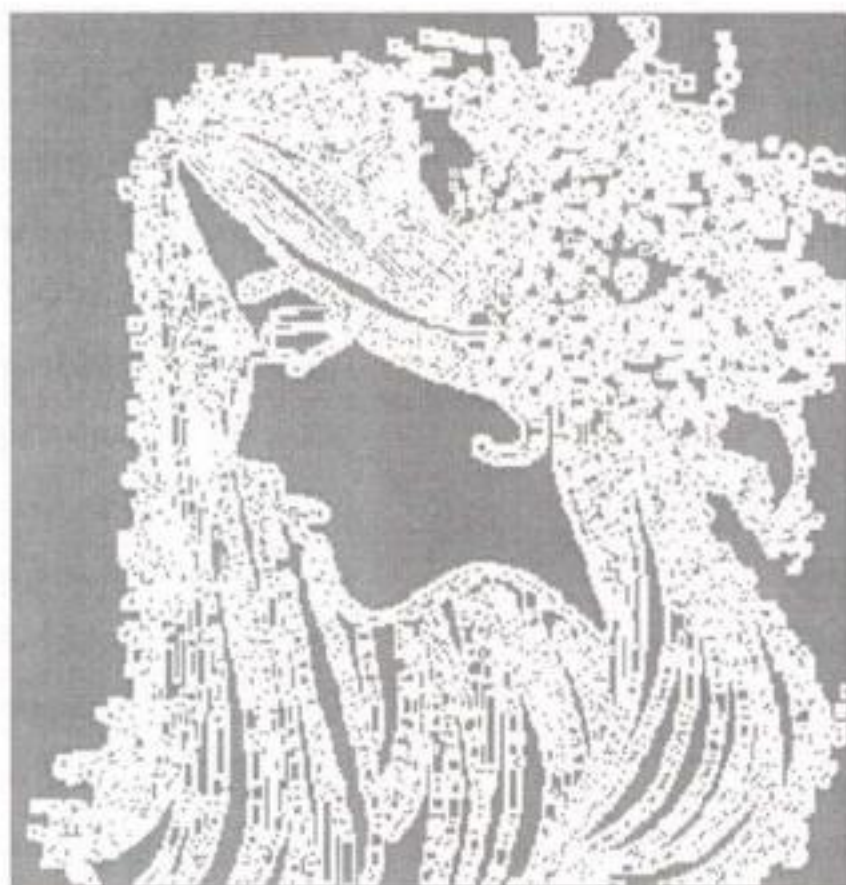
phóng ngay xuống, sút cả giày da...long
thế rồi cái phận lòng tong
cúi chào thánh thượng mà lòng ngổn
ngang
thuyền quân xuôi nước mênh mang
thuyền quyền ở lại chỉ màng...tự thiêu !
rộn ràng thay cảnh vườn Tiêu
quân canh lính gác ít nhiều ai hay
người tiên xưa có cánh bay
người phàm giờ có cái này mà thôi
bắc thang lên hỏi ông trời
làm sao thoát khỏi bọn người...lang bang
ngủng đầu thua rất đoan trang
(biết đâu ngài ngự lỗ đàn mà thôi)
cần chi, chè lá, trầu, vôi ?
truyền người thị nữ đem mời ngoài hiên
mặt rồng bỗng mất...tự nhiên
phán rằng thích cảnh nhân tiên mà thôi
nghe xong thì ối giờ ôi
tim thơ ngây đập một hồi ngũ-liên
tâu rằng chút phận thuyền quyền
cỏ bông, củi mục dăm phiên vậy sao
dấu như một cánh hoa Đào
đâu còn là những ngày nào...viễn mơ
trộm nghe di mệnh khi xưa
tiên vương có dặn phải chừa...Úc Trai
Trần Cảo, Nguyên Hân đã...đai (die)
núi sông còn có mỗi ngài mà thôi
bệ hạ thừa kế cơ ngơi
đừng quên công sức những người...từ bi
nước ta từ buổi hàn vi
thằng Tàu nó đánh nó ...đi tối đa
thế mà mọi việc đều qua
trước nhờ đại chúng, sau là sĩ phu
dùi mài đao kiếm binh thư
người nơi phố chợ, kẻ từ sơn khê
ai ai cũng một lời thề
phá không được giặc, không về nữa đâu
Hồng Hà kia ! Nước đỏ ngầu
là do máu thấm nhuộm màu vậy thay
một trận trúc phá tro bay
đánh một trận nữa tan bầy quạ đen
đừng khinh cái bọn dân hèn
trên không có dưới, vững bền được đâu
nước nhà đại định chưa lâu
là đem cái hiểm...Nga Tàu về đây
giết người không chút gớm tay
đêm đêm thịt đỏ, ngày ngày máu rơi

từ Nam Quan đến...Tháp mười
sơn hà cấm tử rã rời thịt xương
thôn quê, quận huyện phố phường
người già con trẻ, đau thương đã chày
thương binh cụt chân, mất tay
quơ quào, cà nhắc từng bầy như rươi
thương ôi, cũng thế con người
xưa kia cũng đã một thời liệt oanh...
Điện biên cho đến Khe sanh
cốt xương chất đồng, máu tanh ngát trời
nào vợ goá, nào con cô
thoa son dôi phán theo đời lê la
bán gì chả bán, bán...hoal
năm cùng tháng tận, lệ nhòa đầy vơi
van nài, muốn hút cả hơi
(xin vua đại xá, tạm thời hồi-loan)
giọng ai ấp úng...khàn khàn :
khi quân là tội cả đàn tru di
Tiếp Du biết, trẫm cần chi !
biết điều thì để ta...ghì một đêm
thế rồi đóng cửa gài then
trắng mờ mờ lệ, đêm đen đen ngòm
thế rồi huyền não om xòm
thôi rồi hoàng Thương bị ...đòn Mã
Phong ?
thương người tiết phụ bên sông
nửa chùng xuân sắc - mắc vòng dây oan
lệnh truyền ra ải Nam Quan
và truy lùng cả họ hàng Úc Trai
móc mắt, xẻo mũi, cắt tai
dưới trời nắng gắt, một ngày chợ phiên
bạo tàn át buổi bình yên
cỏ hoa bật khóc, ưu phiền lá rơi
bao năm máu vẫn còn tươi
mỗi khi tưởng đến, tôi bời xót xa
đêm nay nhờ ánh trăng tà
gỡ i người thiên cổ hương hoa ân tình..



Hương Xưa

Tâm Thanh



Cây soan làm hồn tôi choáng ngợp. Tôi chỉ thấy màu tím nhạt nhòa như mây vương trên tàn lá màu lục, lững lơ giữa bầu trời hè xanh trong điểm mây trắng.

“Đông! Anh sao vậy?” Karin, cô nhiếp ảnh đi chung, vỗ vai tôi.

Tôi giật mình, tỉnh người, nhưng mắt vẫn không rời được vùng tím lung trời.

“Cây hoa tím này, tôi không biết tiếng Na-uy gọi là gì...”

Karin đã nhiều lần thấy tôi thần thờ, như lúc máy bay hạ thấp vào không phận Sài Gòn, tôi thấy những thửa ruộng, những mái nhà trải ra bên dưới; lúc tôi nghe xôn xao tiếng mẹ đẻ ùa vào tai; lúc tôi thấy một cây cầu khỉ vắt vẻo qua con lạch... Cô đã quen và thông cảm với một người trở lại quê hương sau mười lăm năm xa cách, tuy, theo cô, tôi hơi đa cảm so với con người tôi mà cô quen biết hằng ngày trước đây. Đôi khi cô rình chụp tôi, cô nói biết đâu những hình ảnh này có thể dùng cho bài phóng sự của chúng tôi.

“Mười lăm năm không gặp...?” Karin hóm hỉnh.

“Không phải mười lăm năm, mà lâu hơn nhiều.” Tôi cải chính.

“Anh mới bỏ Việt Nam mười lăm năm thôi mà?”

“Nhưng cái cây này... chỉ mọc ở quê hương miền Bắc của tôi. Tôi bỏ miền Bắc từ nhỏ.”

Nụ cười Karin hiền. Tôi đoán cô cười vì những chữ “cái cây này” của tôi. Sao tôi biết đó là cây này hay cây kia? Nhưng đối với tôi, chỉ có một cây soan trên đời. Cây soan vào mùa đông trụi lá, cành khô lẫn vào sương mờ như một ni cô, nhưng đến khoảng giữa mùa xuân thì bùng nở hoa tím, kiêu xa như một nàng tiên giáng trần.

“Đối với tôi, chỉ có một cây soan của tuổi thơ, ừ, cô cứ gọi tiếng Việt là ‘soan’, nào, ‘s...oa...n’. Nghe êm dịu không, Karin?”

“Không thấy gì cả.”

Thấy màu tím hoa soan hơi giống màu tím của hoa tử đinh hương, tôi hỏi:

“Syrin có gọi gì trong tai cô không?”

“Vừa trong tai, vừa trong mũi. Tôi ngủ thấy một buổi chiều thơm có gió rì rào.”

Karin hỏi chuyện khác:

“Quê anh ở đâu, Đông?”

Tôi lấy bản đồ chỉ một địa danh. Xong, tôi rủ cô vào một quán nước, nơi vẫn có thể nhìn thấy những bông hoa soan đang đua. Gió núi từng cơn hừng hực. Karin áo loang mồ hôi. Cô có bộ ngực bề thế. Người tài xế cứ nhìn trộm hoài. Tôi kể tiếp:

“Di cư vào Nam, tôi vẫn mơ tưởng hoa soan, thích những người con gái có khuôn mặt trái soan. Vật đổi sao dời, hơn hai chục năm sau, tôi được tái ngộ cây soan khi trở về quê cũ như một người tù, trong số hàng ngàn sĩ quan, công chức và trí thức miền Nam. Toán chúng tôi được bỏ giữa rừng trong màn đêm trùng trùng. Sau một hồi cảnh cáo về hình phạt đương nhiên của trốn tù là cái chết, chúng tôi được tháo xiềng chân. Chúng tôi chỉ kịp trải tấm vải nhựa và lăn ra ngủ vùi. Gần sáng thì tôi thức giấc vì lạnh. Mùa đông ở đây lạnh khủng khiếp. Bây giờ cô khổ vì cái nóng, nhưng hồi đó tôi khổ vì lạnh.”

“Anh có nhớ nhà tù đó ở đâu không? Có gì mình đi tới đó quay phim?”

“Không, chúng tôi không định được vị trí.”

“Có thể là vùng này?”

“Tôi có cảm giác như vậy... Để tôi kể tiếp cô nghe: Sáng hôm sau chúng tôi bắt đầu tự cất nhà ở. Cái cảm giác tê lạnh đêm hôm đã thúc đẩy chúng tôi nỗ lực cất nhà gấp cho kịp đêm xuống. Nhờ thế trong thời gia kỷ lục, cả trại đã ổn định, với hàng rào, hội trường để học tập chính trị, nhà cho quản giáo, cầu tiêu, lán giam, nhà bếp... Khi cất trại tù xong thì chúng tôi bắt đầu đi lao động, mà việc chính là đốn nứa và canh tác mưi sinh. Một buổi chiều đi rừng về, tới cổng trại, tôi làm một cử chỉ mà trước đây ít khi làm là ngẩng đầu lên. Tôi nhìn thấy cây soan. Mặc dầu vào mùa đông, cây soan trụi hết lá, và lâu năm không thấy cây soan, không nhớ hình thù ‘ni cô trong sương mù’ của tôi ra sao... nhưng thấy cây khẳng khiu này vào mùa đông, tôi nhất định cho là cây soan.”

“Mà đúng là soan không?” Karin hỏi và hút một ngụm nước dừa.

“Cô đoán coi: Tôi mãi nhìn cây mà ngẩn người, nên bước đi chậm lại. Tên gác tù quát: ‘Cái anh kia! Sao không đi mà đứng đực ra làm cái gì?’ Tôi nói ‘Cây soan! Ôi! Cây soan! Có phải cây soan không, cán bộ?’ Tôi không dần được cảm xúc. Người gác tù quát: ‘Chỉ lãng mạn tiểu tư sản!’ Anh ta không thúc báng súng vào hông như mọi khi. Điều này khiến tôi ngạc nhiên, đêm nằm ngẫm nghĩ, và khám phá ra một điều thật an ủi rằng người gác tù đó cũng có lần rung động vì hoa soan. Bằng chứng là tôi vừa nhắc tới hoa soan anh ta đã cho là lãng mạn tiểu tư sản. Cô biết không, cô

đoán đúng, cũng như tôi, cuối xuân, cây soan nở đầy hoa tím ngát.”

Karin khỏe như voi. Con gái mà vác cái camera Sony nặng mười hai kí quay phim hàng giờ không biết mỏi. Nhưng cô có một tâm hồn mềm yếu, ngay lúc ở Na-uy cũng thế, mỗi lần đi công tác chung, tôi kể một chuyện gì về quá khứ gian truân của tôi, cô đều rướm rướm nước mắt, và nói anh phải viết sách kể lại cuộc đời anh đi. Và bao giờ cô cũng đưa ra một cảm tưởng, gián tiếp coi như cái lý do tại sao tôi nên viết. Karin bây giờ cũng thế, mắt rướm rướm, nói:

“Hôm nay anh được tái ngộ cây soan một lần nữa, như một người tự do.”

Chúng tôi đi chuyến này một công đôi việc, thứ nhất là theo Công Chúa Na-uy về khánh thành một làng cô nhi ở Việt Trì, thứ hai là làm phóng sự về những người vượt biên sang Hồng Kông bị hồi hương. Tình cờ, lộ trình này gần trùng với lộ trình cuộc tản cư của gia đình tôi năm xưa. Thành ra, đi quay phim mà như đi hành hương.

Thầy tôi đi đâu không biết mà đến tối mịt mới về nhà.

Ông nghiêm giọng ra lệnh

“Tản cư!”

Cả nhà vội vàng thu vén quần áo, tư trang, thực phẩm đi đường, dồn vào tay nải, sáng sớm hôm sau lên đường.

Tôi đương nhiên đi tay không. Lòng mừng khắp khởi nghĩ tới chuyến đi chắc là xa, rất xa. Chưa bao giờ được đi xa như thế. Từ Hà Nội lên Tam Đảo, Việt Trì, ngược Lạng Sơn. Có lúc đạp ô-tô, có lúc đi thuyền, có lúc đi bộ. Núi đồi hùng vĩ, đồi sim bát ngát, suối con, thác lớn, hoa đẹp, chim lạ... làm hồn trẻ thơ tôi ngây ngất. Những bữa ăn dọc đường, những câu truyện ma rừng mẹ kể trong quán trọ, trên đò dọc, đò ngang... khiến tôi như lạc vào thế giới nửa thần tiên, nửa quái dị, hư hư, thực thực. Ngay những lúc có báo động máy bay địch, người lớn lo âu, tôi đi nấp như chơi ú tim.

Nhưng cuộc phiêu lưu kết thúc bằng một thảm kịch ở Lạng Sơn. Nhà tôi vừa định ở lại sinh sống trong một trang trại của bác Xiển, một đồng nghiệp với thầy tôi ở sở lục lộ.

Mới được chừng một tuần lễ, tôi chưa được trèo hết các loại cây, chưa thuộc tên và tiếng hót, cách vỗ cánh của hết các loại chim, và cái ổ chim rỗng rọc dài như trái mướp bên bờ suối chưa có trứng nào... thì anh Nuôi tôi bị tình nghi là Việt gian, bị chặt cổ bên xác ngoài chợ.

Thầy mẹ tôi nuôi anh sau khi sanh ra hai người con đầu là gái cả, để... nhữ cho con trai ra đời. Quả nhiên, sau khi anh Nuôi vào gia đình, thì anh Dũng, Hùng chen nhau ra chào đời một ngày. Mẹ sanh thêm hai người chị nữa rồi tới tôi, út. Anh Nuôi thương tôi nhất nhà, vì thế tôi khóc ngất đi khi nghe tin anh chết thảm. Và trong lòng lại nơm nớp lo sợ, lỡ anh bắt tôi theo. Tình cảm mâu thuẫn đó, tôi không dám thổ lộ với ai, ngoài đứa con gái cùng tuổi, con Hương, con út bác Xiển.

Hương nói già:

“Hề anh Nuôi bắt anh đi, em kéo anh lại.”

Nghe thế tôi vừa yên tâm phần nào, vừa khoái chí vì lần đầu tiên được gọi bằng anh.

Chôn cất anh Nuôi xong, Thầy mẹ và hai bác Xiển xì xầm to nhỏ lâu lắm.

Một hôm thầy tôi lại hô:

“Hồi cư!”

Bác Xiển trai sai Hương dẫn đường cho chúng tôi vì, theo lời cất nghĩa của thầy tôi sau này, con bé đi “thám thính” thì không ai nghi ngờ, trong khi đó cả gia đình bác phải ở trong nhà, thấp đèn Hoa-kỳ giã gạo, xay bột rậm rạp, bóng người in rối rít lên vách, du kích quân tướng tất cả đang làm bún.

Hương thoăn thoắt đi trước, qua nhiều đường tắt, một sườn đồi, một con suối cạn. Tôi nắm chặt tay thầy, đi mà run, vừa sợ du kích, vừa sợ hờn anh Nuôi đòi... đi theo. Tới bờ sông, nước đêm đã lên lớn hơn bác Xiển dự tính, tôi và Hương không tự lợi qua được. Thầy cũng tôi, chị Cả đưa tay nài sang cho anh Dũng để công Hương. Mẹ và các anh các chị giắt díu nhau lợi bì bõm. Trong ánh trăng mờ, tôi thích thú nhìn sang Hương đúng lúc nó cũng nhìn sang tôi. Khi sang bên kia bờ, mẹ ngồi xuống, ôm Hương vào lòng, vạch cổ nó, nhìn một miếng ngọc đeo bằng một sợi dây dù, mỉm cười hài lòng.

“Cháu tạm về, nhá,” mẹ vuốt tóc nó nói, “từ đây bác trai biết lối rồi.”

“Cho cháu theo tới chợ đi!” Hương rụt rè nói, mắt nhìn giòng sông đang lên.

Cả nhà nhìn con bé với vẻ ái ngại. Mẹ tôi nghĩ là nó sợ không dám lội về, vội nói:

“Cháu đừng ngại, anh Dũng công cháu sang sông. Hùng, Dũng! đứa nào công em về bên kia, mau!”

Anh Dũng vừa ngồi xuống sẵn sàng cho Hương bám cổ, nó lảng ra, nói như van lơn:

“Cho cháu... chơi thêm tí nữa.”

Câu nói của nó vừa làm tim tôi đập bình bình vì sung sướng. Tôi nhớ lại những ngày ở nhà bác Xiển, tôi chơi với nó vui biết bao nhiêu. Tôi không hề nghĩ tới việc khi hồi cư là chúng tôi phải chia tay. Khi tới bờ sông, tôi cũng không hề nghĩ khi qua sông là Hương hết nhiệm vụ đưa đường. Lúc này, tôi nghĩ nên nói hòa một câu với Hương, nhưng không hiểu tại sao, tôi không mở miệng được, và chân tôi như bị chôn xuống đất, mặc dầu tôi muốn bước lại gần nó để chứng tỏ tôi cũng thích chơi với nó thêm tí nữa. Nhưng có cái gì đó làm tôi ngưng ngấp. Đó là lần đầu tiên tôi có sự rung động khác lạ.

“Rồi làm sao em về?” chị Cả hỏi Hương đang gặm gấu áo cánh.

“Em theo... chị ra chợ... Tan chợ em qua sông bằng đò,” Hương trả lời thành thạo.

“Vậy mình đi đi cho kịp xe ca! Sáng bết rồi,” mẹ nói.

Tôi mừng rỡ, quên cảm giác lạ ban nãy, chạy lại ôm lấy nó. Hai đứa nắm tay nhau, chạy ù đi trước và bỏ người lớn một quãng thật xa.

“Về Hà Nội, anh không được chơi trò đổ lá nữa,” tôi nói và đi chậm lại.

“Sao vậy, anh?” Hương hỏi.

“Nhà anh không có cây. Đằng trước chỉ có cây bàng. Không có bìm bịp, móng rồng, lưỡi rần, mòng gà, cút lợn, mồm chó... cái gì gì nữa.” Tôi chỉ nhớ những cây mang tên loài vật.

“Em cho anh cái này...” Hương móc trong túi áo cánh náu một vật gì “Xòe tay ra!”

“Cái gì thế?”

“Đố anh biết!”

“Cái nụ hoa.”

“Hoa gì?”

“Anh không biết hoa gì.”

“Nói đi! Nói sai không kể.”

“Chịu thua.”

“Hoa chè đấy.”

“Thơm không?”

“Ngủ đi!”
 Tôi đưa nụ hoa lên mũi hít vào.
 “Chẳng ngủi thấy mùi gì sất.”
 “Đưa đây! Bóc vỏ ra. Ngủ đi.”
 “Hơi thơm... Càng bóc ra càng thơm... mùi chè.”
 “Đã hẳn. Chè mà.”
 “Ăn được không?”
 “Anh nếm thử đi!”
 “Chát chát.”
 “Chờ một tẹo.”
 “Ngòn ngọt.”
 “Anh bóc hết ra đi!”
 “Cánh hoa trắng quá, nhẫy? Cái nhụy vàng. Và thơm giòn!”
 “Thơm lắm. Pha nước chè thơm lắm đấy.”
 Hương nói, rồi móc trong túi ra một vộc nụ hoa trà, nói:
 “Cho anh mang về Hà Nội.”
 “Đút vào túi quần hộ!”
 Tôi banh túi quần soọc ra cho Hương bỏ nụ hoa vào, nhưng nghĩ sao tôi lại banh túi ngực áo sơ-mi.
 Hương dặn:
 “Nhớ phơi khô đi!”
 “Mấy nắng?”
 “Em chả biết. Cứ khô thôi.”
 Hôm mới về nhà bác Xiển, tôi đã cho Hương một hòn bi ve và một hòn bi sắt. Nhưng lúc này tôi nghĩ phải cho nó cái gì để làm... kỷ niệm. Trong túi tôi có mấy hột na mà tôi cho là một loại hột kỳ lạ.
 “Cho em cái này...” tôi vét túi đưa cho Hương mấy hột na.
 “A! Hột na!”
 “Em biết hột na nó mọc làm sao không?”
 “Em chả biết.”
 “Nó biết nhảy dí.”
 “Thảo nào, nó giống con bọ vắt. Sao em chả thấy nó nhảy?”
 “Giồng xuống đất nó mới nhảy chứ lị!”
 “Lạ quá, nhỉ? Ai bảo anh biết thế?”
 “Chị Sen... Chị ấy bảo nó mọc chỗ nào phải lấy nôi đất mà úp... Thế mà có khi sáng ra chẳng thấy nó đâu.”
 “Nó biết độn thổ nữa à?”
 “Không. Chị ấy thấy cái nôi có cái lỗ. Tại hột na bung ra dí mà, khiếp chưa?”
 “Eo ơi!”
 Con Hương rụt cổ lại, muốn trả lại hột na.

“Không sao đâu. Em vùi nó xuống đất, rồi lấy cái gáo dừa mà úp, bên ngoài úp thêm cái nôi đất là nó biết có nhảy đi đâu được.”

Chúng tôi đang ngồi xe lửa trở về Sài Gòn. Thấy tôi ngồi thừ nhìn đăm đăm qua cửa sổ, Karin nói:

“Đông! Chắc anh lại thấy thêm một cái gì... sau năm mươi năm?”

“Không, lần này tôi lại tìm một cái không thấy...” Tôi trả lời.

Tôi muốn nói cây na.

“Anh nói lạ, cái gì?” Karin dò hỏi.

“Cây na. Lại một loại cây tôi không biết tiếng Na-uy gọi là gì. Một loại cây ăn trái.”

“Có gì đặc biệt với trái đó?”

“Trái này cũng có nhập cảng từ Thái-lan vào Na-uy. Hình thù giống trái lựu đạn, ngon lắm. Nhưng không phải vị ngon của nó làm tôi ngẩn ngơ đi tìm.”

“Chứ cái gì?”

“Hạt nó biết nhảy!”

Và tôi kể cho Karin nghe câu chuyện về hạt na phải nhảy chỗ khác để nảy mầm như tôi đã kể cho bé Hương năm mươi năm trước.

“Có thật không?” Karin hỏi.

“Không biết. Cho tới bây giờ tôi vẫn tin như thế.” Tôi trả lời.

“Có phải anh là người duy nhất tin?”

“Còn hai người khác. Người thứ nhất là chị Sen, chị đã chết trong trận đói lớn. Người thứ hai là Hương.”

“Bây giờ Hương... bà Hương ở đâu?”

“Tôi không biết. Thầy tôi không đưa gia đình về Hà Nội mà lại về nhà bà nội dưới quê. Bác Xiển cũng đưa gia đình về thăm chúng tôi, ở khoảng một tháng. Đó là một tháng thần tiên nhất đời tôi. Tôi giắt Hương đi câu cá, cỡi trâu, chơi chòi, chơi đồ lá, ướp hoa trà. Vào tuần thương khó trước lễ Phục sinh, dân làng hái hoa soan thơm trộn với ‘bông’, bỏ vào quan tài Chúa Giêsu, cho giáo dân tới kính viếng và hôn. Trẻ con như tôi thấy chân Chúa có dấu đinh và máu me thì sợ lắm, nhưng lại ham bông, nên rủ nhau vào ‘viếng mộ’ để hít bông. Hít mỗi đứa đây một vạt áo dài xong, tôi và Hương leo lên gác chuông nhật hoa soan để riêng, bông để riêng. Ăn hết bông, lại vào ‘viếng mộ’ nữa. Hoa soan trên gác chuông, được nắng, khô lại, gặp gió bay lá tả.”

Bỗng tôi ngưng kể, vì chợt nghĩ chắc Karin sẽ thấy nhàm chán phải nghe về những sắc hoa, mùi hương cô chưa bao giờ rung cảm.

“Rồi mối tình của anh với Hương ra sao?” Karin hỏi đùa.

“Trẻ con mau quên.”

Tôi nói nhưng biết đứa trẻ con đó vẫn còn trong tôi.

Xe lửa chạy qua những đồi chè, tôi im lặng ngắm. Hết những đồi chè lại tới những làng mạc tiêu điều, tôi kể tiếp cho Karin nghe về thời kỳ khủng bố có tên là cải cách ruộng đất.

“Một ngày kia, thầy tôi đi đâu vắng nhà cả nửa tháng. Về tới nhà, thầy gọi mẹ vào buồng, đóng cửa nói chuyện xầm xì, và tôi nghe mẹ khóc thút thít. Các anh chị sợ, chỉ đứng ngoài chờ tin dữ. Tôi cậy được cung chiều, xô cửa vào, đứng bên thầy. Trong bóng tối, thầy cầm tay tôi kể lại tai họa vừa xảy đến cho gia đình bác Xiển. Hai bác bị đầu tố. Bác Xiển nhấn thầy lên để cứu em Hương, nhưng không kịp, hai bác đã chết, cả nhà đã tan nát, các anh chị và Hương không ai biết đi đâu. Mẹ hỏi tôi có biết tại sao em Hương quan trọng như thế đối với gia đình mình không. Tôi biết em quan trọng đối với tôi lắm lắm, nhưng tôi không biết nó quan trọng thế nào đối với gia đình tôi. Tôi lắc đầu thưa con không biết. Mẹ mở hộp tế nhuyễn lấy một miếng ngọc, trong ánh sáng mờ mờ, miếng ngọc xanh chiếu sáng thật đẹp. Mẹ đeo ngọc cho tôi, và nói hai gia đình đã hứa gả con cho nhau, chỉ chờ ngày trưởng thành là làm đám cưới.”

Chúng tôi di cư vào Nam, và bật tin Hương từ đó. Hai chục năm sau Miền Nam đổi chủ. Tôi được chở ra Bắc ‘cải tạo’, tự tay trồng những cây trà thành nụ, nở hoa thơm ngát. Thỉnh thoảng tôi thấy hoa soan rơi trong gió hè. Một hôm đi qua xóm nghèo, tôi thấy một cái nôi đất nằm úp ngoài vườn một mái nhà tranh. Tự nhiên tôi nghĩ bên dưới cái nôi chắc có một hạt na. Nhìn thấy cái nôi bể một lỗ, có ngọn rau càng cua xanh non ngoai ra, tôi tưởng tượng hạt na đã nhảy đi nơi khác để nảy mầm.

Gần đó, một người đàn bà đang lom khom tưới rau.

Tâm Thanh

Hè ở Gran Canaria nhớ ...

(Tặng Nguyên)

Biển xanh, trời xanh, gió lồng mát,
Gran Canaria≠,
Nắng reo vui, nắng ấm chan hoà!

*

Ơ kìa, có cây hoa phượng thắm
Đỏ rực một màu trai trẻ xưa,
Cành hoa đã ép trong Lưu bút
Trang vở giờ xiêu dạt chốn nào?

*

Nhà ai rực rỡ giàn bông giấy,
Lối ngõ đông đưa ngọn trúc đào
Bông búp bên đường gây nỗi nhớ,
Chốn quê xưa kỷ niệm dạt dào.

*

Bãi cát xoải dài, rì rào sóng vỗ
Đêm nhiệt đới, Gran Canaria
Ôi, sao nhớ bãi biển Vũng tàu xưa
Đêm Bãi trước, mùi biển hăng nồng
Nơi mua xâu chuối ốc
Tặng người yêu đầu đời.

*

Bãi biển Vũng tàu
Tuần trăng mật
Thời tuổi trẻ ngất say niềm hoan lạc
Vui đùa chơi trong đạn bom, hoả tiễn
Sợ gì đâu?
Bãi dứa, Bãi dâu,
Bãi sau, Bãi trước
Và Ô quần gió khơi lòng lồng thổi,
Lên Hải đăng đường đá quanh hiu.

*

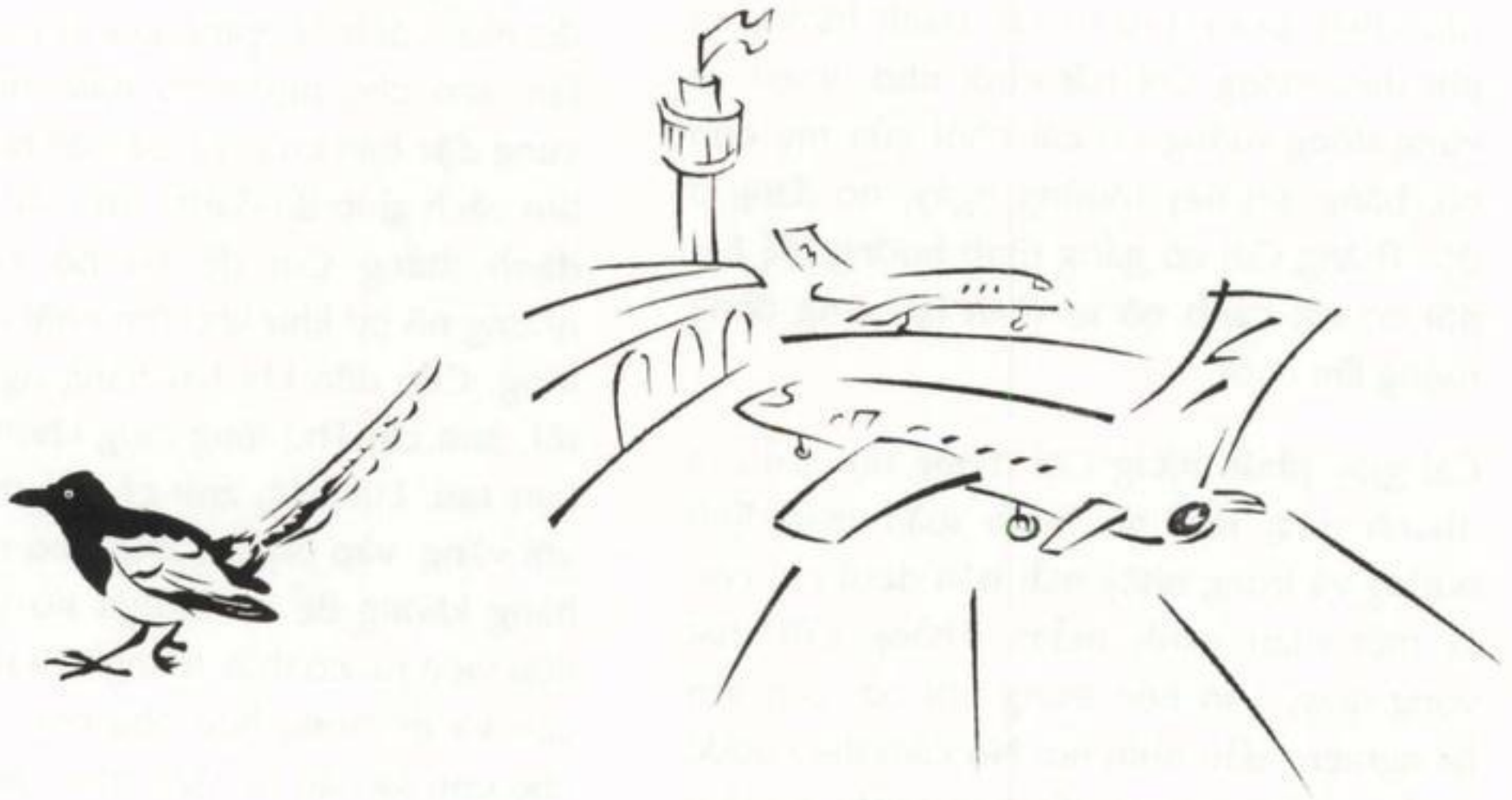
Một thuở xa xôi rồi,
Một thời xa xôi mất.
Vui gì không? Buồn gì không?
Ngoài kia biển sóng mênh mông chấp chờn!

Đăng Trình

≠ đảo du lịch thuộc Tây Ban Nha,
nằm trong Đại Tây Dương.

Con sáo của thằng Côi

Đoàn Mai Tâm



Trong khi chị Thu lo chạy chọt, lo lốt làm thủ tục đi nước ngoài, thằng Côi con chị suốt ngày lo tìm cách để mang con sáo đi theo. Ngày ra đi, họ hàng, bạn bè quen biết kéo đến đông nghẹt để chia tay và tiễn chân gia đình nó ra phi trường; người mang giùm cái này, người xách phụ cái kia. Riêng cái lồng sáo, thằng Côi ôm chặt lấy ở trong lòng, không rời ra lấy nửa bước. Với nó, con sáo là tất cả, ngoài ra thất lạc hoặc mất cái gì khác cũng chẳng hề hấn chi.

Tại phi trường Tân Sơn Nhất, cái cửa ngõ ra đi đầu tiên, thằng Côi đội cái lồng sáo lên đầu, len lỏi mở đường cho anh chị Thu kéo cái xe chất đầy đồ vượt qua đám người đứng chen chúc nhau. Sau khi đã qua nhiều cửa ngõ đến chỗ rà soát hành lý xách tay mang theo lên phi cơ, nhân viên phi trường đưa tay chặn cái lồng sáo lại, hấn vừa cười vừa nói với con sáo: "Địt mẹ, mày mà cũng đòi đi nước ngoài à!". Rồi hấn quay sang hỏi những người đồng nghiệp

xem có cho con sáo đi hay không, nhưng không một người nào biết luật lệ. Lúc sau, hấn bắt thằng Côi bỏ con sáo vào trong máy rà soát hành lý. Thằng Côi chần chừ, nó sợ con sáo chết ngộp trong đó. Nó kiên nhẫn đứng chờ cho đến khi máy trống hoàn toàn mới bỏ con sáo vào. Vừa bỏ cái lồng sáo vào ở đầu bên này, nó vội vàng chạy qua đầu bên kia chờ máy đẩy cái lồng sáo ra. Cái lồng sáo vừa được đẩy ra, nó vội mở lồng chộp lấy con sáo đưa lên sầm soi xem có bị sây sát gì không. Con sáo nghiêng đầu nhìn trời, qua bức tường kính ánh nắng buổi sáng chói chang làm mờ nó vàng óng, lông nó mượt mà và ánh mắt nó long lanh như thầm nói với thằng Côi: "Tôi không sao cả, tôi vẫn bình an". Thằng Côi sờ tay vào túi áo móc ra cái hộp ở trong đựng cào cào và dế. Con sáo biết nó sắp được thưởng, hai cánh xuôi về phía sau, cổ vươn tới trước, miệng viền vàng há ra kêu lên khe khẽ. Thằng Côi nhét vào miệng nó mấy con cào cào rồi mà con sáo vẫn chưa

thôi đòi ăn. Thằng Côi vuốt lông con sáo dở dành: "Từ từ, đường còn dài, biết có còn tìm được mồi cho mày nữa hay không.." Rồi thằng Côi theo người ta xếp hàng lên phi cơ.

Khi chiếc phi cơ từ từ lăn bánh hướng ra phi đạo, thằng Côi bất chợt nhớ nhiều về vùng đồng ruộng có cái chòi của mẹ con nó; bằng giờ này thường ngày, nó đang ở đó. Thằng Côi cố gắng định hướng, để lúc phi cơ cất cánh nó sẽ nhìn lại vùng đồng ruộng lần cuối.

Cái giây phút thằng Côi mong đợi diễn ra nhanh quá, làm nó hoàn toàn mất định hướng và trong nháy mắt bên dưới chỉ còn là một màu xanh thẫm. Thằng Côi thất vọng quay vào bên trong phi cơ, con sáo lại nghiêng đầu nhìn nó. Nó cảm thấy được an ủi vì vẫn còn con sáo bên cạnh. Nó đưa tay nâng cái lồng con sáo lên kéo gần vào người hơn, như muốn che chở, nâng đỡ, nương tựa vào nhau.

Mười hai giờ trưa, phi cơ đáp xuống phi trường Kuala Lumpur. Ở đấy, thằng Côi cùng với cha mẹ chờ chuyển bay về London. Con sáo bay ra khỏi lồng đậu lên đầu lên cổ thằng Côi như đang còn sống ở vùng đồng ruộng quê nhà, làm cho mười mấy tiếng đồng hồ chờ đợi trôi qua cái vèo. Hai mươi ba giờ mười lăm phút cổng vào chỗ đợi ra phi cơ bắt đầu mở, thằng Côi tay cầm cái lồng sáo cùng với cha mẹ và các hành khách xếp thành hai hàng dài đứng đợi. Cả hai hàng dài cứ lần lượt rà soát hành lý xách tay để đi vào phòng đợi êm ả. Cho đến lượt thằng Côi thì hàng đợi khựng lại vì nhân viên phụ trách chặn và hỏi về con sáo của thằng Côi. Thằng Côi quay sang cầu cứu hết mẹ rồi bố. Anh chị Thu, cả hai vợ chồng lòi hết vốn liếng sinh ngữ học được từ mấy chục năm về trước ra sử dụng mới hiểu được rằng họ đòi xuất trình giấy chứng nhận của bác sĩ thú y về

tình trạng con sáo. Việc này vô cùng bất ngờ cho nó, vì từ lúc cha sanh mẹ đẻ, nó chưa bao giờ nghe thấy ai nói tới mấy chữ "bác sĩ thú y" nữa, chứ đừng nói chứng với không chứng. Nó ôm con sáo đứng dặt sang một bên, trong khi anh chị Thu dùng đủ mọi cách cố gắng giải thích mà không làm sao cho người ta hiểu tình trạng vô cùng đặc biệt của con sáo để họ thông cảm tìm cách giúp đỡ được. Anh chị vuốt ve, dỗ dành thằng Côi để nó bỏ con sáo lại, nhưng nó cứ khư khư ôm chặt cái lồng vào lòng. Cho đến khi hai hàng người vào hết rồi, anh chị Thu lúng túng không biết phải làm sao. Liền đó, anh chị để thằng Côi lại vội vàng vào phi cơ báo cho cô tiếp viên hàng không để cô ra đưa nó vào. Khi cô tiếp viên ra, cô thấy thằng Côi đang lấy cào cào và dế trong hộp cho con sáo ăn. Vừa cho con sáo ăn nó vừa chạy lăng xăng tìm khoảng trống để thả con sáo cho nó bay vào bầu trời. Thằng Côi đã đẩy con sáo ra ngoài trời mấy lần, nhưng nó cứ bay đi được một chút, rồi vòng trở lại; có lẽ nó ngỡ là thằng Côi đùa giỡn với nó. Tối lần con sáo chưa kịp vòng lại, cô tiếp viên kéo thằng Côi vào trong lòng phi cơ và đóng cửa lại. Thằng Côi oà khóc, nó vội đến bên cửa sổ nhỏ hông phi cơ nhìn ra chỗ vừa thả con sáo để dõi tìm. Nó chẳng thấy gì ngoài bóng đêm bao trùm, mà nó cứ đứng mãi như thế cho đến lúc chị Thu đến bên dỗ dành đưa nó vào ghế ngồi để chằng dây an toàn.

Khi chiếc phi cơ cất cánh rồi, nó nằm vật xuống ghế. Mãi đến khi tiếp viên hàng không mang đồ ăn ra, chị Thu nâng nó dậy, nhưng nó chẳng chịu ăn uống gì và người hâm hấp nóng.

Chị Thu gập cái thanh ngăn giữa hai cái ghế lại rồi ôm con vào lòng như hồi nó còn bé. Chị thấy thằng Côi con chị nó bị thua thiệt ngay từ khi vừa mới thành thai trong lòng chị. Chị nhớ lại khi chồng chị đã đi

cải tạo được ba năm thì cái bụng của chị đột ngột nhú lên. Nó càng nhú lên, càng làm cho những tiếng xăm xì về chị nhiều hơn, to hơn và có kẻ sẵn sàng nói thẳng vào mặt chị: "Cái thứ đàn bà mất nết, mới vắng chồng đã ngứa nghề.". Chị Thu không biết giải thích, ăn nói làm sao, mặc dù chị biết đó là chuyện đời tư của chị không ai được quyền can dự vào. Không có chồng bên cạnh nâng đỡ, ủi an thời buổi kinh tế khó khăn đã khổ, bây giờ lại tăng thêm cái khổ nữa. Chị sống ru rú trong nhà và giới hạn mọi liên hệ với xã hội chung quanh. Thế mà, ngày thằng Côi con chị đi học, người ta vẫn chưa buông tha. Người ta bảo nó: "Mày là con hoang, bố mày đi cải tạo, mẹ mày ở nhà tăng tịu với người khác..". Chị Thu ôm mặt khóc tức tưởi. Thời gian sau, chị ôm con đi khỏi làng. Với chị thì thà thằng Côi mù chữ còn hơn bị nạp nhữn những thứ rác rưởi tanh hôi vào đầu óc non nớt của nó.

Nơi chị Thu ôm con đến, thằng Côi không có bạn và cũng chẳng có chỗ nào dành cho nó. Ngay lúc ấy, từ trại cải tạo chồng chị Thu gửi chị mang về cho thằng Côi con sáo con tật nguyền. Và nhanh chóng con sáo trở thành bạn thân thiết và công việc tìm đồ ăn cho sáo là trò chơi duy nhất của nó.

Chị Thu suy nghĩ miên man rồi hai mẹ con ôm nhau ngủ thiếp đi trên cái ghế phi cơ lúc nào không hay. Thấy chị nằm co quắp, anh Thu dùng hai bàn tay nâng niu đầu chị đặt gối lên lòng anh cho toàn thân chị duỗi thêm được một chút. Anh vùi hai bàn tay vào tóc chị và mười đầu ngón tay anh vân vê những cái chân tóc cũng như anh đang nhớ về những ngày trong đời chị từ khi làm vợ anh. Càng nhớ về anh Thu càng thấy cái câu "cưới vừa xong là tôi đi.." sao mà đúng vào trường hợp của anh quá. Nó đúng quá, đến nỗi, ngày được thả về anh Thu chỉ việc cộng thêm ba vào số ngày

anh đi tù thành ra số ngày chị làm vợ anh. Vào những ngày tù thứ một ngàn, thứ một ngàn lẻ một người ta bỏ chồng hàng loạt, mặc dù thế, chị vẫn "một duyên hai phận". Và nếu chẳng có cái đêm chị đi thăm muôi lữ xe phải trú lại ở giữa rừng cùng với đội làm củi của anh, để ngày hôm sau theo xe vào lấy củi ra quốc lộ, thì làm sao hôm nay có được thằng Côi. Anh Thu rùng mình như vừa thoát khỏi cái cảnh "cha già con mọn", đồng lúc ấy đèn trên phi cơ bật sáng, các chiêu đãi viên chuẩn bị đưa đồ ăn. Anh Thu vuốt tóc rồi trườ mền hôn lên má, lên môi chị. Chị Thu giật mình tỉnh dậy, tưởng hai mẹ con đang ôm nhau ngủ trong cái chòi bên bờ ruộng ở quê nhà.

Bữa ăn vừa xong, cũng là lúc ở bên ngoài trời hừng sáng và phi cơ đang chuẩn bị đáp xuống phi trường London. Và bây giờ là lúc thằng Côi nhớ con sáo của nó điên cuồng. Nó ngồi dậy, giữ bố mẹ, mà hình như tâm hồn nó đang sống với con sáo ở tận đâu đâu.

Khi chiếc phi cơ ngừng hẳn, thằng Côi cùng với bố mẹ xếp hàng đi ra. Đi được một quãng, con sáo từ trong phòng lái bay ra theo, và đậu lên vai thằng Côi. Thằng Côi giật mình quay lại, nó không tin vào mắt nó, nó tưởng con sáo nào giống con sáo của nó. Chị Thu nhìn thấy cái vòng chỉ đỏ ở chân con sáo, mà chị đã cẩn thận cột vào để đánh dấu ngay từ khi con sáo biết bay và thường hay la cà đến đám đông, chị la lên: "Con sáo của thằng Côi". Còn anh Thu, anh chẳng cần đánh dấu, anh cũng biết đó là con sáo của thằng Côi, vì làm sao anh quên được cái ngón chân giữa bị tật của nó khi anh và người bạn tù cưa cây có cái tổ nó đổ xuống.

Thằng Côi ôm con sáo trong lòng và cùng với dòng người đi trong cái đường ống ngoằn ngoèo. Khi vừa ra khỏi đường ống, những người phía trước đi chậm dần rồi từ

từ dừng lại. Thằng Côi nhìn thấy ở phía trước là quày trình giấy thông hành, nó vội vàng nhét con sáo vào trong áo khoác. Con sáo một phần bị ngộp, một phần không chịu nổi sự vướng víu, nó giãy, chân nó cào, cánh nó đập phành phạch. Càng gần đến quày, nó càng giãy mạnh làm cho nhân viên phụ trách nghi ngờ, và một lần nữa, người ta lại hỏi giấy tờ về tình trạng con sáo.

Thằng Côi và bố mẹ đang cuống cuống không biết phải làm sao, thì may lúc đó, viên phi công trưởng chuyến phi cơ mang gia đình thằng Côi đang từ ngoài đi vào.

Tình cờ ông gặp lại con sáo mà đêm hôm qua ở phi trường Kuala Lumpur đã bay đến, gõ mỏ liên hồi vào trước cửa phòng lái ra dấu cầu cứu, và đã ở trong phòng lái với ông suốt chuyến bay. Nhìn sự việc đang bày ra trước mắt, người phi công biết được bao nhiêu điều con sáo đã muốn nói đêm qua, và còn đang muốn nói với ông về tình cảnh ngặt nghèo của nó làm cho đôi chân ông rú lại. Ông ôm chầm lấy thằng Côi cùng cả con sáo vào lòng. Và ông bảo để ông giúp làm thủ tục cho con sáo cùng đi.

Đoàn Mai Tâm

Lưu Lạc

đôi lúc lòng ta chợt ngẩn ngơ
ta ơi trôi giạt đến bao giờ
có còn nói để về không nhỉ
và có còn ai vẫn ngóng chờ?

như kẻ đam mê đã bội tình
vẫn còn nuối tiếc nghĩa ba sinh
nằm trong duyên mới mà trần trở
hương lửa năm xưa chẳng của mình

đã chuốc vào thân bao trối buộc
trí lực mòn theo mộng nhỏ nhen
buông lời khinh bạc hồng che đầy
tâm địa âm u những tị hiềm

những khi tụ tập quanh bàn rượu
nhắc thời quanh liệt của hùm thiêng
giọng cao chất ngất niềm bi phần
tiếc mãi đường gươm đã thất truyền

thôi còn một nhúm từ hoa mỹ
tuôn ra mà báo đáp nước non
thôi còn một chuỗi ngày lưu lạc
còng lưng mà trả nợ áo cơm

đóng hoài vai kịch bi hoài ấy
đôi lúc lòng ta cũng ủ ê
màn nhung khép lại nghe tê tái:
-tự ta phong tỏa lối ta về.

Cung Vĩnh Viễn



Mạng Nhện

Nguyễn Văn Thà

Trực được cha mẹ thương nhiều. Thương nhiều, và thương khác thường, vì anh là con trai một, và cũng vì cuộc đời anh nhiều gian nan.

Khánh Hội vốn là nơi quần tụ của những tay anh chị. Sau năm 75 lại còn là nơi lẩn trốn của những thành phần có tội với nhà nước; thường là những tội chẳng liên quan gì đến chuyện lật đổ chính quyền: tội hình sự, trốn kinh tế mới, vượt biên không lọt. Trực phạm vào loại tội cuối cùng, cũng vào trốn ở đó.

Trước đó Trực cũng đã cố lẩn tránh trong các khu rầy hẻo lánh của người quen ở Long Khánh nhưng không ổn, vì những con mắt bao dung hiền lành của dân quê bao thửa đã thoái hoá vì cái chính sách hộ khẩu vô nhân của nhà nước mới. Rồi vào ở đại nhà bà cô ở quận Một, Sài Gòn, cũng không yên với những con mắt thị thành. *Những con mắt trần gian.* Cái chế độ kiểm soát đường đi nước bước của người dân như những vòi bạch tuộc khổng lồ vươn ra cả nước. Nó xoi mói, nó bóp nát con người.

Nhưng ở Khánh Hội cái vòi bạch tuộc gớm ghiếc đó bị tê liệt phần lớn. Một phần vì công an khờ, một phần các tay anh chị xem ra bận rộn vì những chuyện khác ngon lành hơn là chuyện tâu trình. Và đây cũng là nơi sinh sống của những người dân hiền lành bình thường như gia đình ông y tá Đức, gia đình cô gái đối diện nhà ông...

Nhà ông y tá Đức là một loại nhà sàn khá thơm tất cả trên một đám sinh bên đường cùng với mười cái chòi xập xệ chung quanh. Nhà ông lan can nho nhỏ,

cái bằng tre khá nghệ thuật. Ở một góc gần cửa ra vào, chỗ nối liền với cây cầu nhỏ khum khum vươn ra đặng ngõ hẻm, đặt một chậu hoa giấy cao cả thước; lá trốn đầu hết, cây cành kết kín bằng muôn trái tim hồng he hé; ngàn cánh hoa nhẹ nhàng thanh khoáng như những lá tình thơ đầu đời của những nàng thiếu nữ một lần ghé qua cài lại. Phía trên chậu hoa, lủng lẳng một bảng hiệu vuông, đã nhạt màu, có vẽ hình chữ thập đỏ chiếm gần hết bảng, và dưới chữ thập đỏ là hàng chữ: Y tá Trần Hữu Đức, 25 năm kinh nghiệm. Chữ viết nghiêng, màu xanh lơ đậm, khá mỹ thuật của những bảng hiệu ở Sài Gòn trước kia. Nhà ông xinh xinh như một nhà mát ven hồ.

Trực nghĩ các người sống trong những mái nhà sàn này chắc là đã quen với mùi sinh, nếu không thì làm sao người ta, như ông y tá Đức chẳng hạn, có thể sống ở đây ngày này qua ngày khác, đã thế còn đủ ung dung để chăm bón được một chậu hoa giấy thơ mộng như vậy. Lúc Trực còn lóng ngóng trước cầu khỉ tính vào nhà ông y tá để nhờ chích thuốc lao, anh còn nghe được cả tiếng ca vọng cổ mùi rệu từ nhà ai cuối đầm: *Mười năm tình cũ đĩa đay Đầm sen hương mới anh Hai cưới nàng Tình tang ơi ới tình ới tang Sen bao nhiêu cánh thương nàng bấy ầy áy nhiều...* Và có cả tiếng cô nàng nào đó đang hát tân nhạc, nhạc Trịnh Công Sơn, nghe đâu như: *Mùa Xuân yêu em. Đồi núi thành thang. Hồ nước long lanh ngàn cánh vàng.*

Rồi Trực, cũng như họ, quen dần, và sống ở đó được cả sáu tháng. Gần chục năm nay, có thể nói đây là thời gian êm

đêm nhất của Trực. Êm đềm vì không phải lo lắng gì chuyện cư trú, dù chỉ là tạm trú.

Chính ông y tá Đức, sau khi chích mũi Streptomycin, bắt đầu rà rà hỏi chuyện Trực, và khi biết anh cần một nơi ở tạm để trị bệnh, ông cười hề hề:

"Cậu cứ ở đây với chúng tôi, vụ hộ khẩu khỏi lo."

"Sao mà ngon lành quá vậy!?" - Trực kêu lên, sướng như hồi nhận được giấy phòng thích hai năm trước đó.

Nói như thế quả không ngoa chút nào cả. Vì, lúc trước, tuy phải ở trong tù lâu năm, nhưng những năm dài trong vòng giam hãm của những con người đại diện cho một chế độ chủ trương và áp đặt một ý thức hệ tồi tệ nhất trong lịch sử văn minh loài người, Trực đành chấp nhận nó như một thiên tai. Nhưng khi được thả về, lòng Trực vẫn còn hy vọng, không phải về cái ăn cái mặc mà Trực biết đã tả tơi lắm rồi, nhưng ít nhất về những cái nét cơ bản làm nên con người vẫn còn đó, dù có phai pha. Thế mà, khi về quê, Trực bàng hoàng nhận ra là niềm hi vọng về một nhân tính tương đối như thế cũng chỉ là ảo vọng. Những người quen, những người chòm xóm của anh, trước đây tất lửa tối đèn có nhau, nay làm cái chuyện tố giác người khác một cách rất tự nhiên. Nhiều người đã biến hình như thế. Quá nhiều. Đây là lý do làm Trực phải trốn chui trốn nhủi mấy năm nay. Phải chăng bốn tên tráo nha đóng chốt ở xã Bình Trị của Trực, chỉ trong vòng mấy năm, đã thành công trong việc đập tan cái lòng nhân ái mà tổ tiên bao đời ra sức dạy dỗ, bồi đắp? Có gì để mà tin vào tính bản thiện của con người được nữa không? - Nhiều lúc cực quá, Trực nghĩ ngợi như thế.

Vậy mà chỉ sau mấy tháng ở quận Tư Khánh Hội, Trực cảm thấy dần dần tin yêu lại con người. Anh ở đấy sáu tháng, không một lần bị hỏi hộ khẩu. Nghĩa là những tay du đảng, những chị bán dâm, dân xích lô, chợ trời, chẳng ai hơi đâu đi làm cái

chuyện đâm thọc, dù họ biết dư anh chàng thanh niên ở trong nhà ông Đức, không trốn nghĩa vụ, cũng trốn vượt biên, trốn kinh tế mới. Y tá chích thuốc đầu mà chẳng có, việc gì mà phải tốn tài ăn ở nhà ông Đức y tá tay ngang!

Nhờ tiền công chích thuốc, tiền thuê nhà (thuê giường thì đúng hơn) Trực trả, ông bà Đức có thêm một lợi tức nhỏ để đủ mua ngày vài lon gạo mốc, vài mớ cá nhỏ, một bó rau muống, và một bó que củi bần nằm lọt trong lòng tay. Trực còn là người để ông quảng cáo cho các bệnh nhân khác tài nghệ chích thuốc của ông: "Cái anh Trực này bằng này cấp nọ cũng chịu là tui chích hay..." dù Trực chẳng bao giờ nói về cái thành tích học vấn vốn chẳng có gì đáng hãnh diện của mình. Chắc có lẽ vì đôi kính cận, vì cái thói hay đọc sách. Và xem ra cũng vì thế mà con nhỏ nhà bên kia đường hay lảng vảng trước thềm làm ra cái vẻ đứng hóng mát nhìn qua nhà ông Đức.

"Bà Đức ơi, con nhỏ nhà trước mặt tên gì vậy?"

Ông Đức đỡ lời ngay:

"Người ta con nhà cách mạng, con cán bộ gốc nằm vùng đó ông! Con nhỏ tên là Phụng Vân, đang học trường cao đẳng nghệ thuật thành phố. Nó cứ bị tụi trong xóm gọi là 'Vân Mát'. Có lẽ vì cái tính nó cứ hay nói những chuyện tàng tàng không giống ai. Đang học, bỏ ngang... Gì thì gì, đừng có xớ rớ mà chết đó nghe ông. Ông như cá nằm trên thớt."

Bà Đức cười:

"Cứ gì mà phải vướng vào cô ấy. Mù lòa đã lâu như tôi mới thấy rằng tấm lòng mới đáng quý. Như con nhỏ Đen Đen thỉnh thoảng qua giúp nấu cơm nấu nước cho chúng tôi đó! Nó thật tốt; mà bơ vơ tội nghiệp. Cha thì đã đành rồi, còn mẹ, mà mẹ bỏ đi đâu, cả năm sáu tháng giờ nay chưa về. Hay là mình nói với nó nấu nướng giúp cho cậu ấy cậu ấy, rồi cậu giả công cho nó."

Đêm đã sâu lắm, những thoáng gió khuya mát lành, nhẹ nhàng như những vật áo lụa vô hình rón rén lướt qua khu phố loài người lúc này đã xếp lại cái nanh vuốt của mình. Cái sột soạt của gió làm cho đêm càng thêm yên ắng. Đường phố nhỏ bày ra những điều hiu thường tại mà nắng ngày lặn át mất tăm, cái điều hiu nẻo về quê cũ mà thị thành tàn nhẫn xua đi.

Đàn bò vào thành phố, đêm buồn vắng buồn hơn. Đàn bò vào thành phố, không buồn ai hỏi thăm. Đàn bò tìm giòng sông nhưng giòng nước cạn khô. Đàn bò bỗng thấy buồn, bỗng thấy buồn. Rồi một hôm đứng mơ mây ngàn...

"Đêm khuya khoắt mà ai đang hát!?"

"Em, em đang hát về những lạc loài muôn kiếp nhân gian!"

"Mà cô là ai?"

"Em là anh... anh... anh... anh..."

Và anh cũng là em... em... em... em..."

Nghe như vọng âm dội về từ ba ngàn thế giới.

Rồi tình âm lọt thỏm về vô.

Đài truyền hình CBS độ rày hay thực hiện và trình chiếu các chương trình về Việt Nam thời hậu chiến, một cuộc chiến mà họ kiếm được bội bạc, và còn muốn kiếm nữa. Đó là chương trình về các cựu chiến binh Hoa Kỳ đang lâm vào cảnh khủng hoảng tinh thần, sa đọa nghiện ngập; hoặc về những chuyến đi thăm lại chiến trường khủng khiếp mà thuở thanh xuân họ đã phải trải qua, hối hận khóc lóc, cạnh mấy anh nói cối hom hèm mà vẫn còn gân cổ tung hô thần thánh. Hoặc những chương trình về các con lai Mỹ. Phim có đoạn chiếu cảnh các cô gái Việt lai Da đen đang làm việc trong các xưởng lắp ráp điện tử, hoặc trong các viện bào chế dược phẩm. Cô nào cũng áo khoác làm việc trắng tinh, mũ trùm đầu cũng trắng, có cô còn đeo cả kính cận, trông ra cái vẻ "giai cấp tiên tiến" cùng mình. Họ nói tiếng Mỹ giọng vẫn còn lanh canh tiếng rao hàng gánh; và tiếng

cười họ trong tréo, mà dù có kiểu cọ mảy, cũng vẫn không dấu đi đâu được cái gốc con thím Bảy, thím Ba. Có kẻ thành công có, nhưng cũng có kẻ thất bại.

Rồi tới khúc phim giữa trình chiếu một người mẫu đang nổi tiếng người Việt lai Mỹ đen Black Lotus. Cứ theo lời bình luận của chủ nhiệm tạp chí thời trang *Idol*, vốn là một nhà văn làm phóng viên ở Việt Nam lâu năm, thì nàng có thân hình hấp dục của những loài mãnh thú cái Phi châu, nhưng đôi mắt nàng là đêm sao xứ Việt, và người ta có thể nghe từ trong đôi mắt ấy tiếng sóng Biển Đông u uẩn niềm riêng.

Khúc sau chiếu cảnh gia đình êm ấm của kiều nữ Black Lotus. Có tiếng nhạc thấp thoáng dấu chân du mục. Nàng cười an lành cạnh anh chồng người Việt da vàng. Và nàng tựa má lên đỉnh đầu chồng mình, tay phải vòng qua ngực chàng và bám lấy cổ chàng như gìn vàng giữ ngọc. Phóng viên còn cho biết thêm: Chồng cô làm nghề quản thủ thư viện, lương chỉ bằng một phần năm mươi của Black Lotus; hai người đã có một con trai, tên cháu là Truc; Truc dịch ra tiếng Anh có nghĩa là Integrity, mẹ cháu cho biết thêm như vậy.



Cuối thu. Truc còn hai tuần nghỉ phép chưa đựng tới. Con nhỏ đốc công cứ hối Truc đi nghỉ để cho cô ta dễ thu xếp nhân lực cho mùa Giáng sinh bận rộn nhất trong năm. Và, sau khi đã gởi tiền về giúp người thân ở Việt Nam, cái nợ lòng cả năm nay coi như thực hiện xong, Truc cảm thấy thanh thản. Và cái thanh thản đó biến thành lâng lâng lúc Truc bấm máy biết trong tương mục cũng còn kha khá, rồi cái lâng lâng đó trở thành sung sướng, khi thấy số tiền đó đủ cho anh làm một chuyến du lịch, du lịch sang Nga!

Hồi ở Việt Nam, Trục đã mê mùa thu Nga La Tư qua những bức tranh vàng rộm màu thu thần thánh với nét cọ hào phóng của Levitan, in lại trong những cuốn tranh giới thiệu các danh hoạ Nga anh mua được ở nhà Fahasa. Mới đây lại đọc được mấy bài ký Nga du của PPM; tác giả viết về đá Nga thiệt hay. Rồi chợ Vòm ở Mạc Tư Khoa, cái chợ mà, qua bài viết của một người đã từng lăn lộn ở Nga, cho thấy cái sức sống mãnh liệt của Con Người Việt, cái giống người, như loài lan rừng, chỉ cần một chút vỏ cây mục, hay một hóc đá, và một chút ánh sáng là có thể sống, lại còn vươn lên đẹp đẽ. Và rồi những giáo đường củ hành danh tiếng. Công trường Đỏ, điện Cẩm Linh. Ấy là chưa kể cái xác của ông Lê Nin, cũng nên xem cho biết, để xem cái xác đó là xác thật hay chỉ là "búp bê" bằng sáp như lời đồn đãi về cái thi hài hiện nay của "người học trò kiệt xuất" của ông, ông HCM.

Mạc Tư Khoa cuối thu linh thiêng lắm!
Cái linh thiêng của trời biếc, của màu thu phôi ra lần chót trước khi bước vào cửa tử.

Những ngày như thế không gì thích hợp cho bằng đi thăm những nhà thờ củ hành với cái lối kiến trúc nhắc về một cội huy hoàng siêu việt, mà con người hoặc hờ hững, hoặc chối bỏ, nhưng chốn vĩnh hằng ấy vẫn kiên nhẫn chờ mong.

Nhà thờ của tu viện Chúa Ba Ngôi, bắc Mạc Tư Khoa, lộng lẫy trong trời xanh độ lượng nắng tơ ươm, với những chóp đỉnh vươn lên tràn trề sức sống hiến dâng như những bầu vú vun tròn của Bà Mẹ Nga rộng rãi ban tặng cho con cái mình giòng sữa sung mãn từ những cánh đồng Nga đất đen màu mỡ lúa khoai.

Mới sáng sớm mà trước nhà thờ đã nhiều du khách, có cả du khách đầu đen châu Á.. Chắc là người Nhật, (cứ nhìn cái kiểu lúc nào cũng cứ lẳng xăng chụp ảnh cũng đủ biết) , ngoại trừ một thiếu nữ đang đứng yên ngắm nhà thờ; cô như đang

uống cho bưa cái tuyệt vời của công trình con người đang giao hoà với vẻ rờ ràng Tạo Hoá. Trục bỗng nảy ra cái ý định làm quen. Biết đâu lại xảy ra nhiều chuyện hay: Hỏi cô ta về mùa thu Hoa Cúc Phù Tang; và biết đâu lại được nghe những bài hài cú mong manh lá thu, xót xa sương núi. *Why not?* Và biết đâu chừng -Trục cười nụ - tơ vàng nhân ngãi lại có dịp trói đời hai người! Vì mùa thu là mùa của kiếm lạnh ghê người chặt đứt mọi phồn tạp lá hạ, thu về những mạch sống chưa chung.

"*Con ni chi wa! Anata wa Ni hoóng din đề xử cá?*" (Chào cô, cô có phải là người Nhật không?)

Con nhỏ người Nhật xoay lại, sững sờ nhìn Trục, và kêu lên bằng tiếng Việt, lại còn chơi luôn một hơi giọng Sài gòn, gấp gáp như trời sắp sập đến nơi:

"Trời ơi, có phải anh Trục đó không? Em là Phượng Vân, ở Khánh Hội, nhà trước nhà ông y tá Đức hồi đó đây... Gặp anh mừng ghê... Anh Trục biết không, em linh tính thế nào cũng gặp lại anh... Mà anh ở nước nào sang đây vậy?"

"Vâng, tôi nhớ ra cô rồi... Tôi từ Mỹ sang, mà cô sang Nga từ hồi nào?"

"Em sang đây làm mướn cho người Nga, đã năm năm, sau khi anh bỏ Khánh Hội ra đi mấy hôm. Hết làm thuê rồi. Em có sạp hàng đằng chợ Vòm. Hôm nay bỏ một bữa chợ đi xem nhà thờ."

"Tại sao?"

"...Tại vì Trời Đất dun dủi, tại vì em mê môn lịch sử kiến trúc giáo đường Nga... mà mình ra cái quán cà phê đằng kia nói chuyện cho ấm." - Rồi bỗng nàng nửa đùa, nửa nghiêm trang - "Và anh Trục nghe đây!"

Trục trở mắt:

"Nghe cái gì?"

"Lần này em không để cho cái phẩm hạnh vớ vẩn nào đó làm tuột anh một lần nữa. Lần này em nhất quyết bắt cho được anh!"

Nàng ăn nói như thể nàng đã viết sẵn kịch bản cho hai đứa, kịch bản về một cuộc đời chung đôi, mà nàng đã viết vụng về khi còn ở bên quê nhà Khánh Hội.

Mẩu đối thoại trong quán.

"Phượng Vân nói là Phượng Vân linh tính có ngày sẽ gặp tôi?"

"Em cứ linh tính như vậy, không biết tại sao. Anh biết không, nhiều lúc cái gọi là linh tính cũng có dựa một phần nào đó trên những yếu tố khả thi? Ví dụ em sẽ gửi thư hỏi ông bà Đức về địa chỉ của anh. Ông bà ấy đã dùm bọc anh một thời gian khá dài, trước khi anh có cơ hội vượt biên. Nếu không có ông bà, biết đâu bây giờ anh đang kẹt trong một trại cải tạo XYZ nào đó. Chẳng lẽ anh lại không tỏ lòng biết ơn ông bà ấy, dù chỉ bằng một lá thư? Và ví dụ em sẽ đăng báo tìm anh; anh là con người thích sách vở mà lại..."

"Như vậy là hồi đó đã thương dủ lắm?"

"Chờ sao nữa! Thương trần trọc, ngày đã đành, mà đêm cứ mãi hé cửa sổ nhìn sang... Và này, anh có biết không... nếu không nhờ em nói với ba em, anh bị tóm ngay từ những ngày đầu? Ông Đức kẹt tiền cứ cho anh ở đại để kiếm chút đỉnh sống qua ngày; chứ Khánh Hội nếu có dễ ở là đối với những thành phần khác kìa, còn anh đã đeo kiếng, đã thế lại lúc nào cũng đại dột cầm sách trên tay..."

"Phượng Vân nói gì với ông ba?"

"Đất nước mình cần những người cầm sách như anh ấy..."

"....."

"Sao anh lại khóc?"

Mẩu đối thoại ở trong phòng ngủ nhà Trục, Harlem, New York, Hoa Kỳ.

"Hồi đó đêm đêm bộ không thấy người ta nhìn sang hay sao mà cứ ngồi nghe con nhỏ Đen Đen hát hoài vậy?"

"Biết quá đi chứ, nhưng những đêm ấy anh mê đắm, trầm luân theo tiếng hát của Đen hát những bài ca hoang dại. Nhất là

bài *Du mục*, cô ấy hát hay điệu vợ, cứ nhắm mắt như thể đang đắm mình xuống tận vực thẳm bài hát, như thể uống cho hết cái đắng đót của thân phận lạc loài. Dòng giống của cô ấy vốn là một dòng giống luân lạc từ bao thế kỷ. Cô ấy càng bị bơ vơ trong cái xã hội Việt Nam kỳ thị hiểu theo nghĩa hợm hĩnh, kiêu ngạo thái quá. Đã thế sau 75, cô ấy giống như một bãi phân trâu trước mắt của những kẻ thắng trận. Ruồng rẫy. Đói khổ. Thương quá!"

"Mà anh cũng thích cô ấy chứ, em muốn nói về mặt thân xác? Phải công nhận con nhỏ có cái thân hình thiệt sexy; thân thể của người nữ Phi châu nó có cái hấp lực của loài mãnh thú, cái hồn hậu thô nhám sáng thế nguyên sơ."

"Anh có thích đấy! Lúc đầu ông bà Đức kêu cô ấy đến để giúp thổi cơm cho anh. Nhưng lấy ý tứ mà suy, thì thấy ông bà ấy cố ý muốn tạo cơ hội cho anh quen với cô ta. Cho đỡ buồn! Đỡ buồn mà chẳng sợ rắc rối, vì cô không phải là một đối tượng chẳng đáng gì để cho những người đàn ông con Rồng cháu Tiên dây mình vào."

Mà đỡ buồn thật, vì cô ấy đúng là một *perle noire* trong tranh của Cézanne, nơi đồ gốm của Picasso, hoặc trong tiểu thuyết của Pháp... Đã thế cô còn có giọng hát đầy u uẩn... của đêm tù tội, của những nhọc dài kéo lê từ muôn kiếp về.

Thấy anh có vẻ trân trọng cô, cô cảm động thực sự. Và đằng gì cô ta cũng đang vào lứa tuổi mười tám đôi mươi. Cái tiến trình tình dục là một tiến trình tự nhiên, và phải nói là mạnh mẽ, nhất là cô lại chịu ảnh hưởng di truyền từ dòng giống cha cô.

Và rồi bỗng một đêm Đen ngỏ ý với anh: 'Em thế nào cũng đi được theo diện con lai. Anh Trục cưới em đi, cứ làm giá thú với em! Cưới giả cũng được... Qua Mỹ anh bỏ em cũng được. Em biết anh đang bị kẹt. Anh ở đây lâu nguy hiểm.'

Và Dên khóc. Yêu mà không dám mong báo đáp. Những giòng nước mắt bóng tối thương anh..."

"Tội nghiệp con nhỏ! Sao anh không chịu cưới?"

"Thì cũng xui! Có hôm em gái của anh ngoài quê đưa tiền vào cho anh tiêu; bà Đức vui miệng kể chuyện anh với cô Dên cho nó nghe. Dĩ nhiên sau đó mẹ anh biết được, đích thân đi vào Sài gòn gặp anh; bà khóc lóc: ' Mẹ nuôi con ăn học. Mẹ nuôi con tù tội. Bây giờ lại nuôi con đi trốn. Con mà lấy con mọi đó, mẹ nằm lằn giữa sân mẹ chết! ' Vả lại, anh đâu có giấy tờ hộ khẩu hợp pháp để mà làm giấy giá thú. Anh thiệt khó xử hết sức. Còn chưa biết tính sao, thì dùng một cái, mẹ anh cho người vào đưa anh đi vượt biên gấp. Lúc đó Dên lại đang về thăm bà ngoại đầu dưới Vĩnh Long. Thương nhau mà khi ly biệt chẳng thấy mặt nhau."

"Con nhỏ, mấy tuần sau khi anh bỏ Khánh Hội mà đi, chết dưới sình..."

"Hả! Em nói sao!?"

"Ba em viết thư qua cho em kể rằng mẹ của Dên sau một thời gian dài trở về, không thấy Dên đâu, bà hoảng đi tìm, mà không thấy, thì khoảng tuần sau thấy xác Dên nổi lên trên đầm sình. Có thể cô ấy đã tự tử, nhưng cũng có thể đêm hôm bị té xuống cầu khỉ, hoặc bị ai hãm hiếp chết quăng xuống sình phi tang. Ba còn nghe mấy người bán hàng rong kể là có đêm, đi bán về khuya hai ba giờ sáng, họ thấy xác của cô ta nằm chơi vơi trên đám sen trắng mọc trong đầm sình cạnh nhà sàn của cô... Có phải sen nâng cô như đỡ lấy mảnh linh hồn thanh khí?"

"Chao ơi!"

.....

"Em biết không, có một đêm, khuya khoắt yên ắng, đang hóng gió trước hiên, anh nghe có tiếng người nữ hát bài *Du mục*, anh nghe cả tiếng thì thầm hư huyền. Sau này, khi đã mận nòng, anh có kể lại cho

Dên nghe và hỏi đó có phải là tiếng hát, tiếng thầm thì của Dên, Dên lắc đầu không biết."

"Hồn của Dên đó anh!"

"Vào thời điểm đó Dên đã chết đâu!"

"Kiếp người là quá khứ hiện tại vị lai hiện tại vị lai quá khứ vị lai quá khứ hiện tại..."

"Em nói gì vậy!?"

"...Việt Nam Nga Mỹ Nga Mỹ Việt Nam Mỹ Việt Nam Nga... Chốn nào đi nữa thì tất cả cũng chỉ là sợi tơ nhện ngắn chưa đầy gang, mong manh sợi liền sợi đứt, của cái mạng nhện có tên Ta Bà Thế Giới treo giữa Vô Thỉ Vô Chung."

Nguyễn Văn Thà

Chú thích:

(1) Những con mắt trần gian: Tên một bài hát của Trịnh Công Sơn.

(2) Đàn bò vào...: Trích từ ca khúc *Du Mục* của Trịnh Công Sơn.

(3) Idol: Thần Tượng.

(4) Harlem: Khu phố người Mỹ Da Đen.

(5) Perle noire: Ngọc trai đen, đặc ngữ người Pháp hay dùng để chỉ những người đàn bà đẹp Da đen.

(6) Ta Bà Thế Giới là cõi *Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới* = một tỷ thế giới. Từ ngữ "ba ngàn thế giới" dịch (sai) từ đó. Ngoài ra "Ta Bà" còn có những nghĩa khác (theo Từ Điển Phật Học của Đoàn Trung Còn) .



Vẫn còn mùa xuân

*Dù mùa xuân đã đến đây
Vẫn còn tiếng khóc thầm,
Triệu nụ hoa đang thoát thai,
Viên đạn vẫn trên nòng...
Xanh lòng phai tàn*

Trịnh Công Sơn

Cổ Ngư

Cô gái bị kéo vọt lên. Vạt áo trắng nát nhàu như một lời cầu xin. Người lính ngoại quốc cao lớn nắm tay cô chạy băng qua khu phố ngùn ngụt lửa, băng qua những thân cây đổ, xe cộ đổ đạc ngổn ngang, rồi một xác chết, thêm một, thêm một nữa. Có tiếng rít trên đầu. Người lính đẩy cô ngã xấp xuống mặt đường, nằm đè lên. Cô chưa kịp phản ứng thì, xầm một cái, đất chỗ cô nằm đột nhiên chao đi, chung quanh rừng rực nóng, bụi và khói cay xộc vào mũi. Cô ngạt thở, lật người, vùng vẫy tuyệt vọng, muốn gào thét kêu cứu nhưng miệng chỉ còn đủ sức ngáp tìm chút dưỡng khí như loài cá mắc cạn. Xầm một tiếng nữa, cô thấy mình bay tung, rã ra từng mảnh, nhẹ tênh...

Khi tỉnh dậy, bên tai cô gái văng vẳng tiếng còi hú dài. Còi báo động, còi xe cứu thương, còi xe cứu hỏa. Chúng hòa vào nhau như một bản đại hợp xướng của loài chó tru trắng. Chúng xoáy vào tai, kéo căng cứng những đầu dây thần kinh, rách toác màng nhĩ, đâm thẳng lên óc. Đau. Sợ. Cô toan vùng dậy chạy. Chạy đi đâu? Không biết! Chạy đã! Chạy thoát tầm ảnh hưởng của tiếng còi, của lửa, của khói, của những xác chết. Nhưng người cô nặng trĩu, tay cô như bị giữ rịt lại. Cô dướn người về phía trước lấy đà. Vô ích. Cô vùng vẫy. Vô ích. Cô khụy xuống, trong trí óc mù mịt bỗng lóe sáng một lần chớp, thôi hết, mình chết mất, con chết mất, mẹ ơi! Nhưng, khi đã định thần, quay lại nhìn, cô bắt gặp một nụ cười. Nụ cười bình yên và đôi mắt trong veo như những viên bi ve. Người lính ngoại quốc vẫn còn giữ chặt cổ tay của cô. Mấy ngón tay thô, to lớn kỳ dị. Bỗng dưng, cô gái cảm thấy yên ổn. Niềm sợ hãi dần

chìm xuống giữa im lặng. Những tiếng còi đã dứt.

- Tôi tên Jim. Cô có bị thương ở đâu không?

- Ông... ông có thể làm ơn bỏ tay tôi ra được không?

- Ồ, xin lỗi cô, tôi vô ý quá!

Cô gái rút vội cổ tay vẫn còn đỏ ửng vì bị giữ quá chặt. Tê rần. Cô lấy bàn tay còn lại xoa xoa lên đó.

- Tôi... tôi xin lỗi cô nhé! Tôi có làm cô đau lắm không?

- Không sao đâu! Cảm ơn ông đã cứu tôi. Không có ông, chắc tôi chết lâu rồi!

- Thấy cô tỉnh lại, tôi mừng lắm! Thế cô tên gì?

- Mai.

- Mai? Tháng Năm?

- Không, mai là tên một loài hoa ở xứ tôi, nở vào dịp Tết.

- à, à, tôi biết rồi. Có năm, sáu cánh, màu vàng, mọc chỉ chít trên cành to, phải không?

- Đúng đó, ông quả có tài quan sát.

- Ồ, không đâu, tại tôi thích hoa, thích cây cỏ, nên hay để ý.

Cô gái nhìn người lính. Những vệt khói nám bay dần đi, để lộ khuôn mặt đỏ gay. Vì nóng, chắc vậy! Hàng chân râu lởm chởm, óng ánh phản quang những tia nắng cuối ngày. Và đôi mắt nhạt như màu dòng suối nhỏ cô vẫn hay qua, trong veo, nhìn thẳng như muốn hút tuốt cô vào giữa khoảng thủy tinh bé xíu ấy. Lần đầu tiên, cô gái nhìn vào tận mắt một người lính Mỹ, nghe thấy hơi thở và ngửi được mùi mồ hôi của anh. Anh còn trẻ quá, chắc chỉ hơn cô đôi ba tuổi là cùng, và đẹp trai như một tài tử xi-nê. Dù biết người đối diện cũng đang nhìn mình chăm

chấp, cô gái không hề cảm thấy thẹn thùng, trái lại, một niềm vui thanh bình, êm ả loang dần trong cô. Họ, cô gái Việt và người lính Mỹ, thân ái ngồi nhìn nhau giữa hoang tàn đổ nát. Họ, trước đây có thể đã lướt qua cạnh nhau, vô tình như những cái bóng màu của chiếc đèn kéo quân, nhưng chưa bao giờ thực sự đối mặt, gần gũi nhau như lúc này. Cô gái vén mớ tóc bay lòa xòa trước mắt, nói bằng giọng:

- Tôi chạy về đây tìm mẹ...

- Chắc mẹ của cô đã theo người dân tản cư lâu rồi. Chẳng còn ai ở lại trong khu vực này đâu. Cháy tiêu hết cả! Tôi là người lính cuối cùng, thấy bóng áo dài của cô loáng thoáng nên chạy đến...

Cô gái nhìn quanh. Quả thật vậy. Khu phố thân yêu từ tấm bé của cô chẳng còn lại gì ngoài những đống hỗn độn đang bốc khói khét đây đó. Phải, chẳng còn gì cả!

- Cô đừng quá lo lắng. Sớm muộn gì rồi cũng sẽ gặp lại mẹ cô. Thế... cô bao nhiêu tuổi? Còn đi học không?

- Ông buồn cười thật, tại sao lại hỏi tôi những câu như vậy, lúc này? Đây đâu phải hội quán sinh viên, cũng không phải *snack bar*, hay *party*...

- Câu hỏi của tôi làm cô khó chịu à?

- Không, trái lại. Chúng làm tôi có cảm tưởng mình đang không đứng giữa chiến tranh, và tất cả những đổ nát quanh đây chỉ là ảo ảnh của một cơn mộng dữ.

- Thì cô cứ nghĩ là không có chiến tranh đi!

- Làm sao tôi lại có thể nghĩ như ông nói được! Mỗi đêm, tôi thấy loảng ngoảng ánh sáng hỏa châu, tôi nghe ầm ỹ tiếng vọng đại bác. Mỗi ngày, tôi nhận được tin bạn bè, người thân chết trận, chết pháo kích, chết mìn gài, chết bom rơi. Tất cả, như những điềm gở báo trước ngày hôm nay, ngày tận thế... Không có chiến tranh à? Nếu không có chiến tranh, chắc ông cũng chẳng có mặt ở đây mà làm gì, phải không?

Jim cúi mặt, bối rối chớp mắt:

- Cô nói đúng, tôi được lệnh động viên, bao nhiêu dự định phải dẹp hết qua một bên, chắc rồi cũng chẳng thực hiện được nữa. Nhưng, cũng nhờ vậy mà tôi khám phá ra được bao nhiêu điều mới lạ ở xứ sở này, tôi tự hiểu tôi

hơn, và - anh nhìn cô, cười thật tươi - hôm nay, tôi mới có dịp làm quen với cô.

Cô gái đỏ mặt. Anh chàng GI lại còn dám láo lếu tán tỉnh mình lúc này à! Giọng Jim vui hẳn lên:

- Mai, cô biết không, tôi coi vậy chứ... nhát lắm! Cô là người con gái Việt Nam đầu tiên tôi bắt chuyện đó, nên nếu có những câu hỏi ngớ ngẩn, không phải phép, cô bỏ qua cho tôi nhé! Tôi con một, mẹ mất sớm, sống thui thủi một mình với cha, nên xưa nay lộc ngà lộc ngọc, vụng về lắm! Cứ như con gà tây vậy!

Buồn cười nhĩ, vụng về như một con gà tây! Cô gái nhìn những ngón tay thô tháp của anh lính Mỹ, cười vu vơ, ừ, chính mấy ngón tay vụng về ấy đã kéo cô vượt khỏi những tối ám của chiến tranh, những khoảng cách của định kiến, những xa lạ của ngôn từ. Cô đột ngột hỏi anh, bằng một giọng thật chân tình. Thật thân tình:

- Thế... anh chưa có vợ à?

- Bạn gái tôi còn chưa có nữa là... Bọn học cùng lớp cứ gọi tôi là *Jim chicken die*, tôi nhát hất...

- Vậy tại sao hồi nãy anh lại liều mạng chạy vào cứu tôi? Jim, anh can đảm lắm đó chứ!

- Giữa những hoàn cảnh khác nhau, con người phải có những cách ứng xử khác nhau chứ! Có thể lúc nãy, bản năng của tôi phản ứng trước khi lý trí kịp suy xét. Cũng có thể do thói quen mà cha tôi đã rèn từ bé, phải biết cứu giúp những con vật yếu đuối đang gặp khó khăn, một chú chim non rơi khỏi tổ, một cô mèo bé tòm xuống giếng...

- Vậy, tôi giống chú chim non hay cô mèo bé?

- Cô giống hoàng hậu Nam Phương.

- Anh nói gì? Hoàng hậu Nam Phương? Tôi mà giống hoàng hậu Nam Phương? Chưa bao giờ tôi dám nghĩ đến điều đó cả!

- Thì bắt đầu từ bây giờ, cô cứ tập nghĩ như vậy đi. Nghĩ mãi rồi cũng sẽ có ngày thấy giống. Mai, cô biết không, cô đẹp lắm!

Cô gái mỉm cười để đáp lại lời khen. Ừ, tại sao lại không thể là lúc này, ở đây? Giữa những cánh đồng đầy tử thi, bên những vạt rừng già cháy nám, lũ mầm non tươi mơn vắn gọi nhau lặng lẽ vươn lên kia mà? Cô chợt nhớ bây giờ đang là mùa xuân, là tháng Tết, là lúc mọi

người chúc tụng lẫn nhau những điều tốt đẹp nhất. Cô cúi xuống, vuốt vuốt lại tà áo bẩn nhàu.

- Anh khéo tài nịnh, thế nào cũng sớm có bạn gái cho mà xem. Ai mà được làm bạn gái hay vợ của anh, tôi nghĩ, chắc chắn thế nào cũng sẽ sống hạnh phúc.

Jim định mở miệng nói điều gì, nhưng khựng lại, thay bằng một nụ cười thật tươi, răng trắng đều.

- Cảm ơn lời chúc tốt lành của cô. Ngày sắp hết rồi, chúng mình đi thôi, Mai ạ.

Anh lính đưa tay. Cô gái tin tưởng, đặt bàn tay bé nhỏ của mình vào đó. Như một điểm tựa. Bàn tay to lớn dềnh dàng ấy nâng cô lên, sẽ dắt cô đi qua những đống vỡ. Có thể sẽ đi qua chiến tranh, về phía mặt trời lặn, nơi sắp nhô lên những ánh sao, yên bình như một dạ khúc. Mai quay lại nhìn lần cuối khu phố nát, hơi sững người trước đôi mắt trợn trừng của xác cô gái mặc áo dài trắng vết máu nằm ngửa. Vết ngang thân cô, lệch góc bốn mươi lăm độ, thêm xác một anh GI úp xấp mặt, trên lưng tua tủa những mảnh bom ghim, trông như con nhím khổng lồ, vằn vện. Chợt hiểu, Mai ngược lên. Jim cũng đang nhìn những xác chết, nụ cười bình thản, đôi mắt trong veo. Khi anh chuyển hướng, cúi xuống cô, khi bàn tay anh xiết nhẹ, đất đai bỗng vụt ngập hoa, những đôi cánh to, trắng muốt vụt mọc ra kỳ diệu giữa lưng Jim, giữa lưng cô. Và họ thanh thoát, mất trong mất, tay trong tay, bay lên, bay lên cao. Lên cao...

ooOoo

Đèn trong rạp đã bật sáng, tôi vẫn ngồi dán lưng giữa ghế, hai tay bấu chặt vào chiếc áo khoác đặt trên đùi. Có cảm giác mọi cặp mắt đang đổ dồn vào mình, mọi lời tán thưởng đang rơi ngập xuống chung quanh. Nhưng không, đó chỉ là ảo tưởng. Chẳng có ai quan tâm đến tôi cả. Mọi người rào rào đứng dậy, ào ào bàn tán khen chê. Không có chấn động. Không phải hiện tượng. Một bộ phim khá trên mức trung bình. Có lẽ sẽ chóng rơi vào lãng quên... Khoác áo bước ra ngoài. Tôi đã chọn đúng tuần lễ hoa đào nở để ghé thăm thủ đô Hoa-Thịnh-Đốn. Ba ngày qua, tôi dành trọn mỗi ngày một tiếng

đồng hồ để quanh quẩn với con đường anh đào, để bước trên thảm hoa, để đắm trong mưa hoa, để ngợp dưới một trời trữu hoa, để nhìn sắc hồng phơn phớt mà nhớ về màu đỏ rực của đường phượng bay ngày cũ. Hôm nay, tôi quyết định sẽ không đến đấy, vì kỷ niệm tràn về sau khi xem xong bộ phim đã quá thừa thãi cho một ngày. John vẫn còn nhớ tôi nhiều đến như vậy sao? Hơn ba mươi năm rồi còn gì! Cuộc chiến đã tàn. Số phận những con người Việt, Mỹ ít nhiều dính líu đến, phần bị chôn vùi, phần bị đổi dời, thất tán muôn phương. Tôi nay là kẻ thiếu quê hương. John trở thành đạo diễn kiêm biên kịch, đã qua bộ phim mà thổ lộ một phần đời, một phần tình cảm của anh. Đến riêng tôi, đến chung những khán giả mộ điệu. Nhưng trong đời sống thực, tôi không rực rỡ đẹp như nữ tài tử Mỹ gốc Việt Thảo Hương, đang là trung tâm mọi sự chú ý của Hollywood, John không diễn trai cao to như anh chàng Richard Dawson thủ vai Jim. Trong đời sống thực, tôi đã chạy trốn, John phải tống cho một quả găng bất tỉnh trước khi vác tôi lên vai để băng ngang vùng lửa đạn. Trong đời sống thực, đất không rực rỡ hoa ngày Tết, những nhân vật chính không chấp cánh bay lên, Mai và Jim đã không có đủ thì giờ để tìm những phút đồng cảm giữa cơn hãi sợ. Trong đời sống thực, làm sao John biết được, ngày ấy, anh đã lọt trọn vào tầm nhắm của tôi, Phượng, bí danh Út Hường, nữ sinh viên hoạt động nội thành. Nhưng do ngẫu nhiên, khẩu súng kẹt đạn. John thoát chết, và sau đó, có lần, trong đời sống thực, tôi đã thầm nói yêu anh.

Cổ Ngự



Tủm tủm

Nguyễn sưu tầm

Hẹn gặp

Người đàn ông già vừa đến khách sạn ở vùng Địa Trung Hải, lật đặt mướn máy điện toán vào lưới mạng để gửi thư báo tin cho vợ mình đang đợi ở nhà. Hai vợ chồng ông mới vừa được cậu con trai tặng cho máy điện toán và dạy sơ qua cách dùng căn bản, nên ông háo hức làm quen với cách thông tin mới lạ hấp dẫn này. Không may, ông đã viết thiếu một chữ trong địa chỉ, nên thư ông đi lạc vào hộp thư của hai vợ chồng mục sư. Ông mục sư mới vừa qua đời tháng trước. Bà mục sư thất sắc và té xỉu khi đọc xong lá thư gửi vào hộp thư điện tử mà bà vẫn mở xem mỗi ngày:

Bà ơi, tôi đã xuống đến nơi an toàn, họ chỉ hứa xạo để lừa mình thôi chứ chỗ ở tôi lắm không giống như tôi nghĩ và lại còn nóng kinh khủng nữa. Tôi đã thu xếp xong xuôi mọi việc và chờ bà xuống dưới này vào tuần tới với tôi. Hẹn gặp lại bà. Thương mến.

Ba điều ước...

Trong một buổi chiều năm cùng tháng cận, cô bé Lọ Lem, nay đã là một bà già không răng tóc bạc, đang ngồi bên cửa sổ để hồi tưởng đến những ngày tháng vàng son xa xưa của mình. Ôi còn đâu là cung điện tráng lệ bên cạnh hoàng tử bảnh trai với bao nhiêu là kẻ hầu người hạ. Hiện tại của Lọ Lem là tấm thân già nua nghèo hèn bệnh tật trong một căn nhà dột nát tồi tàn. Niềm an ủi duy nhất cho sự cô đơn của Lọ Lem là con mèo hàng ngày bà ôm ấp ve vuốt trong lòng.

Đột nhiên một tia sáng chợt loé lên ở cuối chân trời. Tia sáng lớn dần lớn dần rồi lan rộng tỏa thành một hào quang và người hiện ra bên dưới không ai khác hơn là bà tiên mà Lọ Lem đã gặp mấy chục năm về

trước lúc đang bị mẹ ghẻ bắt ngồi lựa đậu trong xó bếp.

- Lọ Lem, khoẻ không? Con được ta chiếu cố đến lần thứ hai. Vậy ta cho con ba điều ước.

- Thưa bà. Hãy ban cho con sự trẻ đẹp vì trên đời này sắc đẹp vẫn là tối cần thiết cho một người đàn bà yếu đuối như con. Vừa dứt lời thì chao ôi nàng Lọ Lem sung sướng ngắm nhìn thân hình như người mẫu của mình.

- Và điều thứ hai con muốn là gì?

Chỉ cần một giây suy nghĩ nàng Lọ Lem đã biết mình muốn gì:

Thưa bà, hãy ban cho con được sự giàu sang vì trên đời này tiền bạc vẫn là sức mạnh vạn năng.

Và nàng Lọ Lem lại một lần nữa chơi vơi trong hạnh phúc. Nàng trầm mình vào núi tiền trước mặt ngộp lặn trong sự hoan hỉ vô biên.

- Và điều ước cuối cùng của con?

Bây giờ, nàng Lọ Lem đã có sự trẻ đẹp và giàu sang. Nàng chỉ cần có thêm tình yêu nữa thì hạnh phúc nàng sẽ trọn vẹn. Nàng thoáng nhìn con mèo yêu thương của mình rồi nói:

- Xin bà hãy biến con mèo này thành một hoàng tử tuần tú để trở thành người yêu chung thủy muôn đời của con!

Bà tiên biến mất. Con mèo bên cạnh nàng đã được biến thành một chàng trai cực kỳ khôi ngô. Chàng sa đến gần người đẹp Lọ Lem, lướt nhẹ đôi môi vào làn tóc nàng, đưa tay âu yếm mơn trớn những sợi tóc óng ả của nàng. Đang lúc nàng Lọ Lem nhắm mắt say sưa đắm chìm trong những cảm xúc ngất ngây hạnh phúc, chàng trai ghé sát tai nàng thổ lộ:

- Bây giờ chắc hẳn nàng phải tiếc và ân hận lắm vì khi không lại đem con mèo đi hiến!

Thượng Đế là ai?

Đứa con trai mười tuổi hỏi bố:

- Bố ơi, Thượng đế là đàn ông hay đàn bà hở bố?

Người cha muốn dạy cho con mình bài học Bình Đẳng đầu tiên nên trả lời:

- Thượng Đế vừa là đàn ông vừa là đàn bà con ạ.

Đứa con nheo mày. Một phút sau, thằng bé hỏi tiếp:

- Da của Thượng Đế trắng hay đen hở bố?

Người cha muốn dạy cho mình bài học Chống Kỳ Thị Chứng Tộc sơ đẳng nên trả lời:

- Da của Thượng Đế vừa trắng vừa đen con ạ!

Thằng bé lại cau mày suy nghĩ. Chợt nó reo lên:

- Bố ơi, con biết Thượng Đế là ai rồi. Là Michael Jackson, đúng không bố?

-?!!!

Đứa con trai yêu quý

Bốn người đàn ông ngồi trong một quán rượu đấu lão.

Người đàn ông thứ nhất hãnh diện nói:

- Thằng út tôi có cửa tiệm bán đồng hồ. Cháu tốt với bạn bè lắm. Tháng trước, cháu sắm không cho thằng bạn cái đồng hồ Gucci model mới.

Người đàn ông thứ hai khoe khoang:

- Thằng lớn nhà tôi có phần hùn trong công ty nhập cảng xe ô-tô từ Đức. Thằng này sống chết vì bạn. Tháng rồi, hấn mua tặng cho thằng bạn của hấn chiếc BMW trong thùng.

Dĩ nhiên người đàn ông thứ ba đâu thể nào chịu thua bạn mình:

- Thằng bé nhà tôi làm môi giới trong việc mua bán nhà cửa. Bất động sản lúc này lên giá vùn vụt nên cháu cũng hốt bộn. Cháu lại có tính thơm thảo với bạn bè. Tuần rồi, cháu không tiếc tiền mua tặng

thằng bạn mới quen căn nhà trị giá cả triệu bạc.

Người đàn ông thứ tư mặt chảy xuống khi nghe ba người bạn khoe khoang về sự thành công của con cái họ. Ông buồn rầu đáp:

- Các bác thật là may mắn với đường hậu sinh. Gia đình cháu thì thật vô phúc. Nói ra thêm xấu hổ các bác ạ, vợ chồng nhà cháu buồn chảy nước vì có mỗi cậu con trai duy nhất nhưng cháu lại mang bệnh đồng tính luyến ái, cả ngày chỉ lo đàn đúm chơi bời với chúng bạn không chịu lao động gì cả. Nhưng vợ chồng cháu không hiểu tiền bạc ở đâu ra mà con nhà ăn xài mua sắm phung phí lắm. Vợ chồng cháu hỏi đồng hồ Gucci cháu đeo, ô-tô BMW cháu chạy và căn biệt thự cháu đang ở tiền đâu đâu ra mà mua thì cháu bảo đó là quà tặng của mấy thằng kếp.

Cô có biết tôi là ai không?

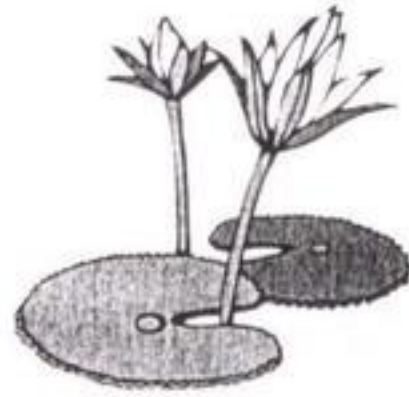
Tại quầy gửi hành lý trong phi trường, các nhân viên đang làm việc gấp rút để giải quyết số hành khách ứ đọng đã đứng xếp thành một hàng dài. Một người đàn ông ăn mặc chỉnh tề lịch sự, đang đứng cuối hàng bắt đầu khó chịu vì phải chờ đợi. Ông quyết định bước ra khỏi hàng và yêu cầu nhân viên hãng hàng không cho ông ưu tiên gửi hành lý và lấy vé ghế trước. Nhân viên sau quầy nhìn ông tỏ vẻ ngạc nhiên, cô lấy một hơi dài và giải thích với ông ta rằng cô sẽ cố gắng tranh thủ để tất cả hành khách có thể lên máy bay đúng giờ. Đã hết kiên nhẫn và không còn kiềm chế được sự bức tức, người đàn ông gất lớn:

- Cô có biết tôi là ai không?

Một lần nữa, người nữ nhân viên thở mạnh, lấy hơi dài và nói lớn trong mi-cro:

- Ở đây có một hành khách không biết mình là ai. Vậy có hành khách nào có thể nhận diện ông ta thì xin vui lòng bước lên quầy giúp giùm. Cảm ơn.

Sợi Tơ Nhện



Giới - Xuyên - Long - Chi - Giới (Akutagawa Ryunosuke)

Nguyễn Văn Thực dịch

Giới Xuyên Long Chi Giới (1892 - 1927) là tác giả tiên phong và là nhà văn hàng đầu của nền văn chương hiện đại Nhật, kiểu như Nhất Linh, Khái Hưng bên mình. Giải văn chương hàng năm lớn nhất của Nhật mang tên ông. Truyện này trích dịch từ *Giới Xuyên Long Chi Giới toàn tập*, xuất bản năm 1977, tại Đông Kinh.

1.

Vào một ngày kia, Đức Thích Ca thong dong đi dạo một mình bên bờ một đầm sen. Sen đang độ nở rộ. Hoa trắng như ngọc, và từ giữa những nụ vàng kim kia, làn hương thơm tho khôn xiết lan tỏa không ngớt quanh hồ. Cực lạc ư, có lẽ là một buổi sáng như thế này đây!

Thế rồi Đức Thích Ca dừng chân lại bên đầm, và bỗng nhiên ngài thấy ở khoảng giữa những lá sen đang phủ mặt nước có gì đó đang máy động phía dưới đấy. Hóa ra đó là đáy Địa Ngục, cho nên có thể thấy, qua làn nước trong như thủy tinh, cảnh sắc của sông Ba Nêo, của núi Kim Đâm, rõ mồn một như đang nhìn qua ống nhòm vậy.

Và cảnh một người đàn ông tên là Kiện Đà Đa cùng những tội nhân khác đang quần quai dưới đáy Địa Ngục đó đập vào mắt ngài. Cái tay Kiện Đà Đa này là một tên đốt nhà giết người. Hắn đúng là một tên đầu trộm đuôi cướp. Nhưng dẫu sao đi nữa

hắn ta cũng đã làm được một điều thiện. Chuyện như thế này: Một ngày kia, khi đi qua một cánh rừng sâu, thấy một con nhện đang bò ra giữa đường, hắn bèn giơ chân lên tính đạp, nhưng lại nghĩ: "Í chà, í chà, con nhện này, tuy nhỏ bé, nhưng cái mạng của nó nào có khác chi ta! Khi không khơi khơi lấy mạng nó, quả là tội nghiệp cho nó lắm!"; và hắn ta chẳng nề giết.

Khi Đức Thích Ca nhìn thấy những cảnh tượng dưới đáy Địa Ngục như thế, ngài nhớ tới hành vi cứu nhện của Kiện Đà Đa, và ngài nảy ra cái ý thưởng công hắn bằng cách cứu hắn ta khỏi đáy Địa Ngục. May thay, khi nhìn qua bên cạnh, ngài thấy trên lá sen xanh màu cánh chim trỏ có một con nhện của Miền Cực Lạc đang buông tơ óng ánh bạc rờn. Đức Thích Ca nhẹ nhàng hót sợi tơ ấy và thông xuyên qua khoảng trống giữa những hoa sen trắng như ngọc, thẳng xuống tận đáy Địa Ngục.

2.

Các tội nhân và Kiện Đà Đa cùng một nuộc đang ngụp lặn dưới cái đáy hồ máu Địa Ngục. Giữa cái nơi tối tăm không cùng ấy, khi họ ước ao làm sao có một cái gì đó hiện ra họ nhìn cho để khổ, cái gì cũng được, thì họ lại thấy hiện ra ngọn núi Kim Châm sáng loáng khủng khiếp. Như thế, con người nào đâu có bị bỏ rơi! Vùng Địa Ngục quanh núi yên ắng như trong nhà mồ, hoạ hoảnh lăm mõi nghe đôi tiếng người, vì đám tội nhân chỉ rên rỉ rất nhỏ. Có lẽ người thế, một khi bị rơi xuống đó, vì hình khổ làm cho kiệt sức, họ chẳng còn sức để khóc lớn tiếng được nữa; nên chẳng lạ gì ngay cả tên đầu gấu như Kiện Đà Đa mà cũng bị hóc nghẹn tưởng như chết đến nơi, và loi ngoi giữa hồ máu như một con ếch mắc dịch. Nhưng, có một lúc tình cờ hắn ngẩng đầu nhìn vào cái khoảng không trên hồ máu, và, ô kìa, hắn thấy giữa vùng tối tăm lặng thinh, một sợi tơ nhện ánh bạc, lóng lánh như một tia sáng nhỏ, từ trên cõi trời xa xa, từ từ, từ từ, cơ hồ rất sợ người ta bám vào, ánh chừng đang thông xuống ngay trên Kiện Đà Đa. Hắn vỗ tay reo mừng: "Phải bám gấp vào sợi tơ này mà trèo ra khỏi chốn Địa Ngục ngay, chớ còn gì nữa! Mẹ cha nó, một khi khéo léo ra khỏi chốn này, thì biết đâu mình lại chẳng lên được Miền Cực Lạc! Được như thế, chẳng nhẽ không còn phải bị tống lên núi Kim Châm, mà rồi chẳng còn phải loi ngoi trong hồ máu này nữa."

Chỉ kịp nghĩ như thế, hắn ta chụp ngay sợi tơ nhện và bắt đầu bươn chải lên từng nấc. Gì chứ chuyện leo trèo là nghề của chàng!

Nhưng khoảng cách giữa miền Cực Lạc và Địa Ngục cả hàng vạn dặm chứ đâu có ít, cho nên dù vội vàng cách mấy đi nữa, leo lên đó cũng không phải là chuyện dễ dàng gì. Mới chỉ trèo lên được chút đỉnh mà một tay anh chị như Kiện Đà Đa cũng

đã bắt đầu muốn xiu; muốn trèo lên thêm, dù một nấc, cũng chẳng đáng. Chịu hết nổi, hắn đành phải nghỉ một chốc; và vừa treo lủng lẳng giữa sợi tơ nhện, hắn ta vừa bắt đầu phóng mắt nhìn xuống dưới xa kia.

Và kìa, sau khi đã cố gắng trèo xa được như thế, hắn thấy cái hố máu mà chính mình lúc nãy mới dầm mình, chẳng mấy chốc đã khuất trong vực tối mịt mù, tuy nhiên núi Kim Châm khủng khiếp vẫn còn sáng thấp thoáng phía dưới ấy. Một khi đã trèo lên tới khúc này thì chuyện thoát khỏi Địa Ngục có lẽ cũng không còn là chuyện ngoài tầm tay nữa! Kiện Đà Đa bám chặt vào sợi tơ nhện; và khi đã leo lên được mức đó, hắn bèn cười to tiếng, cái tiếng cười đã tắt tự bao năm: "Thoát rồi! Thoát rồi!" Nhưng ngay lúc ấy hắn ta thấy, ngay phía dưới hắn, vô vàn tội nhân cũng đang bươn bả trèo lên theo. Thấy thế, Kiện Đà Đa vừa ngạc nhiên vừa kinh hoàng, miệng há hốc như thẳng khùng, chỉ còn đôi mắt là còn máy động. Một mình cái xác hắn sợi tơ nhện mong manh này còn trụ dám còn không nổi, huống hồ với cơ man nhẽn tội nhân khác đang bám vào như thế kia! "Nếu lẽ cái sợi tơ nhện này mà đứt thì, dù mình có leo lên được tới mức này đi nữa, rồi cũng lại rơi lộn nhào trở lại xuống cái Địa Ngục dưới kia cho mà xem! Như thế thì đúng là đại hoạ!" Tuy nhiên, trong khi hắn nói như thế, hằng trăm hàng ngàn tội nhân vẫn hăm hở leo lên nhờ sợi tơ nhện mong manh, lấp lánh. Đến lúc này thì sợi tơ nhện có thể đứt ra làm hai bất cứ lúc nào. Thấy vậy, Kiện Đà Đa la toáng lên: "Ê, cái bọn người tội lỗi kia, cái sợi tơ này là của riêng tớ chứ có phải của mấy người đâu! Khi không các người lại chụp dặt leo trèo như thế kia!? Liệu mà tụt xuống cho mau! Tụt xuống cho mau!"

Ngay khi Kiện Đà Đa ngoác miệng la như vậy, sợi tơ nhện, từ hồi đó đến giờ chẳng hề hấn gì, bỗng đứt nghe cái "bực" ngay

chỗ hấn đang treo tòng teng. Cho nên, chính hấn cũng chẳng còn bám vào sợi tơ nhện đang; và Kiện Đà Đa, chẳng chờn vờn được, dù trong một giây, mà cắt gió, rơi lộn đầu, quay mòng mòng như chong chóng, đâm xuống đáy tối tăm.

Cuối cùng, chỉ còn lại đoạn tơ nhện lỏng lánh mỏng manh của Miền Cực Lạc treo giẽa thình không không trắng không sao.

3.

Đức Thích Ca đứng bên bờ đầm nhìn từ đầu tới cuối sự việc, nhưng, sau khi Kiện Đà Đa chìm ngấm xuống hồ máu như một tảng đá như thế, thì ngài, mặt tuy dầu dầu, nhưng lại vẫn bắt đầu thông dong dạo bước. Chính ngài đã cố gắng đưa Kiện Đà Đa ta ra khỏi Địa Ngục, nhưng rồi chỉ vì cái lòng không biết thương người của hấn, hấn phải lãnh cái hình phạt xứng với tà tâm, đó là rơi trở lại Địa Ngục. Một khi đã thấy tận mắt như thế, ngài còn có vẻ chẳng băn khoăn gì nhiều.

Và hoa sen giẽa hồ sen của Miền Cực Lạc chẳng vì sự cố mà rủ lá. Những đoá sen trắng tựa ngọc kia, đài hoa cứ vờn quanh chân Đức Thích Ca, tỏa hương thơm khôn xiết loanh quanh. Và nơi Miền Cực Lạc ấy cũng chưa đến giờ ngộ.

Ngày 16 tháng Tư năm thứ 7 đời vua Đại Chính (1919)

Nguyễn Văn Thực

.....
Chú Thích

***Sông Ba Nẻo:** (tên chữ Hán: Tam Đổ chi Hà) Tên của một con sông mà người ta tin là tội nhân phải qua sau khi chết.

***Núi Kim Châm:** (tên chữ Hán: Châm chi Sơn). Người Nhật dùng nhiều chữ Hán như người Việt mình..

Những đoạn đường đời

Con đường xưa biển mặn
Tuổi chạn hoà đạn bom
Người sống theo may mắn
Tương lai chết dần mòn

Con đường xưa đi tản
Giòng gánh chị cùng em
Khi tàu Tây nhà đạn
Khi giặc rừng gọi tên

Nhớ lưng lờ nhân ảnh
Đường làng, trẻ hồn nhiên
Tay trong tay sát cánh
Chữ nghĩa của thánh hiền

Nhớ những dòng bốn cũ
Thuộc hơn cả truyện kì
Đức tin thành bất tử
Lúa tuổi mình đáng yêu

Đêm trăng tròn vượt sóng
Thôi tạ từ quê hương
Người đi tìm lẽ sống
Đất tỘ, khách thập phương

Con đường đây tuổi sữa
Lại đạp sóng xuôi Nam
Tự do thành đất hứa
Quả khứ mang sau lưng

Đời dạy ta huấn nhục
Men theo những biển hồ
Đường chữ dài ngăn khúc
Giom mãi mới thành bờ

Đường cuốn gói trở cò
Giết nhau bằng độc tố
Dân tình sống bơ vơ
Nước thiếu người minh chủ

Cuơng thiêng thành kiếm rì
Hoa, sao dưới bùn hèn
Đời lật lùa đạo lý
Người đổi họ thay tên

Ông trở thành hạ cấp
Thằng chễm chệ lên ngôi
Đoàn kết ôi! hô hấp
Văn chương bán chợ trời

Đường chòng chênh bão tố
Chết chiu tuổi vỘ chi
Chữ bao là nỗi nhớ
Chết đây hồn rong rêu.

Nguyễn Ngọc Thuận

Đàn Bướm trắng -

54, Hà Nội

Dương Kiên



Duy già từ Hà Nội trong tiếng rền rĩ của chuyến xe hỏa chậm chạp qua cầu Long Biên, một sáng sương mờ mờ phủ hết giòng sông Hồng đã tới mùa nước lớn. Duy cố nhìn qua cửa toa với hi vọng thấy con đê đã nhiều lần cùng chúng bạn rong chơi lần cuối, nhưng chẳng nhìn xa hơn được những thanh sắt xù xì, loang lổ và vài người đàn bà gồng gánh âm thầm lướt qua. Cuộc ra đi đầu tiên xa nhất của cuộc đời trôi qua một cách bình thường như thế, trong khi con tàu mệt mỏi tiến mãi trong sương mù của một ngày cuối đông như không bao giờ tan đi được.

Duy nhìn sang mẹ và chị, hai cái bóng gầy gò im lặng. Toa tàu đông người nhưng cũng im lặng khác thường, ai nấy cố nói nhỏ hơn, cử động ít hơn, thỉnh thoảng xếp lại vài cái làn dưới chân đã được xếp ngay ngắn, kín đáo nấn nấn lại cái gì đó trong khâu áo, vài bà cụ cọt đi cọt lại ruột tưng nhiều lần không biết để làm gì. Trừ vài người đàn bà đi buôn những chuyến tàu ngắn khi mới rời ga Hàng Cỏ thản nhiên cười nói, nhưng rồi trong cái không khí đặc quánh lo âu không giấu được, cũng lặng im nhai trầu.

Ngày hôm ấy, ngày 15 tháng 11, ngày không bao giờ Duy quên được, dù Duy mới chỉ là cậu bé chưa đầy mười lăm tuổi.

Gia đình Duy, nói đúng ra là thầy Duy và các anh em Duy ``di cư`` vào Sài Gòn từ gần hai tháng trước trong khi Duy bệnh nặng, bệnh thương hàn trong thời kỳ đuối sức nhất vì chỉ được húp vài thìa cháo loãng mỗi ngày, tóc rụng gần hết, đứng lên đi vài bước cũng không nổi. Thầy Duy bàn bạc với để sao đó, thầy đưa các anh và em Duy đi trước, để lại chị Khanh và để ở lại nuôi Duy trong căn nhà số 3 ngõ Nhà Đo, đã rộng thênh thang bây giờ lại thêm im lặng đến phát sợ. Hôm ấy thầy đến bên giường sờ trán xem Duy có còn sốt không, rồi nói một câu thật ngắn, thật giản dị:

- Thôi, thầy đi trước nhé.

Không ngờ cái câu thật ngắn ấy, nói để mà nói, lại là câu cuối cùng thầy nói với Duy. Khi đã đến tuổi hiểu biết, đôi khi Duy tự hỏi nếu thầy nói một câu gì khác ân cần hơn, hay ít nhất dài hơn một chút, thì cái kỷ niệm cuối cùng về thầy không biết có cảm động hơn, sâu đậm hơn không? Thầy Duy vẫn thế, ít nói nên lũ anh em Duy ai cũng sợ trừ khi đã ngà ngà thầy ngâm thơ, tuy ngâm thơ không phải là nói, nhưng anh em Duy thấy gần gũi thầy hơn, ít nhất là tự do cười nói mà thầy không cau mặt khiến tất cả lại im thin thít. Nhưng thầy hiền, gần như không bao giờ mắng ai, nhưng mỗi câu thầy nói là một mệnh lệnh mà ai nấy đều lặng lẽ thi hành.

Tàu qua khỏi ga Gia Lâm thì bỗng ở cuối toa có bà cụ bật lên tiếng nấc. Tiếng một người đàn bà trẻ hơn thì thào:

- Thôi mẹ à, mẹ cho con xin.

-Con ơi, sao con không cho mẹ về quê lấy cái cốt của thầy.

-Khổ quá, con nói cả trăm lần rồi, về sao được mà về. Mẹ không thấy ông bà Cả đấy à, chỉ vì về quê lấy bộ đồ thờ mà...Thầy sống khôn chết thiêng, chả trách mẹ đâu.

Duy ngây ngất trong cơn bệnh chưa khỏi hẳn, thiếp đi trong tiếng rền rĩ của tiếng bánh sắt nghiêng ghê rợn nhưng vẫn biết để lấy chiếc áo len quần lại làm gối cho Duy tựa đầu.

Tuổi thơ ấu của Duy trôi qua êm đềm tại Huế, tuy Duy chẳng nhớ gì được nhiều ngoài căn nhà cổ âm u. Thầy để Duy đều là người Bắc nhưng thầy vào làm quan ở Huế, một chức quan bộ Học, hình như không lớn nhưng chẳng nhỏ vì thầy là ngạch giáo viên thuộc địa, tốt nghiệp khóa đầu trường Cao Đẳng Sư Phạm Hà nội. Có lẽ vị chủ nhiệm của Nam Phong tạp chí khi trở thành thượng thư của triều đình Huế đã đưa thầy cùng vào chưởng, là điều chẳng bao giờ Duy được biết.

Duy ra đời vào năm thế chiến thứ hai bùng nổ tại Âu Châu, năm sau quân Nhật chiếm đóng Đông Dương, cụ Phan qua đời tại An Cựu, tất cả những cái đó Duy chỉ được biết sau này qua những bài học lịch sử. Anh em Duy, các cậu ấm con quan của cái triều đình bình thản đó dường như không bị ảnh hưởng gì hay nếu có, Duy cũng chẳng biết ở cái tuổi tập bò, tập đi, tập nói ấy. Kỷ niệm về Huế chỉ là câu chuyện ``chú gà con`` mà sau này được nghe kể nhiều lần đến nỗi Duy tưởng là chính mình biết rõ từng chi tiết.

Chẳng là mẹ Duy một hôm đi chợ mua chục trứng gà lộn về luộc. Khi nước bắt đầu sôi, một trái bỗng quay tít trong nồi, mẹ Duy lạ quá vớt ra đập thử thì hoá ra một trái già quá ngày lộn vào chục trứng, một chú gà con đã đủ lông thoát chết trong nồi trứng luộc, cất tiếng chiêm chiếp chào đời. Các anh Duy được giao trách nhiệm

nuôi chú, giã gạo thành tấm cho chú ăn, và chú sống sót.

Chú gà mờ côi ấy nhanh chóng làm quen với người, thơ thẩn chơi đâu nghe tiếng chíp chíp cũng hấp tấp chạy tới. Các anh Duy đi học, chú đòi theo không được cũng biết kiên nhẫn chờ ``các anh`` đi học về chạy ra đón. Chú quẩn quýt người đến mức lén nhảy cả lên giường ngủ chung với người, chính vì thế mới nên tai hoạ. Một buổi trưa hè, bà vú nuôi Duy nằm ngủ trên tấm phản sau nhà, chú cũng nhảy lên nằm cạnh. Bà mê ngủ, trở mình lấn đè chú chết bẹp mà không biết. Các anh Duy khóc mất mấy ngày và ``truyền tụng`` câu chuyện đến mấy năm sau.

Năm 1945 gia đình Duy trở ra Bắc, Duy vẫn còn quá nhỏ để biết tại sao nhưng chỉ nhớ mang máng là thay vì ra thẳng Hà Nội, gia đình Duy dừng lại Thanh Hoá vì mẹ Duy gần đến ngày sinh chú Tuấn, chú em kế và cũng là em út của Duy. Chính ở đây, một ngày nào đó trong tháng tám, cả thành phố nhao lên trong một không khí kỳ lạ, và lần đầu tiên Duy thấy những lá cờ đỏ sao vàng giữa tiếng trống, tiếng la của những đoàn người kéo đi trên mấy con phố chính. Và vẻ ưu tư của thầy, và lời dặn khế của để với các anh ``Đừng nói ai biết thầy làm quan``.

Sau cái không khí ồn ào của mấy ngày tháng tám, Thanh Hoá lại trở lại với sự yên tĩnh của một thành phố nhỏ nghèo nàn, và càng trầm uất hơn khi người ta bắt đầu nói đến thiếu gạo, không có gạo mà mua, gạo đắt như vàng. Thì ra cái đói từ miền Bắc lan xa đi, tuy không vào sâu xứ Trung Kỳ, nhưng cũng mon men tới mảnh đất giáp ranh với miền Bắc. Nồi cơm của gia đình Duy nhỏ đi, và hình như thầy thường lừ mắt nhắc các anh lớn của Duy để ngang đưa lên miệng chén nói ``Con xin vô phép`` sau khi đã ăn hết hai lưng chén.

Riêng Duy không biết đến cái đói kể cả những ngày đầu năm 1946 đã ra đến Hà Nội khi mà cả miền Bắc lả đi trong cơn đói. Cái dạ dày nhỏ bé của Duy được cả nhà nhường nhịn lúc nào cũng no đủ nhưng các anh Duy thì gầy đi thấy rõ vì không còn bữa sáng, mà bữa trưa là cơm độn nhiều khoai hơn gạo và chiều là nồi cháo loãng. Cậu bé Duy còn trong tuổi chơi đùa để mà có thể nhận thấy sinh hoạt kỳ lạ của cái thành phố nửa chết lịm đi trong cơn đói nửa bùng bùng lên như giận dữ, như phẫn khích, như lo sợ một cái gì không rõ rệt. Người ta nói thì thảo mà không hiểu tại sao phải thì thảo. Những cuộc biểu tình rầm rập rồi bỗng im bặt đi. Những đoàn quân hỗn độn đủ loại quân phục ngày hôm trước còn sục sạo khắp đường phố nửa mua nửa ăn cướp, ngày hôm sau đã biến mất. Rồi người ta truyền miệng nhau ``Tây đổ bộ, Tây đổ bộ`` trong cái tức giận nhốn nhác. Người ta say lên trong một cơn say nửa ngây thơ, nửa hoang mang điên dại. Những thanh niên chạy đi chạy lại với gậy gộc trong tay, vài bộ bàn ghế cũ khiêng ra đầu phố làm rào cản, những lá cờ đỏ nhuộm vội bằng thuốc nhuộm nội hoá gặp cơn mưa bất đầu loang lổ...

Nhưng ngày Hà Nội bắt đầu nổ súng thì gia đình Duy đã về quê ngoại, làng Đồng Dụ, ở một chốn hẻo lánh nào đó thuộc tỉnh Hải Dương.

Trí nhớ của cậu bé bảy tuổi không cho phép Duy ghi lại làng của ngoại có cái gì khác hơn một làng quê nghèo nàn miền Bắc với duy nhất ngôi đình làng được lợp ngói, ngoài ra là những mái tranh ẩm đạm. Nhưng cũng như tất cả các làng khác, người ta phải cố tìm ra cái gì để hãnh diện, có lẽ vì thế mà kho tàng tục ngữ có thêm câu ``Cam Đồng Dụ, vú Đờ Sơn``. Vú Đờ Sơn thì Duy không biết có thực sự đáng ca ngợi không, nhưng cam Đồng Dụ không

để lại trong trí nhớ Duy vị ngọt nào đặc biệt, có thể vì Duy chỉ được ăn những trái cam còi hay vì còn quá nhỏ để nhớ được vị ngọt của cam Đồng Dụ khác với vị ngọt những trái cam Duy được ăn sau này.

Nhưng những ngày tản cư về quê ngoại cũng ghi vào ký ức Duy những kỉ niệm êm đềm.

Quê ngoại ngoài nghề làm ruộng, còn sống bằng hai nghề khác khiếm tốn là trồng dâu nuôi tằm và làm kẹo mạch nha. Nuôi tằm cực lắm. Duy không thích gì mấy vì bị ngoại bắt ngồi lau từng lá dâu ướt trước khi thái cho tằm ăn nhưng mỗi lần xong lứa tằm, bữa cơm có nhộng xào ăn bùi bùi, tất nhiên là ngon miệng hơn đĩa rau nửa lang, nửa dền nhạt nhẽo và vài quả cà muối kéo dài ngày này qua ngày khác.

Nhưng kẹo mạch nha thì Duy thích lắm. Tuổi thơ thềm ngọt, mà hình như càng thiếu ăn người ta càng thềm ngọt. Để nấu kẹo bằng những hạt thóc còn ngâm sữa trong một nồi nước sôi lớn cho đến khi chất sữa tan ra thành nước, lơ lơ trắng. Chất nước bỏ vỏ thóc, để nhỏ lửa cô dần cho đến khi quánh lại, màu nâu trong có thể lấy que quăn được. Ngậm trong miệng cho tan dần, mút mãi cái que không còn chút chất ngọt nào, là một hạnh phúc của tuổi thơ mà suốt cuộc đời sau này Duy không bao giờ quên được. Duy còn không quên được hình như để thương Duy nhất, mặc dù gia đình có đến sáu anh em trai, Duy lại không phải là út thế nhưng mỗi khi nấu kẹo, để lên mức một bát nước chưa cô nhưng đã có vị ngọt thơm đưa cho Duy uống khi trong bếp chỉ có hai mẹ con, các anh chị Duy không bao giờ được nếm giòng sữa ngọt ngào ấy. Đối với Duy sữa ấy cũng là sữa mẹ, dù từ thóc mà ra.

Con tàu rùng mình lên rồi dừng lại. Ga Hải Dương.

Trong toa bắt đầu láo nháo, nhiều người cố chen nhau thò đầu qua cửa toa nhìn xuống sân ga. Chị Khanh nói nhỏ với đề:

- Để sửa soạn giấy ``lát-xê pát-xê``* đi. Trạm này là trạm chót, họ khám kỹ lắm đó. Rồi tàu sẽ đi thẳng Hải Phòng.

Đề lật vạt áo tìm chiếc túi khâu phía bên trong áo, mở kim băng, lôi ra mấy tờ giấy nhàu nát:

- Giấy này phải không?

Mẹ Duy không biết chữ. Bà về làm lẽ thầy Duy chỉ để đẻ con và làm bếp. Duy không bao giờ hiểu được thầy Duy là người tân học, từng lớp trí thức mới của chế độ thuộc địa, sau khi lấy bà cả không sanh được mụn con nào, đem mẹ Duy là người hoàn toàn khác biệt trình độ về, chỉ để sinh con. Duy không trách thầy nhưng thấy thương đề, suốt đời chỉ quanh quẩn trong bếp và xót xa khi thấy đề hài lòng một cách nhẩn nhục và gần như biết ơn nữa.

Trên cửa toa hiện ra ba người, một sĩ quan Pháp, một cán bộ Việt Minh, và một người có lẽ làm thông ngôn. Người thông ngôn nói lớn:

- Yêu cầu đồng bào không được xuống tàu khi chưa có lệnh. Lần lượt từng toa sẽ xuống và đi qua trạm kiểm soát, hành lý để trên tàu không được mang theo.

Sĩ quan Pháp Duy đã thấy quen mắt vì nhiều lần nhìn thấy họ trên hè phố Hà Nội nhưng cán bộ Việt Minh thì đây là lần đầu xuất hiện bằng xương bằng thịt. Trong thập niên năm mươi, những học sinh ở tuổi mười lăm như Duy cũng đã có những

tưởng tượng lãng mạn về những người đi kháng chiến, các ``bộ đội cụ Hồ`` và sự tưởng tượng nào cũng dễ thất vọng. Anh đứng đó, da hơi vàng, hình như cố làm vẻ cau có rồi tự nhiên gật gật đầu mặc dù không ai hỏi anh điều gì. Chiếc nón cối quá lớn so với khuôn mặt choắt cheo càng làm vẻ nghiêm nghị của anh trở nên hài hước. Duy biết mình vô lý khi muốn anh cao hơn người sĩ quan Pháp, khoan thai tự tin hơn kẻ thù hôm trước của mình. Nhưng Duy vẫn muốn thế, Duy ghét Pháp, Duy không muốn thấy hình ảnh tương phản mặc dù đúng ra cái tương phản ấy mới là cái đáng tự hào. Có thể chính con người Việt Nam nhỏ thó ấy đã từng dí súng vào một viên sĩ quan Pháp nào đó, trong giao thông hào Điện Biên Phủ, hô ``Đưa tay lên``.

Thật ra Việt Minh đã tiếp thu Hà Nội từ hôm 11 tháng 10 nhưng thời gian ấy Duy còn liệt giường, cái ngõ Nhà Đo của Duy lại quá xa những đường phố lớn để cả những tiếng ồn ào cũng không nghe thấy, nói gì được thấy bộ đội. Duy chỉ được nghe chị Khanh đi xem về phê bình vồn vện sáu chữ: ``Bộ đội cụ Hồ, chán chết!``

Trong toa im không một tiếng động lớn, đúng ra chỉ có một vài tiếng thì thào. Duy nghe sau lưng Duy có tiếng găt khẽ: Mẹ làm gì mà cuống lên thế. Mình đi theo đúng ``hiệp định``, còn có ``Quốc tế`` mà!.

Duy nhìn qua cửa toa. Những toa trước người ta xô đẩy nhau xuống, xếp thành hàng đi qua một hàng rào kẽm gai hẹp lố nhố những người. Đứng riêng một góc là một toán người ngoại quốc, người thường phục, người quân phục. Tiếng thì thào sau lưng Duy lại nổi lên:

- Ủy Hội kiểm soát đình chiến đấy! Có cả Ấn Độ nữa mẹ đừng sợ!

- Thì tao có sợ gì đâu. Nhưng còn bố anh, tiếc của về quê bán nhà, mà đã thấy ra đâu. Giời ơi, nhà với cửa, còn mua với bán nữa! Mồ mả ông cha còn bỏ nữa là.

- Đã hết thời gian ba trăm ngày đâu.

- Ở đấy mà ``thời gian``. Trong quê, người ta chặt đầu như củ chuối ấy, ``quốc tế`` đâu mà chả thấy.

Đến lượt toa Duy xuống tàu, Để nắm tay Duy hỏi khẽ:

- Con đi được không?

Duy gật đầu, chấp choạng đi theo mẹ và chị, trong cảm giác hụt hững của một người mới ốm dậy. Quãng đường ngắn không quá hai trăm thước cũng làm Duy mệt nhoài, tất cả những hình ảnh loáng thoáng qua đi, trình giấy, khám người, tiếng phân trần, găt gỏng...

Gần hai tiếng sau, con tàu lại hú tiếng còi ra đi, hướng về Hải Phòng nơi vẫn còn những chiếc máy bay cất cánh vào Nam và những đoàn tàu há mồm chờ sẵn.

Lên tàu, để ép Duy ăn hai thìa cháo, miệng Duy nhạt thếch, mắt dúi lại buồn ngủ trong khi những tiếng nói to tiếng hơn bắt đầu ồn lên trong toa tàu.

Duy mơ về những mùa hè, mùa thu Hà Nội, những phượng vĩ, những cây bàng, cây sấu. Từ ngõ nhà Duy đi ra là con đường Lý Thường Kiệt chạy ngang hỏa lò và tòa án, tên cũ là phố Hàng Bông Thợ Ruộm, có lẽ là con phố duy nhất bị đổi tên từ ``Hàng này``, ``Hàng nọ`` để mang tên một vị anh hùng dân tộc, mà không biết tại sao. Từ ngõ Nhà Đo đi về tay trái chỉ vài trăm thước là Chùa Quán sứ, thẳng tới là ga Hàng cỏ, đi về tay phải là trường

Nguyễn Trãi, nếu năm nay còn đi học Duy sẽ lên đệ ngũ.

Những cái tên bạn bè lãnh đãng trở lại với Duy. Hoàng và Huy. Huyền và Đức. Độ và Lợi. Huy học trên Duy một lớp, lại lớn hơn Duy tới ba tuổi và lớn cả về xác trong khi Duy còn còi vì bị hen từ nhỏ. Một hôm đang ở trường, năm đó cả bọn học lớp nhì, trừ Huy học lớp nhất trường Quang Trung, Duy lên cơn nghẹt thở, mặt xám ngoét, thầy Dũng sai Huy công về nhà. Mà Huy công được thật, chạy thẳng một mạch hơn hai cây số về giao cho nhà Duy. Vì lớn nhất nên Huy cũng sớm biết yêu và sớm thất tình.

Tình yêu của Huy thuộc loại ngang trái ``cổ điển``. Nhà Huy nghèo, nhà nàng giàu, chẳng những thế thuộc loại danh giá nhất Hà Thành. Chàng nàng yêu nhau, tha thiết nhưng tuyệt vọng. Huy làm thơ, mê Nguyễn Bính, những vần thơ đau khổ cho mối tình khờ dại phải kể là ``hay`` vì chân thành với những câu lục bát rất Nguyễn Bính. Nhưng nếu chỉ thế thôi thì rồi cũng qua đi, không ngờ Huy khai gian tuổi, đi lính. Năm 1953 ấy Pháp cần lính, không ai thắc mắc gì có hay không có giấy khai sinh miễn là cầm được khẩu súng, mà Huy thì cao lớn trước tuổi. Duy ``phục`` Huy lắm, nhất là Huy lại đi lính nhảy dù, đội mũ đỏ, áo hoa dù còn mới tinh thẳng nếp. Duy còn nhớ những ngày cuối tháng 4 đầu tháng năm 1954, Hà nội vắng hẵn đi lính Pháp và Tây đen say rượu, trận Điện Biên Phủ đã hốt hết lính Pháp vào cái vòng chảo nhỏ hẹp, Huy đến nhà kéo Duy ra đầu đường nói: ``Tớ sắp đi nhảy, chắc Điện Biên Phủ``.

Nhưng Huy không nhảy. Trời xấu. Xấu cho đến ngày 7 tháng năm, mười ngàn quân Pháp đầu hàng, không có Huy trong đó. Huy theo đơn vị vào Nam, người yêu trốn

theo Hậu, người lính nhảy dù tí hon ấy gặp được hai cái may một lúc.

Hoàng không không liều lĩnh như Huy nhưng cũng hơn tuổi và sớm trưởng thành hơn Duy. Cũng đã biết yêu, cũng mê thơ Nguyễn Bính. Khi Duy nằm bệnh, Hoàng đến nói: ``Tớ đi đây``. Duy không biết tại sao Hoàng đi, nhà Hoàng nghèo, bố mẹ Hoàng thuộc loại chất phác tay làm hàm nhai, không ai tính chuyện di cư vào Nam. Nhưng cái tuổi mười bảy đầy mơ mộng ấy thường có những cơn say.

Những cơn say ngây thơ của Huy, của Hoàng, của Duy không ít thì nhiều là do ``Đoạn tuyệt``, do cùng chất men say của Dũng một đêm trắng kể mạn thuyền viết thư tỏ tình, của không khí Tự Lực văn đoàn nói chung mà bao cậu bé như Duy vừa qua tuổi đánh khăng, đánh đáo, bắt đầu chán ``Người Nhạn Trắng`` chìm đắm vào trong một Hà Nội phẳng lặng không biết tới chiến tranh ngàn ngạt chỉ cách đấy không đầy vài chục cây số. Phượng đỏ đường Cổ Ngư, ve sầu rền rĩ sân Tòa án, kem Phi Diệp, bánh tôm bờ hồ, lạc rang húng lìu, sấu giầm cam thảo ... làm cho cậu bé dù mới ở tuổi mười lăm, phải nao nao khi xa Hà Nội.

Nhưng chị Khanh của Duy có lẽ ngoài cái nao nao ấy, chị còn mang theo điều mà Duy chưa có trong hành trang thơ dại: một mối tình.

Nhà đông con, Duy có bảy anh chị em nhưng chỉ có chị Khanh là con gái sau anh Lý, anh cả Duy. Chị không đẹp, có thể hơi xấu nữa, nhưng có duyên. Sống mũi gầy của chị, hai mắt buồn buồn làm không mấy ai để ý ngay đến chị nhưng khi chị cười, mắt chị sáng lên, vẻ tươi tắn bỗng xóa đi một cách bất ngờ nhan sắc rất bình thường của chị. Với Duy đã quá quen, vậy

mà Duy đôi khi cũng ngạc nhiên thấy chị bỗng khác hẳn. Thì ra chị đang cười, nụ cười của chị cởi mở hồn nhiên làm gương mặt chị sáng hẳn lên, khiến người ta quên đi mặt chị có khá nhiều tàn nhang và khi chị không cười thì nhạt nhẽo, phẳng lặng.

Anh Phan đã yêu chị vì nụ cười chẳng, Duy không biết nhưng Duy biết là anh yêu chị.

Anh là bạn của anh Lý nên thường đến nhà Duy cùng học bài, làm bài. Phòng học cho mấy anh em, thật ra là căn nhà để xe cũ được dọn sạch, không phải là chỗ của chị Khanh. Chị là con gái, có phòng riêng, học riêng nhưng anh Phan giỏi toán lại hơn chị đến hai lớp, là cái cớ để chị mang sách vào hỏi và mỗi khi anh nhăn mặt:

- Mới chỉ Khanh hôm trước, đã quên rồi!

Thì chị cười. Và nụ cười của chị chẳng những đủ làm anh kiên nhẫn chỉ lại từ đầu, còn có thể đưa anh đến nhà Duy lúc đầu mỗi tuần hai ngày rồi sau gần như mỗi ngày, trên cái xe đạp cũ tuột xích nhiều lần từ nhà anh tận bên kia hồ Thuyền Công.

Những cuộc tình của thập niên 1950 hình như chỉ có thế, quá lắm là cái nhìn vụng trộm và cặp má đỏ bừng. Và chiều mấy cậu em, như Duy chẳng hạn. Anh thường đèo Duy lên tuốt bờ hồ mua lạc rang hay sấu giấm, về nhà dọn nhỏ:

- Đem vào cho chị Khanh, đừng nói của anh Phan.

Chẳng nói của anh Phan thì chị Khanh cũng biết là của anh Phan, vì Duy làm gì có tiền, và làm sao lên tuốt bờ hồ để mua cho bằng được lạc rang của ông tàu mà chị Khanh vẫn khen ``Lạc béo quá``.

Hình như chỉ có một lần hai người bạo dạn bằng với cô Mai hay cô Loan của Tự Lực văn đoàn. Hôm ấy, không biết ở đâu mà chị Khanh có mấy quả nhót. Chị đưa cho anh một quả, anh tính đưa lên miệng thì chị cười, nói:

- Phải cà đã chứ, anh Phan!

Phan ngơ ngác:

- Cà à? Cà thế nào?

Chị nói ``Cà thế này này``, rồi cầm một quả cà lên áo len, chỗ tay anh. Anh mặc áo len màu xanh đậm, quả nhót để lại những chấm lấm tấm trắng như những hạt mưa bụi đầu xuân. Chị đưa quả nhót đó mọng cho anh rồi quay đi thật nhanh. Quả nhót ấy anh có ăn không, Duy không biết nhưng Duy đoán là không vì cả những vết lấm tấm trên tay áo len anh vẫn để như vậy, nhiều ngày sau.

Năm 1952 anh bị động viên, nghe nói anh bị đưa vào tận trong Nam học quân sự, với cái bằng tú tài một Pháp, anh ra trường với cấp bậc thiếu úy. Anh tự nhiên đứng vào một phía trong cuộc chiến mà chẳng hề lựa chọn. Vắng anh, chị Khanh cũng vắng nụ cười, gương mặt chị phẳng lặng lại càng phẳng lặng hơn. Được cái đơn vị anh quanh quẩn ở chiến trường miền Bắc nên mỗi lần nghỉ phép về Hà nội anh vẫn lui tới nhà Duy, già dặn hơn, tự tin hơn nhưng mối tình của anh với chị Khanh thì vẫn câm nín như vậy. Thầy để Duy có vẻ sốt ruột, chị Khanh đã hai mươi rồi, ``cậu Phan là người tử tế`` có hôm tự nhiên để nói thế nhưng ``cậu Phan`` thì cứ về phép rồi lại đi và chiến tranh ngày càng ác liệt.

Mùa xuân năm 1954 Duy còn nhớ bỗng dung Hà Nội ngập tràn những bướm, phần nhiều là bướm trắng. Bướm bay từng đàn trong sân toà án, khắp các bãi cỏ ven

đường, nhiều hơn hẳn những mùa xuân, mùa hè trước mà Duy được biết. Như bao cậu bé khác, Duy mê bướm, nhiều đêm Duy đi bắt trứng bướm về để trong màn, sang hôm sau mấy chú bướm lột vỏ đập cánh yếu ớt trên đỉnh màn. Nhưng Duy không ướp bướm vì anh Phan thường nói ``Đừng ác Duy, thả cho nó bay đi. Một con bướm chết cũng ghê tởm như bất cứ xác chết nào``.

Một buổi chiều anh Phan đến chơi, rủ Duy đi bộ một vòng cho mát, Duy chỉ anh xem bướm bay, anh cũng ngạc nhiên:

- Ừ, nhiều thật nhỉ, nhưng toàn bướm trắng và nhỏ. Có một nơi anh đến bướm to bằng bàn tay, mà màu thì đẹp tuyệt, có con xanh biếc, có con rực rỡ không biết bao nhiêu màu.

- Ở đâu vậy anh?

- Ô, em không biết đâu, xa lắm, Điện Biên Phủ.

Sau này thì Duy biết, khi Điện Biên Phủ thành câu chuyện hằng ngày ở Hà Nội, và qua lời anh Lý kể, anh Phan là pháo binh nên từ trước khi Pháp quyết định biến Điện Biên Phủ thành một pháo đài, anh theo đại tá Piroth chỉ huy trưởng pháo binh Pháp lên Điện Biên Phủ quan sát. Rồi sau lần đi dạo với Duy ấy, từ đầu tháng ba không thấy anh tới nữa, anh đã ở Điện

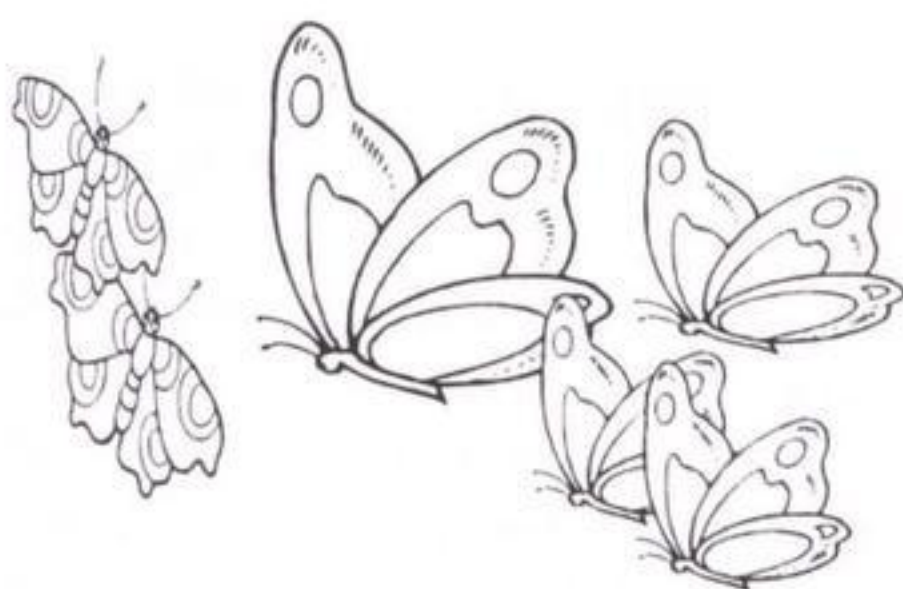
Biên Phủ. Cuộc tình của chị Khanh đang dở trong im lặng như nó khởi đầu trong một thành phố giả như bình thần không nghe thấy tiếng đạn pháo từ một thung lũng nhỏ hẹp mà ở Ba-Lê, ở Genève, ở Hoa-thịnh-đốn...người ta chăm chú lắng nghe.

Ngày 7 tháng năm Điện Biên Phủ thất thủ, số phận anh Phan ra sao mấy ai nhớ tới trong cơn phấn kích của người này, nỗi bồn chồn của người khác. Anh chỉ được cái chép miệng của đề: ``Tội nghiệp cậu Phan hiền như cục đất!``. Chị Khanh có buồn không, có khóc thầm không, Duy không biết vì Duy bắt đầu ốm nặng, sốt thương hàn vào lúc ấy vẫn được coi là căn bệnh nguy kịch. Vì thế hình ảnh cuối cùng của Duy về Hà Nội là những đàn bướm trắng lẫn lộn với những con bướm thật lớn, thật nhiều màu của anh Phan nhớn nhoe trong những khu rừng, bãi cỏ, những giao thông hào mà người ta điên cuồng đâm chém nhau trong cơn mất trí của cùng một lúc hàng chục ngàn con người.

Duy ra đi, như thế, và hình như những cánh bướm cũng không còn nữa vào một buổi sáng cuối thu.

Dương Kiên
(Trích tác phẩm dài chưa đặt tựa đề)

*Giấy thông hành thời Pháp thuộc.



lục bát cho đời

thơ tôi

thơ tôi dù viết ngắn dài
trước sau cỗi tạm, trong ngoài đắng cay
dưới trên khốn khổ cảnh bày
bao người Việt sống lắt lắt xa gần

vui buồn

buồn vui trọn kiếp, một lần
vui buồn chốc lát, bao phần, lặng thinh
cõi ồn động tiếng tim mình
đêm thao thức đợi, ngày kinh hoàng chờ

mưa nghiêng

mây bay
mỗi lúc một xa
người vừa đó đã là cố nhân
vẫy tay
đưa tiễn một lần
mưa nghiêng trút lá,
gió vùn nát hoa

thương hoài

ý tình người Việt
dễ thương
đi đâu cũng nhớ quê hương
của mình
từ bờ tre tới mái đình
đến câu hát đố
trữ tình gái trai.

Nguyễn Thị Vinh

Trích từ thi tập Cõi Tạm

làm thơ

cầm bằng đau khổ vì tình
em tung hồn vỡ, giật mình anh rơi
còn hơn sống mãi thanh thoi
lấy đâu ra ý suốt đời làm thơ?

đêm oslo

giải sầu lòng lại thêm sầu,
đêm đông rủ bạn lên lầu uống say,
tỉnh ra nhìn bông tuyết bay,
tóc mềm đầu gục gió lay sợi vàng.

nuôi mẹ

chia nhau nuôi sống tuổi già
mỗi con một tháng, gần xa mẹ về:
"một ngày thừa, sống mới ghê,
tháng nào băm mốt, biết về nhà ai?"

tiếng việt

đời tôi gấn bó, keo sơn
cùng tiếng mẹ đẻ, còn hơn bóng hình
đất trời lẫn với người mình:
nụ cười, suối tóc, sóng tình, hoa tay.

Nguyễn Hữu Nhật

Trích từ thi tập Đã Đời



Fryktens språk



D. Nguyen

Gjengkriminalitet, falske asylsøkere, galskapsinfisert kukjøtt, terrortaliban, kreftfremkallende laks, illegale innvandrere, menneskesmuglere, brutale gruppevoldtekter... fryktens språk har blitt en del av politikernes og mediebildets leksikon. Det finnes knapt noen bedre måte å styre et land på eller øke opplagstallene og seeroppslutningene. SMS-generasjonen har behov for enkle, beskrivende ord og uttrykk. Det nytter ikke å komme med vanskelig ord og uklare uttrykk. Den enkleste måten å få oppmerksomheten på er å appellere til det som ligger dypt og latent i oss alle – frykten.

Hva er frykt? Hvordan kan en lite hyggelig ubegrunnet følelse totalt ta kontroll over våre liv og definere vårt virkelighetsbilde av verden? I leksikon beskrives frykt som "emotion caused by threat of some harm, sometimes manifested in symptoms of anxiety and prompting a decision to fight the threat or escape from it" (Encarta Encyclopedia, 2001) Norsk oversettelse: "en følelse av frykt skapt av en eller annen form for trussel, som iblant kommer til uttrykk i angstsymptomer og som gjør at vedkommende individ enten gjør noe med trusselen eller å flykte fra den."

Frykt behøver derfor ikke å være konkret. Trusselen kan være rettet mot en selv personlig, men det betyr ikke at trusselen nødvendigvis er reell. Det er den "ureelle" frykt som er politikernes og medias fremste salgsvare. Innerst inne vet vi at sannsynligheten er mikroskopisk liten for at et lite rådhus i Telemark som har fått et brev med hvitt pulver, er utsatt for et velorganisert terrorangrep. Eller at Norge om noen år får en så stor muslimsk befolkning at det kan utarte seg til religionskriger. Eller at Carl I. Hagen blir stortingspresident og kan vinke til alle innvandrerbarna fra Tøyen skole fra stortingsbalkongen på 17. mai. Allikevel

blir vi grepet av den, grepet av en ikke-reell frykt som politikere og media er flinke til å videreformidle og forsterke.

Den "ureelle" frykt har sitt eget språk. Dette er et språk der negative ord betones, og dramatiske beskrivelser er en del av grammatikkreglene. Språket brukes flittig av politikere og media for å oppnå mer oppmerksomhet og dertil bedre meningsmålingsresultater og salgstall. Og fryktens språk gir resultater. Den holder pensjonistene inne om kveldene og folk unna kjøttbønnen i matbutikkene. Den får folk til å kikke engstelig rundt etter arabisk lignende folk på flyplassene og postsorteringsfolk til å bruke hansker og munnbind.

Konstruksjoner av fiendebilder er en del av politikernes hverdag. Enkelte har skjont at kjedelig hverdagspolitikk ikke appellerer, hverken til publikum eller media. Historien har vist at skremselspolitikk har vært den beste måten å få publikums oppslutning på. Det sies at EU er Senterpartiets største fiende, men det er en sannhet med modifikasjoner. Hadde det ikke vært noe som het EU, så hadde partiet i dag garantert ikke hatt noen representanter i

Stortinget med tanke på så få bønder og landbruksfolk vi har i dag. Det samme kan man si om Fremskrittspartiet (FRP). Hadde det ikke vært for innvandrere, asylsøkere, alenemødre og finnmarkinger, hadde vi i dag hørt veldig lite om dette partiet, som langt mindre ville fått den oppslutningen det har i dag i befolkningen. Det er litt paradoksalt, men Muhammed i Grønland og A-gjengen på Tøyen er faktisk Carl I. Hagen og FRPs beste venner. Uten disse, hva skulle de ellers prate om i valgtider? Det er et elsk-hat forhold der FRP på den ene siden fremhever ubehagelige sider ved innvandrerne, samtidig som de på den andre siden innerst inne innser at de ville ha vært et miniparti uten disse "sosialklientene og kronisk kriminelle elementene".

Hva er grunnen til at vi iblant blir så lett grepet av frykt? Har vi spist så mye smuglet kyllingkjøtt at vi blir vettskremt hver gang media bruker store overskrifter over store farer som lurder rundt oss? En av grunnene er kanskje at media er flink til å underbygge sine påstander. Påstander som "4 av 10 er utsatt for blind vold, viser en ny undersøkelse" eller "gjengkriminelle står bak 30 prosent av all kriminalitet i storbyene, viser ny statistikk" er typiske utsagn som vi møter til daglig. Fordi påstandene framstår som objektive og har en "offisiell" statistikk som underbygger

den får den en veldig stor påvirkningskraft for vanlige publikum som leser eller hører dette. Det finnes et uttrykk som sier; "There are lies, damn lies and statistics", eller det finnes løgner, verre løgner og statistikk. For mediefolk er det ikke noen problem å utforme og manipulere undersøkelser slik at man får fram akkurat det resultatet man ønsker seg. Derfor er det en god regel å være litt skeptisk og kritisk til alt man hører og leser.

Vi beveger oss sakte, men sikkert inn til et moderne informasjonssamfunn der nyheter er blitt big business. Nyhetslesere er kjendiser, og værdamer må ha mindre tekstil i kroppen for å fange oppmerksomhet fra publikum. En utrolig informasjonsbredde strømmer til oss konstant gjennom mange veier: gjennom luften digitalt, gjennom kobberledninger analogt, på trykk, sms-meldinger, e-mail m.m. I dette mangfoldet av nyttig og unyttig informasjon er det viktig for oss å skille mellom fakta og fiksjon, mellom hva som høres fornuftig ut og hva som er billige triks for å fange vår oppmerksomhet. Fryktens språk er nettopp en av virkemidlene for å vinne vår oppmerksomhet.

Gandhi sa en gang: "Vær den forandringen du selv ønsker". Gjennom å vise mot der frykten har tatt overhånd har man tent et lykt der andre kan følge etter.

Cung Chúc Tân Xuân

Viết & Đọc kính chúc tất cả các thân hữu và bạn đọc một năm mới an khang thịnh vượng

Ban Thực Hiện



Cuồng

Sở tôi làm, nơi em ngày hai buổi
cách nhau vài thước hơn chục bậc thang
mấy cánh cửa ngăn hành lang,
vài con số "koder"
vậy mà nghe xa cách quá lê thê
tại em "quên" bốc phen, cũng không nôn liên lạc
tôi "mail" cho em mỗi khi vào lưới
gửi card Thanh Sơn* chúc một ngày vui tươi
cũng câu hỏi cuối tuần có chi lạ?
cho tôi được gặp em vì nhớ quá nụ cười

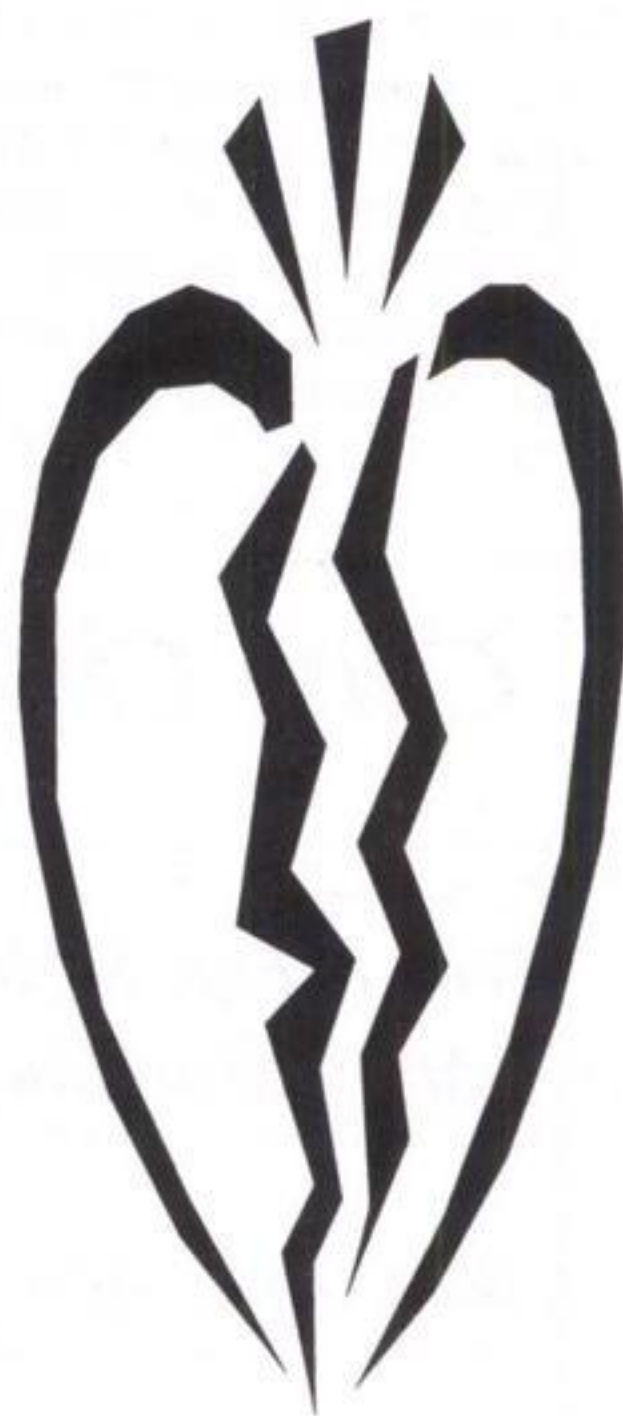
đôi khi mưa lạc nguồn đến thăm sa mạc vắng
em bằng lòng dạo bên tôi khi trời vừa tắt nắng
uống ly cà-phê không đường sao không nghe tí đắng
phố đêm không rượu nồng nhưng lòng lại gợn sóng lẫn tăn

"đường vào tình yêu có trăm lần đau có vạn lần... xìu"
đã biết thế sao tôi vẫn cứ liều
đêm băng khuâng mộng mơ
sáng thức dậy bơ phờ
nhìn nơi đâu chỉ thấy mỗi bóng hồng
nhớ nụ cười tan băng tuyết ngày đông
hai má lún đồng tiền làm tôi hụt hẫng chơi vơi
lời nói mật ong cho mềm môi mời gọi
và mái tóc buông lơ
như chục trói những tên si tình khờ dại như tôi

đã mấy cuối tuần trôi
tôi ôm phen tha hồ mơn mại
gọi cho em chuông xa xôi vọng tiếng thở dài
em ơ thờ khiến tim tôi vụn vỡ
nói thêm chi tiếng yêu cho lòng nửa vạt vờ
yêu em, yêu mãi đến bao giờ?

tiểu đệ

* *BlueMountains.com*



Hà Nội

trong tôi

Thơ : Nguyễn thị Vinh
Nhạc : Trần Thụy Minh

Chậm buồn

Tôi xa Hà Nội lâu rồi, mà sao Hà Nội trong tôi vẫn
gần. đi nhiều những tưởng quên dần, ngỡ đâu cảnh
cũ mười lần nhớ thêm. Nhớ cả tiếng rao qua
đêm, lẫn khuya trở lạnh chân êm ngủ vui,
phố nghèo gác hẹp mà vui: đuổi chân chạm vách, ngó trời mái
thửa. Sông Hồng se lạnh chiều mưa, thuyền vào bến
đậu người chưa lên bờ ơ ơ ơ... Ngọn tre chim khói sương
mờ, nhòe bay dần sếu ngóng mùa thu sang...
Dòng trôi chuyển khúc âm vang, xa xa vườn ổi chín vàng nắng
hạnh. Nhớ ơi là nhớ đường Thành, tường xưa vách
lờ rêu xanh ngọn tàn. Hà Nội trong tôi sáng
nay, quê người sắc trắng tuyết bay ngoài trời.
Lòng riêng tưởng hoa Sưa rơi, tuổi già nhớ mẹ như thời trẻ
để hết...
thơ... Hà Nội trong tôi bây giờ, thực mà vẫn
rall....
ảo là mơ thật rồi...



Bạn đọc yêu thơ muốn có tập thơ mới nhất
Cõi Tạm của thi sĩ Nguyễn Thị Vinh & *Đã Đời* của thi sĩ Nguyễn Hữu Nhật
xin liên lạc nhà xuất bản Anh em qua
thư điện tử anhem01@frisurf.no - điện thoại +47 22 38 28 53